VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

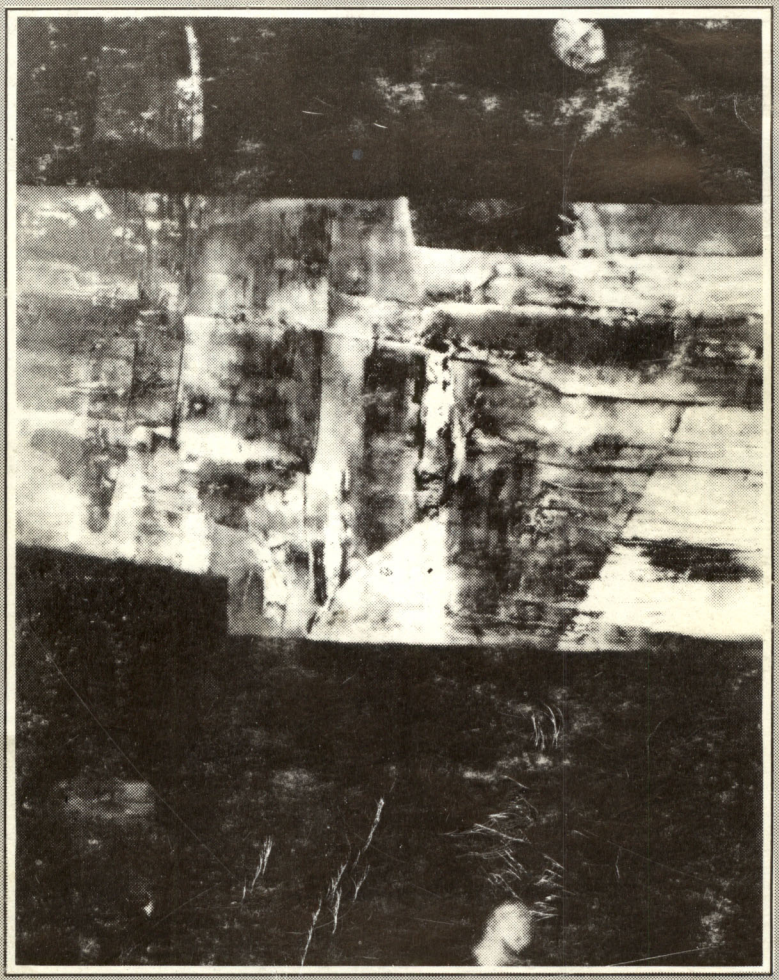

Đinh Cường

số 76 . tháng 8 năm 1992

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ Bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Trịnh Y Thư

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs. Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France.
Phone: 45.831.912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Rd, Padstow, N.S.W. 2211 Australia.
Tel: (02) 771.1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359, USA
Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

"bà trưng quê ở châu phong..."

Chắc có nhiều người như tôi thuở nhỏ đã học thuộc lòng sự tích Hai Bà Trưng qua mấy câu thơ trích trong *Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca*:

Bà Trưng quê ở Châu Phong,
Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên.
Chị em nặng một lời nguyền,
Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân.
Ngàn Tây nổi áng phong trần,
Ầm ầm binh mã tới gần Long Biên.
Hồng quần nhẹ bước chinh yên
Đuổi ngay Tô Định, dẹp tan biên thành.
Đô Kỳ đóng cõi Mê Linh,
Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta.
Ba thu gánh vác sơn hà,
Một là báo phục, hai là bá vương.
Uy thanh động đến Bắc phương,
Hán sai Mã Viện lên đường tiến công.
Hồ Tây dua sức vẫy vùng,
Nữ nhi chống với anh hùng được nao?
Cấm Khê đến lúc hiểm nghèo,
Chị em thất thế phải liều với sông . . .

Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca, theo ông Hoàng Xuân Hãn, có thể chính là *Thiên Nam Ngữ Lục* dịch ra quốc âm và được nhiều người sửa chữa, thêm bớt, còn *Thiên Nam Ngữ Lục* thì do chúa Trịnh Căn (1682-1709) sai một sử quan soạn, kể lại từ đời Hồng Bàng đến cuối đời thuộc Minh (1). Sách viết cuối thế kỷ thứ 17, hoàn thành khoảng 1865, tức là mười mấy thế kỷ sau khi Trưng Vương mất, tất không tránh khỏi những chỗ sai lạc, lại do các nhà Nho soạn thảo nên dù muốn, dù không, cũng mang theo ít nhiều quan điểm của

Nho gia.

Chúng ta thử cùng nhau kiểm điểm lại những gì đã được ghi chép về Hai Bà dựa theo một số sử liệu và thuyền thuyết.

NHỮNG NGHI VẤN

1. "Bà Trưng quê ở Châu Phong"

– *Sinh quán*: Từ điển Lê Văn Đức cho biết: "*Châu Phong thuộc huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên, là một trong 12 châu của 'An Nam Đô Hộ phủ' do Đường Cao Tông đặt ra năm 667, nay là một phần các tỉnh Sơn Tây, Vĩnh Yên và Phú Thọ hợp lại.*" Như thế "Châu Phong" là tên đặt ra về sau và trỏ vào một địa bàn bao quát, rộng rãi.

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư chép rõ hơn: "*Hai Bà người huyện Mê Linh, đất Phong Châu.*"

Trần Trọng Kim, Toan Ánh, Phạm Văn Sơn tỉ mỉ hơn nữa: "*Hai Bà người làng Hạ Lôi, huyện Yên Lãng* (theo Trần Trọng Kim và Toan Ánh, huyện Mê Linh theo Phạm Văn Sơn)*, tỉnh Phúc Yên.*"

Gần đây, Nguyễn Khắc Xương, trong *Văn Hóa Dân Gian Vùng Đất Tổ*, viết: "*Thành Mê Linh, ở xã Mê Linh, xưa là Cổ Lôi trang, sau gọi là làng Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phú, nay thuộc ngoại thành Hà Nội,*" (2) sát nhập khu vực Hà Nội từ năm 1978 (3). Xã Mê Linh có đền thờ Hai Bà.

Đinh Văn Nhật, trong *Nghiên Cứu Lịch Sử* số 172, cho Mê Linh là một huyện nằm trên hai bờ sông Hồng, tương ứng với tỉnh Vĩnh Phú và phần bắc Hà Sơn Bình, còn Trần Quốc Vượng thì cho Mê Linh nằm từ Ba Vì đến Tam Đảo (4).

– *Tên tuổi, gốc tích*: *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* chép Hai Bà họ Lạc, song Trần Quốc Vượng tin rằng thời cổ ta chỉ dùng tên, không có họ, họ do người đời sau thêm thắt (5).

Thần tích làng Nam Nguyễn và Miếu Mèn nói rằng mẹ Hai Bà tên là Man Thiện, tức Trần Thị Đoan, người làng Nam Nguyễn, cháu chắt bên ngoại các vua Hùng. (Hiện làng Nam Nguyễn còn "mả Dạ" được coi là mộ bà Man Thiện – chữ cổ *dạ* có nghĩa là *bà già đáng kính* – Thôn Cam Thiện, xã Đường Lâm còn một ngôi đền thờ bà Man Thiện) (6).

Tại miếu thờ Hai Bà ở Gia Phúc (Vĩnh Lạc) còn treo bức hoành phi ghi rõ *Lạc Hùng chính thống* chứng nhận Hai Bà thuộc dòng Hùng Vương (7). Khi phất cờ khởi nghĩa, Hai Bà có về núi Hùng làm lễ tế tổ tiên cầu xin phù trợ.

Bà Man Thiện góa chồng sớm, nuôi dạy hai con nghề trồng dâu chăn tằm, lại đón Đỗ Năng Tế, người Quốc Oai (Hà Tây) về Mê Linh luyện tập võ nghệ cho hai con. (Sau này Đỗ Năng Tế thành chánh tướng của Hai Bà, nay còn đền thờ ở Hà Tây).

Do nghề trồng dâu nuôi tằm, nên có những sử gia cho Hai Bà chính tên là "Chấc" và "Nhì" vì trong nghề chăn tằm người ta xếp loại trứng chấc và trứng hạng nhì.

Thần tích hai đền Hát Môn và Hạ Lôi cho biết Hai Bà là con sinh đôi vào ngày mồng một tháng tám năm Giáp Tuất (1/8/14), lên ngôi ngày mồng sáu tháng giêng (không nói rõ năm nào, chắc là năm 41) và mất ngày mồng tám tháng ba năm Quí Mão (8/3/43), thọ 29 tuổi.

– *Thi Sách*: Chồng bà Trắc tên là Thi Sách, người huyện Chu Diên (phủ Vĩnh Tường, Vĩnh Yên) và là quan lệnh Chu Diên, Chu Diên giáp giới với Mê Linh (8), song *Quốc Sử Tiểu Học Lục Biên* lại nói Thi Sách làm quan lệnh Dương Tuyền (9).

Theo Phạm Văn Sơn và một số sử gia thì Thi Sách họ Đặng, còn ngọc phả đình Nại Xá Nam, huyện Đan Phượng, lại ghi Thi Sách là con Dương Thái Bình và Hồ Thị Như, chính quê làng này (10).

2. "Giận người tham bạo, thù chồng chẳng quên"

Câu này nói ra rất rõ những lý do dựng cờ khởi nghĩa của Hai Bà: trước là vì giận Tô Định tham tàn, sau vì mối thù giết Thi Sách năm Canh Tý (năm 40), song một số sử gia chỉ nhấn mạnh vào mối thù giết Thi Sách và ngay *Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca* ở đoạn sau cũng viết: "*Một là báo phục, hai là bá vương*", tầm quan trọng đã bị đảo ngược, lý do chính bị đẩy xuống hàng dưới. Như thế là giảm giá trị cuộc khởi nghĩa Hai Bà vốn vì quốc thù và manh nha ngay từ sinh thời Thi Sách. Chính *Thiên Nam Ngữ Lục* đã dùng lời Tô Định trách Thi Sách: "*Nghe chước đàn bà làm sự bất trung . . .*" (11) Sử sách Trung Quốc như *Hậu Hán Thư, Thái Bình Hoàn Vũ Ký, Việt Kiều Thư . . .*

đều công nhận Trưng Trắc là người rất "hùng dũng", vì không chịu nổi chính sách bạo ngược của Tô Định đã "rủ chồng" lập mưu chống lại . . .

Thi Sách bị giết vào năm 40 mà Toan Ánh, dựa theo thần tích ở Hát Môn cho biết *"Ngày mồng bốn tháng chín năm Kỷ Hợi (39), Hai Bà cho giết trâu, mổ bò khao quân để khích lệ bầy vạn tân binh do bà Man Thiện mới tuyển mộ"* (12). Nếu quả đúng thế thì cuộc khởi nghĩa bắt đầu muộn nhất vào năm 39, tức là trước cái chết của Thi Sách. Song có thể Toan Ánh đã lầm vì đoạn sau lại nói *"khao quân sau khi rút ở Hồ Tây về"*, tức là sau khi thua Mã Viện vào năm 42.

Vả lại, bảo Trưng Trắc liều mình để báo thù cho chồng còn có lý chứ nhân dân toàn cõi Lĩnh Nam nhất tề hưởng ứng đánh đuổi Tô Định há phải chỉ vì cái chết riêng của Thi Sách? (13)

3. "Chị em nặng một lời nguyền"

Theo *Hậu Hán Thư*, sử liệu cổ nhất ghi chép về Hai Bà, thì cuộc khởi nghĩa công khai diễn ra vào tháng hai, hay tháng ba, năm Canh Tý (40), như vậy Thi Sách phải bị giết trước tháng ba năm 40.

Đại bản doanh đóng ở Nam Nguyễn, thuộc Hát Môn.

Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca chỉ nói thoáng qua *"Chị em nặng một lời nguyền"* nhưng *Thiên Nam Ngữ Lục* nói rõ hơn: trước khi ra quân, Hai Bà lập đàn thề ở Hát Môn và Trưng Trắc bước lên đàn thề rằng:

Một xin rửa sạch quốc thù,
Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng.
Ba kẻo oan ức lòng chồng
Bốn xin vẹn vẹn thửa công lênh này . . . (14)

Sau khi lập đàn thề, Hai Bà xuất quân từ Mê Linh phá cơ quan chỉ huy của nhà Hán ở Giao Chỉ rồi kéo xuống Tây Vu (15), dừng chân ở Cổ Loa, tiến đánh Luy Lâu (16). Tô Định thua to phải cạo râu, cắt tóc trốn về Nam Hải (Quảng Đông), sau bị hạ ngục do Mã Viện tố cáo (17).

Tương truyền khi ra trận, bà Trắc còn tang phục chồng nhưng vẫn mặc y phục rực rỡ. Quân tướng lấy làm lạ hỏi thì bà cho biết mặc tang phục ủ rũ khiến ba quân mất tinh thần, mặc mầu tươi đẹp, vui vẻ thì lòng quân phấn khởi và địch nhụt nhuệ khí cho nên vì việc lớn không cần phải giữ lễ mọn (18).

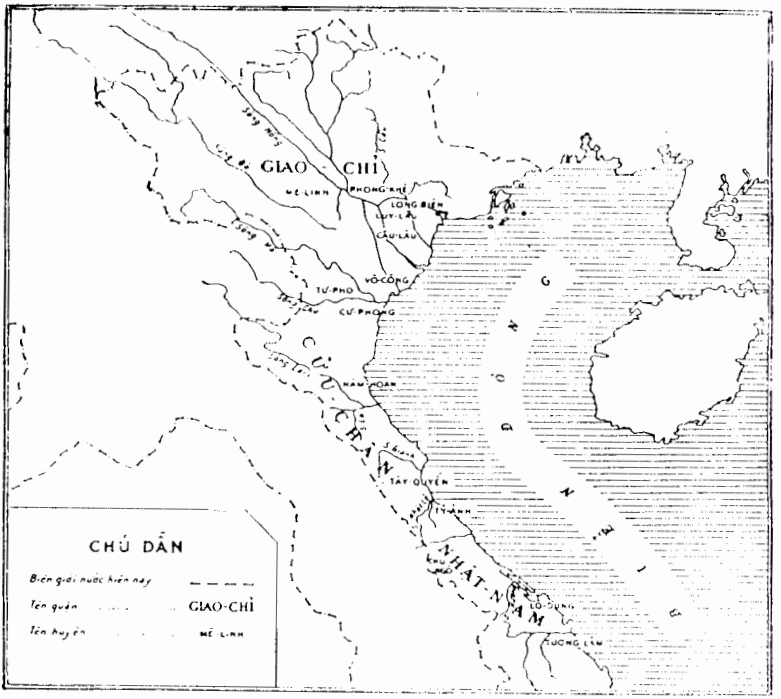

Việt Nam thế kỷ I – III *(Lịch Sử Việt Nam,* 1971)

Phong trào bài Hán lan đi rất nhanh, khắp nơi hưởng ứng kể cả những thủ lĩnh miền núi. Ngày nay dân Tây Nùng ở Việt Bắc và dân Choang ở Quảng Tây còn giữ được nhiều truyền thuyết và chứng tích như "Miếu Bà Trắc" ở phía nam Động Đình hồ (Hồ Nam). Chẳng bao lâu Hai Bà chiếm lại được toàn cõi Nam Việt và Âu Lạc cũ, cộng 56 thành (19).

Trên thực tế Hai Bà chỉ cai quản được có hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân. Dường như những nơi khác, đặc biệt các thủ lĩnh miền núi, cho Hai Bà chỉ ngang hàng nên không chịu tuân theo mệnh lệnh. Vì không có sự đoàn kết nên khi Mã Viện đem quân sang không gặp sức phản kháng đáng kể trước khi kéo tới Lãng Bạc.

Trần Trọng Kim, trong *Việt Nam Sử Lược*, viết rằng sau khi đánh đuổi được Tô Định, Hai Bà "tự xưng" làm vua, song *Thủy Kính Chú* cho biết Hai Bà được các lạc tướng "suy tôn" lên làm vua.

Đền thờ Hạ Lôi hằng năm vẫn làm lễ kỷ niệm ngày Hai Bà đăng quang vào mồng sáu tháng giêng.

4. "Hồ Tây đua sức vẫy vùng, Nữ nhi chống với anh hùng được nao?"

Theo *Hậu Hán Thư*, thì mùa xuân năm Nhân Dần (42), Mã Viện đóng quân ở Lãng Bạc, song cũng chính *Hậu Hán Thư* chép "*Hán Quang Vũ sai Mã Viện làm Phục Ba Tướng Quân, Đoàn Chí, Lưu Long làm phó tướng vào tháng tư năm 42.*" Như thế không ổn, cho nên Trần Quốc Vượng, Phạm Văn Sơn mới sửa lại là Mã Viện được cử đi vào tháng giêng, đến Lãng Bạc vào tháng tư năm 42. *Nam Man Truyện, Đế Kỷ Truyện* cũng chép Mã Viện tới Lãng Bạc vào mùa hè năm 42. Trần Quốc Vượng còn luận thêm rằng Hai Bà lên ngôi từ năm 40 mà mãi đến 42 mới có phản ứng của nhà Hán vì Trung Quốc khi ấy đang có nội loạn không rảnh tay để đối phó với nước ta.

Cũng vẫn theo *Hậu Hán Thư*, Mã Viện lấy hơn một vạn quân ở các quận Trường Sa, Linh Lăng (Hồ Nam), Quế Dương, Thương Ngô (Quảng Tây), nhưng *Thủy Kinh Chú* chép Mã Viện tuyển 12.000 tinh binh ở Giao Chỉ hợp với đại binh là 20.000 người, cùng thuyền xe 2.000 chiếc . . .

Đại binh thủy, bộ của Mã Viện hẹn họp nhau ở Hợp Phố (Quảng Đông) nhưng tới đây Đoàn Chí chết (20), Mã Viện được lệnh Quang Vũ thống lĩnh cả đoàn quân của Đoàn Chí kéo xuống miền Nam. Thủy binh đi đường bể, bộ binh men theo bờ biển, ngược sông Bạch Đằng, tiến qua Long Biên (21), Tây Vu, đến Lãng Bạc đóng quân. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Đại Nam Nhất Thống Chí, Việt Nam Sử Lược* đều cho Lãng Bạc là Hồ Tây ở Hà Nội, song dường như không đúng. *Đường Phố Hà Nội*, trang 415, viết rằng Hồ Tây tuy có tên là Lãng Bạc song "Lãng Bạc chiến trường" không phải là Hồ Tây, có thể là vùng đất trũng xen đồi núi huyện Tiên Sơn, Hà Bắc, gần sông Đuống.

Hồ Tây mang tên Lãng Bạc vì *Lãng* = sóng lớn; *Bạc* = hồ, mà sóng ở Hồ Tây thì có thể đánh đắm thuyền.

Liệu trong ba tháng Mã Viện có đủ thì giờ tuyển mộ hai đạo quân ở Hồ Nam và Giao Chỉ gồm 20.000 người, chọn ngày lành làm lễ tế cờ trước khi ra quân, tập họp quân thủy, quân bộ ở Hợp Phố, đưa tin Đoàn Chí chết đến vua Hán và đợi lệnh mới dám thống lĩnh đội quân của Đoàn Chí? E rằng ba tháng không đủ để Mã Viện thực thi bấy nhiêu công việc. Đấy là chưa kể đường

giao thông chưa thuận tiện, dọc đường quân sĩ còn phải vừa đi vừa mở đường, phá rừng, đục núi . . . Hơn nữa đây chỉ là một cuộc Nam chinh chứ không phải đi cứu giá cấp bách.

Theo Trần Trọng Kim và *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* thì Quang Vũ cử Mã Viện vào năm Tân Sửu (41) như thế Mã Viện có đủ thì giờ rộng rãi hơn: Trưng Vương lên ngôi cuối năm 40 hay đầu năm 41, tin đến tai vua Hán trong năm 41, Mã Viện được cử đi cũng trong năm 41, đến hè 42 thì tới Lãng Bạc.

Truyền thuyết ở Hát Môn kể bà Man Thiện bảo vệ Mê Linh. Tiền quân ở Lạng Sơn dưới quyền chỉ huy của Thánh Vẽ và Phùng Thị Chính (22) bị thua ở Bắc Giang. Căn cứ ở Tây Hồ sau trận thua ở Bắc Giang không còn là hậu cứ yểm trợ cho đạo tiền quân ở Lạng Sơn và đạo tiền quân ở Bạch Đằng do Thượng Tướng Lê Chân điều khiển. Lê Chân thua phải rút về Lãng Bạc (23).

Để bảo vệ Mê Linh, tháng tư năm 42, Trưng Nhị kéo quân từ Cổ Loa xuống chặn địch, giao chiến một trận lớn ở Lãng Bạc (*Hậu Hán Ký*) song không địch nổi đoàn quân tinh nhuệ của Mã Viện nên quân sĩ bị giết hàng ngàn. Hai Bà rút về Cấm Khê (24), nhờ địa thế hiểm trở dùng làm căn cứ cự địch thêm một thời gian khá lâu nữa.

Trước khi rút lui, Hai Bà giao quyền chỉ huy vùng Lãng Bạc cho nữ tướng Cao Như. Cao Như dùng thuật du kích chọn đánh quân chở lương của Mã Viện khiến cho Mã Viện nhiều phen khốn đốn (25). Tuy nhiên cuối cùng Hai Bà cũng phải bỏ Cấm Khê, lui về Hát Môn.

Hiển nhiên Hai Bà thua vì quân sĩ chưa được huấn luyện thuần thục và bản thân Hai Bà cũng thiếu kinh nghiệm chiến đấu: khi ấy Hai Bà mới non 30 tuổi trong khi Mã Viện đã là một lão tướng ít nhất cũng 58 tuổi (theo Trần Quốc Vượng – ngoài 70, theo Trần Trọng Kim), thế mà *Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca* lại biến nó thành một cuộc so tài giữa "nữ nhi" và "anh hùng". Dưới trướng Hai Bà có đến một nửa là nữ tướng (26), nửa còn lại gồm toàn "nam nhi", phải chăng chỉ có "nam nhi" Trung Quốc mới đáng mặt "anh hùng"? Hai Bà yếu thế mà vẫn chiến đấu đến cùng rồi hy sinh chứ không chịu hàng phục, như thế không phải là "anh hùng" sao? Hay hai chữ "anh hùng" chỉ để dành riêng cho những kẻ thắng trận?

5. "Chị em thất thế phải liều với sông"

Hai Bà lui quân về Hát Môn, Mã Viện lại tiến đánh, thế cùng Hai Bà phải nhảy xuống sống Hát tự trầm.

Dựa theo thần tích đền Đồng Nhân, Toan Ánh chép rằng sau khi Hai Bà gieo mình xuống sông Hát, xác hóa đá giạt vào bãi Đồng Nhân, dân làng vớt lên lập đền thờ ngay trên bãi . . .

Thần tích các đền Mê Linh (Hạ Lôi), Gia Phúc, đền thờ Vĩnh Hoa công chúa cũng chép Hai Bà gieo mình xuống sông Hát (27), song *Việt Sử Lược* cũng như *Hậu Hán Thư*, *Giao Châu Ngoại Vực Ký*, v.v... lại chép Hai Bà mất ở Cấm Khê.

"Lưu Long Truyện" (*Hậu Hán Thư*) nói chính Lưu Long đã chém đầu Trưng Nhị ở Cấm Khê, còn "Mã Viện Truyện" (*Hậu Hán Thư*) thì ghi Mã Viện chém thủ cấp Hai Bà đem về Lạc Dương.

Lĩnh Nam Chích Quái cũng như thần tích làng Hạ Lôi nói Trưng Nhị tử trận, Trưng Trắc lên núi Hi Sơn (núi Hùng) hóa. Thần tích Quý Lan Nương, Ngũ Vị Áp Lang, Cả Lợi, Hai Lợi đều chép Hai Bà tử trận ở Cấm Khê, các tướng cướp xác về chôn ở Hi Sơn (28).

Đâu là sự thực? Trước hết, chúng ta phải bãi bỏ các thuyết cho rằng xác Hai Bà hóa đá giạt vào bãi Đồng Nhân bởi vì nó huyền hoặc: xác không thể hóa đá, mà đã hóa đá thì phải chìm không thể "trôi giữa sông với tư thế giơ cao tay như vẫy vùng"!!! (29)

Nếu xác Hai Bà giạt vào cùng một lúc, tức là Hai Bà chết cùng một nơi và cùng một thời điểm, song không có gì đảm bảo Hai Bà đã không tách nhau ra để chiến đấu riêng rẽ. Có những truyền thuyết hoặc chứng tích cho thấy Trưng Nhị đóng quân ở Lâu Thượng (Việt Trì), Trưng Nhị kéo quân từ Mê Linh xuống Lãng Bạc cự địch, Trưng Nhị tử trận còn Trưng Trắc lên núi Hi Sơn hóa . . . đấy là chưa kể *Hậu Hán Thư* chỉ nói Lưu Long đã chém Trưng Nhị ở Cấm Khê chứ không nói đã chém được cả hai.

Thêm nữa, đền Đồng Nhân thực ra chỉ mới được xây từ đời Lý, tức là hàng nghìn năm sau khi Hai Bà tuẫn tiết. *Đại Nam Nhất Thống Chí* chép rằng: "*Một hôm dân làng thấy có hai pho tượng đá trôi giữa sông, tỏa ánh sáng rực rỡ. Gặp lúc đại hạn, đến cầu đảo thấy ứng nghiệm. Vua Lý Anh Tông nghe tin truyền lập đền thờ.*" (30) Hai Bà tự trầm từ năm 43 mà đến đời Lý mới có hai

pho tượng đá trôi sông, sao dám quả quyết là "xác hóa đá"? Chẳng lẽ hóa đá rồi cứ ẩn dưới lòng sông chờ đủ ngày tháng mới nổi lên hiển linh? Có lẽ vì nhận thấy chỗ bất ổn ấy nên có người sửa lại là "do khí anh linh của Hai Bà kết thành", song vẫn không trôi. Có thể chỉ là hai khúc cây hình dạng giống người, mà cành cây là những cánh tay "*giơ cao trong tư thế vẫy vùng*"?

Chuyện "xác hóa đá" tạm coi như đã giải quyết, còn lại vấn đề: Hai Bà đã tự trầm như phần đông sử sách ta ghi lại hay bị chém giết như sử sách Trung Quốc viết?

Đền Hát Môn có tục cấm dùng màu đỏ. Các đồ thờ đều sơn *then* (đen), dân địa phương kiêng mặc áo đỏ, khách thập phương đến dự lễ mặc áo đỏ phải cởi ra. Không chỉ đền Hát Môn mới kiêng màu đỏ mà cả hai đền ở Yên Cư và Hạ Lôi, huyện Yên Lãng cũng kiêng (31), vì màu đỏ tượng trưng cho máu mà Hai Bà mất về binh đao. Nếu tự trầm mà chết thì làm gì có máu chảy ra để Hát Môn, nơi Hai Bà xuất trận lần cuối, và Hạ Lôi, sinh quán của Hai Bà, phải tránh dùng màu đỏ? Phải chăng vì không muốn chấp nhận một cái chết thảm, hoặc vì tự ái dân tộc, nên thần tích Hạ Lôi chỉ nói mập mờ rằng "*Trưng Nhị tử trận, Trưng Trắc lên núi Hi Sơn hóa*"?

Và có lẽ vì thế người ta đã đem cái chết của bà Man Thiện gán ghép cho hai người con? Truyền thuyết Sơn Tây cho biết bà Man Thiện giáp chiến với quân Hán bị thương nặng rồi gieo mình xuống sông tự tử, thi hài trôi về bến Nam Nguyễn, xác vẫn còn tươi như lúc sống (32).

Tóm lại, có thể Trưng Nhị quả đã tử trận, Trưng Trắc bị thương nặng rồi mới tự trầm nên có máu chảy ra, và chắc Hai Bà chết riêng rẽ nên làng Hạ Lôi mới nói "*Trưng Nhị tử trận, Trưng Trắc lên núi Hi Sơn hóa . . .*" Sau khi Hai Bà hy sinh, có thể Mã Viện tìm lấy thủ cấp Hai Bà đem về Lạc Dương, hoặc đem thủ cấp của hai người khác thay thế thì Hán Quang Vũ của khó mà phân biệt được thực giả.

Nhiều người coi ngày mồng 6 tháng 2 là ngày giỗ của Hai Bà chắc vì là ngày đền Đồng Nhân mở hội, mà đền Đồng Nhân ở gần Hà Nội nên được nhiều người biết đến. Sự thực mồng 6 tháng 2 không phải là ngày giỗ mà chỉ là ngày vớt tượng Hai Bà ở dưới sông lên. Đền Hát Môn làm giỗ vào ngày mồng 8 tháng 3 có lẽ đúng vì Hát Môn là nơi Hai Bà xuất trận lần cuối hẳn phải biết rõ hơn.

Sau khi Hai Bà mất, các thủ lĩnh còn tiếp tục chiến đấu mãi đến tháng 11 năm 43 khi Mã Viện tiến quân vào quận Cửu Chân, diệt hết tàn quân của Hai Bà. Rất nhiều quân tướng bị hại, hơn 300 thủ lĩnh bị đày đi Linh Lăng (Hồ Nam). Nhà Trưng đến đây là hết (33).

CÁC ĐỀN THỜ VÀ CHỨNG TÍCH

I. Đền thờ Hai Bà

Đền thờ Trưng Vương được xây ở nhiều nơi, ít nhất cũng hàng chục cái rải rác trên địa bàn hoạt động của Hai Bà. Ba đền thờ chính là các đền ở Hạ Lôi, Hát Môn và Đồng Nhân.

– *Đền Hạ Lôi*: Hạ Lôi là sinh quán của Trưng Vương. Đền xây từ thời Đinh Tiên Hoàng, trên gò Chu Diên, làng Hạ Lôi, huyện Mê Linh, ngày nay thuộc huyện Yên Lãng, mới sát nhập vào khu vực Hà Nội. Mỗi năm đền mở hội hai lần:

1. Mồng 1 tháng 8 là ngày thánh đản, tức là ngày sinh của Hai Bà. Tương truyền Hai Bà là chị em sinh đôi vào năm Giáp Tuất (14 Tây lịch).

2. Mồng 6 tháng giêng (34) là ngày Hai Bà làm lễ đăng quang, chắc vào năm 41 vì tháng 3 năm 40 Hai Bà mới công khai dựng cờ khởi nghĩa. Tuy nhiên đến tháng 3 năm 43 Hai Bà đã hy sinh, như thế là chỉ làm vua có hai năm mà sử sách ta đều chép "ba thu" có lẽ tính từ ngày Hai Bà lập đàn thề (tháng 3 năm 40)?

Hằng năm đến ngày mồng 6 tháng giêng, dân làng tổ chức đám rước ra sông lấy nước về tắm tượng (lễ mộc dục). Kiệu Bà (Trắc) đi trước kiệu Ông (Thi Sách).

Lại có tục kén 150 thanh niên và 150 thiếu nữ cho tập trận giả: trai khăn đóng, áo the, quần trắng, thắt lưng bó que; gái khăn nhiễu tam giang, váy đen, áo tứ thân thắt vạt đàng trước. Đoàn nữ binh đi hộ giá thì chít khăn hồng, đi hài thêu.

Những huyện lân cận có đền thờ Hai Bà cũng có tục rước kiệu về Mê Linh trong ngày hội tế (35).

– *Đền Hát Môn (cũng gọi là Miếu Hát)*

Đây được coi là nơi thờ chính vì Hai Bà lập đàn thề, đóng đại bản doanh, xuất trận lần cuối đều ở Hát Môn.

Đền xây ngay trên bờ sông Hát, thuộc xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, Sơn Tây, mới sát nhập vào vùng Hà Nội.

Mỗi năm đền mở hội ba lần, đặc biệt trong đền cấm dùng màu đỏ:

1. Mồng 8 tháng 3 là ngày Hai Bà tuẫn tiết (36). Dân làng có tục làm 100 cái bánh trôi nhỏ hình quả trứng, đặt 49 cái lên một bông hoa sen, hay một tàu lá sen, thả xuống sông cho trôi ra biển, nhắc lại sự tích bà Âu Cơ đẻ ra 100 cái trứng, 49 người theo cha ra biển, một người ở lại làm vua Hùng, tức là nhắc lại gốc tích Hai Bà vốn dòng dõi Hùng Vương; đồng thời cũng nhắc lại chuyện bà hàng bánh trôi đã dâng bánh lên Hai Bà dùng trước khi xuất trận lần cuối. (Hiện nay còn đền thờ bà hàng bánh dưới gốc cây đa cổ thụ) (37).

2. Mồng 4 tháng 9 dân làng có tục trình một con trâu quí tướng, cho uống rượu rồi mới làm lông, thui vàng để tế, kỷ niệm ngày Hai Bà giết trâu, mổ bò khao quân. Lý do không được rõ rệt: đoạn trên Toan Ánh nói khao quân để khích lệ 7 vạn tân binh do bà Man Thiện mới tuyển mộ vào năm Kỷ Hợi (39), đoạn dưới lại nói khao quân sau khi rút ở Tây Hồ về, tức là vào năm 42. Có lẽ thuyết sau đúng hơn vì năm 39 Hai Bà chưa công khai khởi nghĩa mà tuyển một lúc tới 7 vạn quân, rầm rộ ăn khao thì làm thế nào che mắt Tô Định nổi? Còn sau khi thua ở Lãng Bạc và Cấm Khê, quân sĩ hao tổn nhiều, tuyển mộ binh mới và ăn khao, công khai khích lệ tân binh hợp lý hơn.

3. Ngày 24 tháng 12 là ngày lễ quan trọng nhất, kỷ niệm trận đại thắng của Hai Bà cùng Cao Như. Tương truyền trước khi rút lui, Hai Bà giao quyền chỉ huy vùng Lãng Bạc cho nữ tướng Cao Như. Cao Như dùng chiến thuật du kích, chẹn đánh xe lương của Mã Viện khiến cho Mã Viện nhiều phen khốn đốn. Ngày 24 tháng 12, quân của Cao Như trá bại, rút về Mê Linh, Mã Viện đuổi theo tới sông Hát, Hai Bà đổ quân ra đánh, Cao Như quay lại phản công, Mã Viện đại bại phải rút về Lãng Bạc cố thủ chờ viện binh của Lưu Long từ sông Hồng tới (38).

Đến ngày lễ, nửa đêm trai gái trong làng theo hiệu trống ra tập họp thành hai đạo tiền và hậu quân để rước tượng Hai Bà ra sông tắm rồi về. Tùy vai vế trong làng, trai được cất cử mang gươm giáo hộ vệ kiệu hay phải vác cờ trống . . . Lại chọn 8 trinh nữ xinh đẹp cho theo hầu sau kiệu.

– *Đền Đồng Nhân*

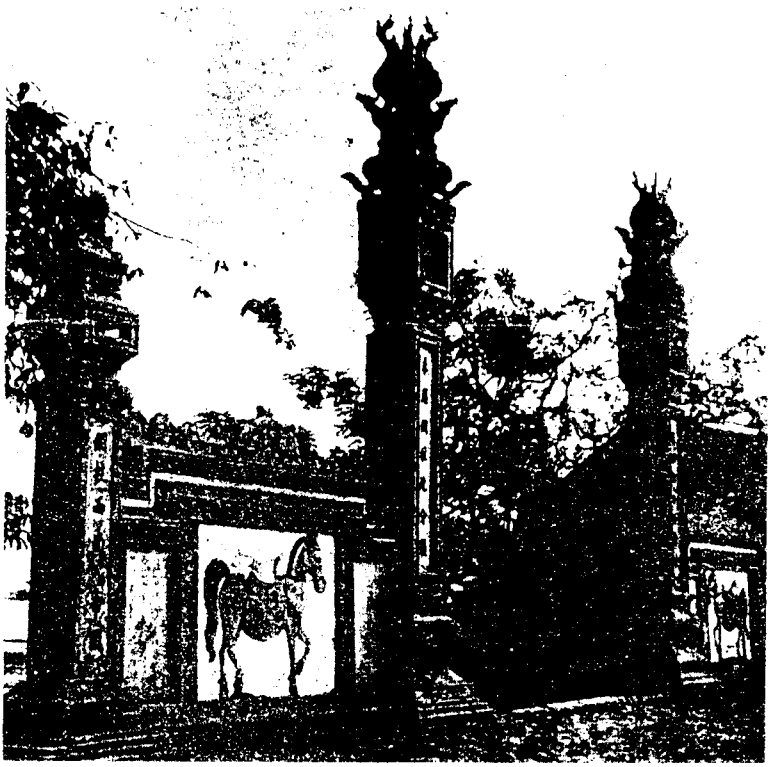

Đền Hai Bà Trưng ở Hát Môn, Hà Tây (*Lịch Sử Việt Nam, 1971*)

Toan Ánh viết Hai Bà mất ở sông Hồng, xác hóa đá trôi về bãi Đồng Nhân, dân làng vớt lên lập đền thờ ngay ở Vườn Tịch trên bãi, sau đất xói lở phải dời lên vào thôn Hướng Viên, xã Đồng Nhân, huyện Tranh Trì, phía Nam Hà Nội (nay thuộc nội thành Hà Nội). *Đại Nam Nhất Thống Chí* ghi: "*Trưng Vương mất ở sông Nhị, sau hóa thành hai pho tượng đá, ngồi giữa dòng sông, thường có ánh sáng tỏa ra, rất anh linh. Năm Đại Định thứ ba, đời Lý Anh Tông, có đại hạn, dân cầu đảo ứng nghiệm, vua truyền cho lập đền thờ ngay bờ sông, sau bãi lở phải dời đền vào thôn Hướng Viên, huyện Thọ Xương.*" (39)

Đường Phố Hà Nội và *Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội* chép: "*Năm 1142, dân làng Đồng Nhân thấy hai pho tượng đá do khí anh linh của Hai Bà kết thành, trôi trên sông trong tư thế giơ cao hai tay như vẫy vùng trong ba quân . .*

. bèn lập đền thờ. Năm 1819, bờ sông lở, phải chuyển đến vào phía trong." (40)

Đền mở hội tháng 2, bắt đầu tế lễ từ mồng 3, song mồng 5 mới là ngày lễ chính là lễ "mộc dục", tức là rước kiệu bơi thuyền ra giữa sông Hồng lấy nước về nấu trầm hương tắm tượng. Đám rước có đủ cờ quạt, phường bát âm, kiệu, các bô lão, chức sắc mặc áo tế, theo sau là dân chúng. Hai bên đường có hương án bái vọng.

Đặc biệt đôi khi đền tổ chức tế nữ quan, tức là từ chủ tế, bồi tế đến các chấp sự viên đều là phụ nữ. Lại chọn hai bà lão góa chồng có đức hạnh làm công việc tắm, thay áo cho tượng và dâng đồ cúng ở hậu cung.

Sau tế có mục múa đèn hoa sen làm bằng giấy cắt dán vào một cái đĩa hay đài, giữa đặt một ngọn nến đang cháy. Vũ công mặc áo dài đen, thắt lưng bỏ múi cạnh sườn, hai tay hai đèn múa theo nhịp trống của "*con đĩ đánh bồng*", là một nam nhân ẻo lả, mặc áo thâm, quần trắng, khăn lượt, đeo một cái trống con trước bụng quàng qua vai bằng dây ngũ sắc, lưng cắm hai hoặc bốn chiếc cờ đuôi nheo nhỏ. Người múa không được làm tắt nến, cũng không được để lửa làm bén cháy vào cánh hoa sen bằng giấy.

Ngoài ra ở thửa ruộng gần đấy còn tổ chức chơi cờ bỏi, quân làm bằng biển gỗ. Đến tối lại thêm hát chèo (41).

Mồng 6 đền làm lễ chay.

Mồng 7 xôi thủ.

Mồng 8 mỗi giáp góp một con lợn tế.

Trên cây đa ở sân đền còn treo những bó hương, hài giấy để cúng những người hầu cận Hai Bà (42).

Ngoài ba ngôi đền kể trên, các xã sau đây đều có đền thờ Hai Bà:

– Xã Phụng Công, huyện Văn Giang.

– Thôn Nam Mẫu, huyện Chương Đức.

– Xã Yên Cư, huyện Yên Lãng.

– Xã Nguyệt Đức, Vĩnh Lạc, đền Gia Phúc.

– Đình Lâu Thượng, Việt Trì thờ Trưng Nhị. Xã Lâu Thượng ở ngã ba Bạch Hạc là chỗ Trưng Nhị đóng dinh, tập luyện quân sĩ. Cái hồ trước cửa đình là nơi bà tắm giặt, xóm Ươm là nơi đóng nữ binh. Dân ở đây kiêng tên húy của bà và gọi chệch ra là "Nhợi" hoặc "Nhội" (43).

II. Đền thờ chư tướng

Nói đến sự nghiệp Trưng Vương, chúng ta không thể quên công đóng góp của các tướng đã cùng Hai Bà vào sinh ra tử. Đền thờ các tướng cũng rải rác khắp địa bàn hoạt động của cuộc khởi nghĩa chống Tô Định (39-40) và cuộc kháng chiến chống Mã Viện (42-43).

1. Địa bàn Hà Nội ngày nay

Theo *Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội*:

– *Huyện Mê Linh*: chàng Hốt, hai chị em Đề Nương, chàng Hắc, hai chị em sinh đôi Ả Nường, Ả Nàng.

– *Huyện Ba Vì*: Phùng Thị Nghĩa, Lê Thị Lan, bà Man Thiện.

– *Huyện Phúc Thọ*: Phùng Tứ, Phùng Huyền, Man Thiện.

– *Huyện Đan Phượng*: Hai Diệu, Lôi Chấn, Sa Lăng (44).

– *Huyện Từ Liêm*: Đinh Bạch Nương, Đinh Tích Nương. *Hội Ké*: ba anh em họ Quách Lăng và hai nàng họ Đinh (45).

– *Huyện Thanh Trì*: Nguyễn Tam Trinh (hay Chinh) tức Đô Trinh, đền thờ ở xã Mai Động (46). Nàng Tía, xã Vĩnh Quỳnh (47).

– *Huyện Thạch Thất*: Lý Minh, Đào Khang.

– *Huyện Hoài Đức*: hai chị em Ả Lã - Nàng Đê và chàng Quốc (Ả Lã là tên cúng cơm, Nàng Đê là tên thường gọi).

– *Huyện Đông Anh*: Vĩnh Huy, Đông Bảng.

– *Huyện Gia Lâm*: Quốc Nương, vợ chồng Đào Kỳ, Phương Dung, Bạch Sam, Khỏa Ba Sơn, ông Đống, ông Hồ, Trương Liệt, ba anh em Đào Chiêu Thống, Đào Chiêu Hóa, Đào Tam Long.

Phường Thổ Quan, quận Đống Đa còn nhiều di tích anh em Hiển Hựu, Quí Minh và Phương Dung.

2. Địa bàn Vĩnh Phú

Theo *Văn Hóa Dân Gian Vùng Đất Tổ*:

– *Huyện Bình Xuyên*: xã Quất Lưu: ba chị em Đạm Nương và ông Tuấn; xã Phú Xuân: Do Sa; xã Thanh Lăng: năm anh em chàng Vịt; xã Tam Hợp: nàng Dưỡng, các ông Bình và Bạc.

– *Huyện Cẩm Khê*: xã Điêu Lương: Nguyệt Cư Nương, Tiên Anh Nương,

ông Chu Sĩ.

– *Huyện Đoan Hùng*: xã Tây Cốc: nàng Nguyệt Điện, tướng Mạnh Đạo; xã Phương Trung: năm anh em Trần Tuấn.

– *Huyện Thanh Hòa*: xã Văn Lang: Lê Ả Lan, Lê Anh Tuấn; xã Mai Tùng: Hải Long; xã Phương Lĩnh: nàng Nhật Nguyệt; xã Thanh Vân: nàng Nhân Uyển; xã Chi Tiên: Nguyễn Thị Hạnh; xã Đỗ Xuyên: bà Sơn Dung; xã Quán Giang: bà Sơn Dung.

– *Huyện Lập Thạch*: xã Thái Hòa: vợ chồng Thục Nương, Nguyễn Tuấn; xã Hợp Lý: hai anh em họ Nguyễn; xã Liễn Sơn: Quí Lan Nương; xã Đạo Trù: nàng Bàu; xã Đồng Ích: vợ chồng Ngọc Kinh, Lệ Minh.

– *Huyện Phong Châu*: xã Hà Thạch: Mai Hoa; xã Phượng Lâu: Bát Nàn; xã Trạm Thản: Ả My; xã Phú Mỹ: Hà Tơ, Hà Liễu (nam).

– *Huyện Tam Thanh*: xã Hương Nha: Xuân Nương; xã Hiền Quan: Thiều Hoa (48); xã Quang Húc: Quỳnh Hoa, Quế Hoa.

– *Huyện Tam Dương*: xã Hợp Thịnh: Lê Thị Liễu; xã Tam Quan: Lê Thị Liễu; xã Hoàng Hoa: Nguyễn Chiêu Lệ (nam).

– *Huyện Thanh Sơn*: xã Kim Thượng và xã Mỹ Thuận: Ả Nàng.

– *Thành phố Việt Trì*: xã Minh Nông và Minh Phương: nàng Nội.

– *Huyện Vĩnh Lạc*: xã Tam Phúc: Ả Lã; xã Lũng Hòa: Lê Ngọc Trinh; xã Chấn Hưng: Cả Lợi, Hai Lợi; xã Tân Tiến: Đồng Vịnh; xã Nguyệt Đức: Vĩnh Hoa công chúa; xã Liên Châu: Quách A Nương (Khâu Ni công chúa).

III. Những chứng tích

– *Thành cổ Mê Linh*: là một lũy cổ xây đắp thời Hai Bà.

– *Thành Dền*: xã Cự An, huyện Mê Linh, do Trưng Nhị xây đắp. Ta có câu:

Cự An thì có thành Dền,
Hạ Lôi thì có ngôi đền thờ vua.

– *Lũy cổ*: *Đại Nam Nhất Thống Chí* cho biết ở xã Cự Yên, huyện Yên Lãng có hai lũy cách nhau không xa, nền cũ vẫn còn (49). Có lẽ *thành cổ Mê Linh, thành Dền* và *lũy cổ* cũng là một.

– *Bãi Trường Sa*: ở tả ngạn sông Hát, nơi Hai Bà xây dựng đồn quân (50).

– *Làng Giỏ: nay thuộc huyện Phong Châu, là nơi Trưng Trắc đóng quân cùng Trưng Nhị chỉnh đốn quân ngũ, luyện tập quân sĩ.*

– *Xứ Voi Đầm*: Trước khi tiến vào núi Hùng làm lễ tế tổ tiên, Hai Bà ghé thăm đền thờ Nguyệt Cư công chúa, con Hùng Vương thứ 16, ở xã Cao Mại. Tại đây voi của Hai Bà đóng ở một nơi, sau thành tên là xứ Voi Đầm (51).

– *Thần tích đền Mị Châu ở Cổ Loa* cho biết Hai Bà kéo quân qua đây và đã nghỉ tại Cổ Loa (52).

– *Bãi Ụ*: xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, còn di tích bãi Ụ là ụ chiến đấu chống Mã Viện của nghĩa quân trước khi Hai Bà rút vào căn cứ Cấm Khê (53).

– *Mả Dạ*: mộ của bà Man Thiện ở làng Nam Nguyễn, huyện Phúc Thọ.

– *Miếu Môn*: (Hà Sơn Bình) còn di tích một chiến lũy dài gần một cây số, phía ngoài là hào sâu, cách lũy 50 thước ở phía Bắc là đền thờ nữ tướng Chu Tước (54).

– Hội hát chèo vùng Gối: huyện Đan Phượng, từ 15 đến 23 tháng giêng, mấy chục năm mới mở hội một lần. Dân các làng trong vùng đóng thuyền rồng và voi bằng tre phất giấy. Mỗi Tầu gồm hai thuyền, mười voi, một chúa Tầu, mỗi voi có hai quân. Tất cả đều vai nữ, diễn lại cảnh Hai Bà vượt sông Hồng đi đánh giặc (53).

– *Gò Mả Voi*: thôn Cẩm Viên, xã Đại Từ, Vĩnh Lạc, chôn xác một con voi trận của Hai Bà (56).

*

Chuyện xảy ra cách đây ngót 2.000 năm, sử liệu của ta vốn hiếm lại bị thất lạc, hoặc bị quân Chiêm đốt, quân Minh hủy hoại . . . Sử sách Trung Quốc viết theo nhãn quan của thiên triều, Trưng Vương khởi nghĩa biến thành "làm phản" . . . Truyền thuyết và thần tích các đền miếu của ta ghi chép nhiều điều huyền hoặc, thật khó mà tìm ra sự thực. Song dù cho tên tuổi các vị anh hùng có thể bị đời sau thay đổi, sự nghiệp có thể được tô điểm . . . nhưng chí phấn đấu chống ngoại xâm nhất định không phải chuyện bịa đặt. Các đền thờ dựng lên khắp nơi cùng với những cổ tục còn truyền lại như đánh phết, tập trận giả . . . đã là những bằng chứng hùng hồn. Và ngày nay, dù ở ngoại quốc, vẫn có những người dân Việt hằng năm làm lễ tưởng niệm những vị anh hùng đã xả thân vì nước. □

Chú thích:

1. *Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca*, trang 18.

2. *Trang* = Xã, thôn. *Văn Hóa Dân Gian Vùng Đất Tổ*, trang 109.

3. *Đường Phố Hà Nội*, trang 297.

4. Trần Quốc Vượng, trang 262. *Đường Phố Hà Nội*, trang 297.

5. Trần Quốc Vượng, trang 262.

6. Trần Quốc Vượng, trang 263. *Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội*, trang 273.

7. Trần Quốc Vượng, trang 261: Lạc tướng được coi là dòng dõi nhà Hùng.

8. *Chu Diên*, phủ Vĩnh Tường, trước thuộc tỉnh Sơn Tây, nay thuộc Vĩnh Yên (*Việt Nam Sử Lược*, trang 47).

9. *Trung Bắc Chủ Nhật*, 31-12-1944, trang 13-16.

10. *Đường Phố Hà Nội*, trang 427.

11. *Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca*, trang 38.

12. *Hội Hè Đình Đám* I, trang 53.

13. *Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca*, trang 38-9. Không biết dựa vào đâu mà *Thiên Nam Ngữ Lục* viết: "Người ta nói khéo bảo nhau. Rằng người Sách lấy hai hầu họ Trưng" và đặt vào miệng Thi Sách: "Đôi Trưng tao, vốn của yêu".

14. *Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội*, trang 72 và Trần Quốc Vượng, trang 264. Bốn câu thề này trích *Thiên Nam Ngữ Lục*. Theo ông Hoàng Xuân Hãn *Thiên Nam Ngữ Lục* bịa đặt nhiều điều. *Hát Môn*: thuộc huyện Phúc Thọ, ngoại thành Hà Nội (trước thuộc Sơn Tây).

15. *Tây Vu* thuộc miền Tiên Du.

16. *Luy Lâu* tức làng Dâu, huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc.

17. Trần Quốc Vượng, trang 268.

18. *Việt Sử Tiêu Án* chỉ nói Trưng Trắc mặc áo rực rỡ, nhưng có sử gia chép tỉ mỉ rằng Trưng Trắc mặc áo giáp vàng, che tàn vàng . . . Tôi không chắc thời ấy màu vàng đã dành riêng cho vua dùng ở nước ta. Vả lại khi ấy Hai Bà chưa lên ngôi.

19. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư I*, trang 91-2 chép là 65 thành. Trần Quốc Vượng, trang 267: Giao Chỉ (12 thành) + Cửu Chân (5) + Nhật Nam (5) + Hợp Phố (5) + Nam Hải (7) + Thương Ngô (11) + Uất Lâm (11) = 56 thành (1 thành = 1 huyện).

20. Trần Quốc Vượng, trang 274: Thần tích và truyền thuyết đình Ngọc Lâm, Yên Dũng, Hà Bắc nói nữ tướng Thánh Thiên đã mang quân cự địch ngay từ Hợp Phố. Đoàn Chí bị bịnh chết như sử Tàu chép hay tử trận?

21. *Long Biên*, theo Hoàng Xuân Hãn là trị sở Giao Châu ở vùng Thuận Thành, sách sử ta thường chép lầm là ở Hà Nội (*Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca*, trang 75).

22. Phùng Thị Chính, còn tên là Xuân Nương. Xin xem Các nữ tướng của Hai Bà Trưng, *Hợp Lưu* số 3.

23. *Hội Hè Đình Đám I*, trang 53.

24. *Cấm Khê* thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (*Việt Nam Sử Lược*, trang 47) ở chân núi Ba Vì, xưa thuộc Mê Linh (Trần Quốc Vượng, trang 276).

25. *Hội Hè Đình Đám I* ,trang 53.

26. Xem *Hợp Lưu* số 3.

27. *Văn Hóa Dân Gian Vùng Đất Tổ*, trang 110. *Sông Hát*: đoạn sông Đáy tiếp liền với sông Hồng.

28. *Văn Hóa Dân Gian Vùng Đất Tổ*, trang 110.

29. *Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội*, trang 64.

30. *Đại Nam Nhất Thống Chí III*, trang 202.

31. *Đại Nam Nhất Thống Chí IV*, trang 222.

32. *Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội*, trang 107.

33- Trần Quốc Vượng, trang 281.

34. *Hội Hè Đình Đám I*, trang 57 chép là ngày 15 tháng giêng.

35. *Văn Hóa Dân Gian Vùng Đất Tổ*, trang 109. *Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội*, trang 198.

36. *Hội Hè Đình Đám I*, trang 53 chép là mồng 6 tháng 3.

37. Toan Ánh cho có lẽ cái tên "bánh trôi" của ta do đó mà ra và sự tích bánh trôi của ta khác với Trung Quốc. Nếu quả đúng thế thì trước đó bánh trôi mang tên gì?

38. *Hội Hè Đình Đám I*, trang 53. Toan Ánh chép là 50.000 viện binh, có lẽ lầm vì tất cả đại binh của Mã Viện chỉ có 20.000.

39. *Đại Nam Nhất Thống Chí III*, trang 202.

40. *Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội*, trang 113. *Đường Phố Hà Nội*, trang 64.

41. *Hội Hè Đình Đám I*, trang 45-48.

42. *Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội*, trang 198.

43. *Đại Nam Nhất Thống Chí IV*, các trang 103, 222, 202. *Văn Hóa Dân Gian Vùng Đất Tổ*, trang 110.

44. Nữ tướng Sa Lăng quê xã Liên Hà. Ngày 7 tháng 3 có hội "nghiêm quân" thì đánh chiêng, trống, điệu bộ đi đứng oai nghiêm của 10 đội trống làng diễn lại cảnh Sa

Lăng luyện tập quân sĩ. (*Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội*, trang 199).

45. *Hội Kẻ*, huyện Từ Liêm. Ngày 10 tháng 3 có tục luyện quân. Ngạn ngữ Hà Nội cổ: "Chiêng thôn Đống (tên nôm là Kẻ), mõ Tây Đàm, tù và Thượng Cát (đều thuộc huyện Từ Liêm) (*Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội*, trang 199).

46. *Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội*, trang 176. Xã Mai Động, huyện Thanh Trì, từ mồng 4 đến 6 tháng giêng mở hội vật có treo giải thưởng. Các đô vật đóng khố, ngồi hai hàng trước cửa đình. Trước khi đấu phải vào lễ. Hai bên chiếu lễ cạp điều có cờ ngũ hành và đặt hai cái trống cái để điều khiển. Muốn thắng phải nhấc bổng đối thủ lên hay vật ngã ngửa, ngã sấp không kể là thua. Hội này tưởng niệm Đô Trinh xưa nổi tiếng về môn vật. Theo Văn Hòe thì hội thi đua vật ở Mai Động là để tưởng niệm Thượng tướng Lê Chân xưa thường mở cuộc thi võ tuyển mộ binh sĩ vào sau Tết Nguyên Đán. (Xem *Hợp Lưu* số 3).

47. *Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội*, trang 199: xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì có hội Vĩnh Ninh, ngày 13 tháng 5 diễn trận giả, tưởng niệm nàng Tía.

48. Làng Hiền Quan là nơi dóng quân của Thiều Hoa ngày 13 tháng giêng mở hội cho trai gái tập trận giả rồi đánh phết. Khi xưa Trưng Vương thường cho nữ binh chơi phết để huấn luyện và khuyến khích tinh thần chiến đấu cùng tình đoàn kết của đồng đội. Đánh phết là một trò chơi đông người, chia làm hai phe, số người không nhất định. Quả phết bằng gỗ, hay bằng túi vải, túi da nhồi bông, to bằng quả dừa. Côn làm bằng gốc tre dào cả củ hình khoằm khoằm, hay đẽo bằng gỗ hình bơi chèo, dài độ một sải tay hay hơn. Sân chơi có cầu môn, vạch vôi hoặc đào hố làm giới hạn phân chia. Cách chơi mỗi nơi một qui tắc. Ở Phù Đổng, một phe bảo vệ hố, một phe hất phết vào hố được là thắng. Ở Hiền Quan (Vĩnh Phú) quả phết ném vào hố, ngoéo được phết lên miệng hố đánh sang đối phương là được . . . Đây là một trò chơi ồ ạt, cười nói rầm rĩ. Theo Toan Ánh, từ ngữ "vui ra phết" do đó mà ra. Nếu quả thế thì những câu "dẹp ra phết", "khôn ra phết", vân vân, đã bị hiểu sai lạc đi vì "ra phết" chỉ có nghĩa là "lắm", "dẹp ra phết" tức là "dẹp lắm".

49. Trần Quốc Vượng, trang 297. *Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội*, trang 70. *Đại Nam Nhất Thống Chí IV*, trang 213.

50. *Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội*, trang 70.

51. *Văn Hóa Dân Gian Vùng Đất Tổ*, trang 110.

52. Trần Quốc Vượng, trang 268.

53. *Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội*, trang 72.

54. Trần Quốc Vượng, trang 279.

55. *Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội,* trang 199-200. Ta có câu: "Chu Phan có hội bó mo. Tráng Việt có hội đi mò ăn đêm". Hội Chu Phan ở Mê Linh có tục làm bánh dầy bó mo cau cúng Ả Lã Nương, nhắc lại trận đánh suốt ngày không kịp nấu ăn. Hội Tráng Việt có lệ trời tối mới dọn cỗ để nhớ cách tập kích ban đêm của nữ tướng Hồ Thị Đề.

56. *Văn Hóa Dân Gian Vùng Đất Tổ*, trang 110.

Sách tham khảo:

1. Giang Quân, *Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội* – Hà Nội, Sở Văn hóa và Thông tin, 1991.

2. K. T. "Sử Tầu đối với 3 vị nữ anh hùng cứu quốc Trưng, Triệu", *Trung Bắc Chủ Nhật*, ngày 31-12-1944.

3. Lê Ngô Cát & Phan Đình Toái, *Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca*, Hoàng Xuân Hãn đề tựa – tái bản ở Mỹ.

4. Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư I*, Cao Huy Giu dịch – nxb Khoa Học Xã Hội, 1967.

5. Ngô Thì Sĩ, *Việt Sử Tiêu Án*, hội Việt Nam Nghiên Cứu Liên Lạc Văn Hóa Á Châu dịch – Sàigòn, 1960 – Văn Sử tái bản ở San José, 1991.

6. Nguyễn Khắc Xương, *Văn Hóa Dân Gian Vùng Đất Tổ* – Sở Văn hóa và Thông tin Vĩnh Phú, 1986.

7. Nguyễn Thị Chân Quỳnh, "Các nữ tướng của Hai Bà Trưng", *Hợp Lưu* số 3, tháng 2-1992.

8. Nguyễn Vĩnh Phúc, Trần Huy Bá, *Đường Phố Hà Nội* – Hà Nội, 1979.

9. Phạm Văn Sơn, *Việt Sử Toàn Thư* – Thư Lâm ấn thư quán, Sàigòn, 1960 – Đại Nam tái bản.

10. Toan Ánh, *Hội Hè Đình Đám I* – Nam Chi tùng thư, Sàigòn, 1969 – tái bản ở Mỹ.

11. Trần Quốc Vượng, "Từ sự thất bại của An Dương Vương đến sự quật khởi của Hai Bà Trưng", *Lịch Sử Việt Nam I* – Hà Nội, Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1983.

12. Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược* – Tân Việt tái bản, Sàigòn, 1954.

13. *Đại Nam Nhất Thống Chí*, Phạm Trọng Điềm dịch – nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1971.

14. *Lịch Sử Việt Nam* – nxb Khoa Học Xã Hội, 1971.

KHẾ IÊM

nhánh sầu

Với ngày, tiếng nói là miếng nhọn
Đập vỡ những chiều xanh tóc gai
Với thời, bao nỗi mắt ẩm ướt
Ôi chăng, chảy trôi nước tất bật

Bồi hồi những trái tim dồi xa
Dập vùi chút dĩ vãng chập chững
Bình nguyên thản nhiên trong lòng ta
Lần theo ngàn sương, bẫy tương ngạnh

Thở đi, bao la thay hừng đông
Thổi ra những thương tích bầm vập
Gõ ran những chảo đời có thật
Nghe âm vang sóng rời đầu nguồn

Đã chở tro về chôn bến nhớ
Đã ngờ trong một thoáng từ ly
Là mở ngỏ gió tình, bỡ ngỡ
Ta uống nhầm rượu hay, cơn sầu bi.

bệnh hoang tưởng

Trong truyện dài *Nước Đục*, nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn đã cho một nhân vật nói rằng, muốn cho sinh hoạt của các cộng đồng người Việt tại hải ngoại bớt xào xáo tranh chấp, giải pháp cấp thời là nên giảm bớt số hội đoàn và các tờ báo Việt ngữ.

Đây là một ý kiến cực đoan. Ý kiến đó không gây tranh luận ồn ào, không bị các hội đoàn ra tuyên ngôn tuyên cáo, không bị các hiệp hội báo chí "Xét rằng . . . ", một phần có lẽ do cuốn *Nước Đục* mô tả xác thực hiện tượng sinh hoạt của cộng đồng, phần khác do Nguyễn Ngọc Ngạn – bằng tác phẩm của ông – đã được công nhận như một "nhà văn quốc gia" thứ thiệt, có bảo đảm. Giải pháp nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn đưa ra chỉ là một ước mơ. Từ lúc cuốn *Nước Đục* ra đời tới nay, con số các hội đoàn và báo Việt ngữ chẳng những không giảm mà còn gia tăng khủng khiếp. Số báo Việt ngữ ở các địa phương lên cao, vượt quá nhu cầu của thị trường. Số các hội đoàn còn khó kiểm chứng hơn. Mỗi lần có một vụ gì xảy ra, cần lập một "Lực lượng đặc nhiệm", cần ra một tuyên cáo, là tên các hội đoàn đua nhau xuất hiện, đầy đủ các binh chủng, đầy đủ các nghề nghiệp, đầy đủ các trình độ . . .

Hiện tượng đó xảy ra trong tất cả các cộng đồng tị nạn chính trị, không riêng cho cộng đồng Việt Nam. Đã có riêng một ngành chuyên nghiên cứu tâm-lý xã-hội di dân, và đặc tính chung của những người vì lý do nào đó phải bỏ nước ra đi đến lập lại cuộc đời trên đất lạ từ con số không, là nỗi ám ảnh thất-cước, là thái độ cuống cuồng đi tìm một ý nghĩa mới cho đời mình. Trong bơ vơ tột cùng, người ta tìm đến tập thể để gặp những người đồng cảnh ngộ. Các hội ái hữu mọc ra như nấm để đáp ứng nhu cầu. Cuối tuần, người ta hội họp nhau để cùng ôn lại những kỷ niệm, được nghe xưng hô với nhau những

chức vụ cũ, trao cho nhau những tập album thời hoàng kim. Nếu tập thể di dân ấy sống tách lìa với đất mẹ, chấp nhận trở thành một sắc dân thiểu số ở nước định cư, thì các hội ái hữu sinh hoạt đúng theo truyền thống của các hội ái hữu. Nhưng khi nước mẹ có biến động và dây liên lạc giữa nước mẹ và các cộng đồng di dân được tái lập, thì sinh hoạt của các hội ái hữu lâu nay chuyên sống bằng kỷ niệm cũng biến động theo. Mỗi hội ái hữu trở thành một tổ chức chính trị nhỏ. Không khí thân tình anh anh em em ngày xưa cũng không còn. Các cuộc họp mặt cuối tuần trở thành những buổi tranh cãi gay gắt về lập trường, chính kiến; cuộc bầu cử ban chấp hành trở thành một cuộc quyết đấu sống mái, nhiều khi các phe phái phải dùng tới các thủ thuật chính trị rất hạ sách để giành ghế. Hiện tượng đó không dành riêng cho các hội đoàn người Việt. Chịu khó dò hỏi tình trạng sinh hoạt của cộng đồng di dân Cuba, Phi Luật Tân, El Salvador, Trung Hoa, Đại Hàn ... chúng ta cũng thấy hiện tượng ấy.

Điểm vượt trội của cộng đồng Việt Nam so với các cộng đồng di dân khác, có lẽ là báo chí. Chưa có cộng đồng di dân nào có nhiều báo bằng cộng đồng Việt. Nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn mơ ước cộng đồng mình rút bớt số báo lại cho cộng đồng đỡ rối. Lại một ước mơ không thực tiễn, vì di dân Việt Nam, do hoàn cảnh đặc biệt của mình, cần báo chí nhiều hơn các cộng đồng bạn.

Cả một quốc gia sụp đổ trong vòng năm mươi lăm ngày, và trong một thời gian ngắn ngủi, hơn một trăm nghìn người đột ngột trở thành những người vô tổ quốc. Đợt tị nạn đầu tiên sau ngày 30-4-1975 gồm đa số thành phần nòng cốt của một bộ máy quyền lực và tầng lớp trí thức của miền Nam. So về số lượng, phẩm chất, tính đồng nhất . . . chưa có một cộng đồng tị nạn nào như thế. Có thể nói thời cuộc năm 1975 đã đưa đẩy để bê nguyên si một guồng máy quốc gia từ Việt Nam ra đặt lên đất lạ. Các đợt vượt biên về sau cũng xảy ra ồ ạt với số lượng lớn tuy thành phần tị nạn có phức tạp hơn. Tóm lại, chỉ cộng đồng di dân Việt Nam mới có tâm trạng hốt hoảng cùng cực vì đột ngột đánh mất niềm tự tín về quyền lực (Di dân các nước khác ra đi từng nhóm nhỏ, từ từ, nên có thì giờ chuẩn bị tinh thần để chấp nhận số phận mới). Tướng tá một sớm một chiều cảm thấy rõ ràng mình là tướng không có quân. Người Việt di dân ít vốn nên không dễ dàng tạo lập những cơ sở kinh doanh mới như người Việt gốc Hoa, cảm thấy bẽ bàng vì không thể trở nên một

quyền lực kinh tế. Đa số đành lựa chọn nghề làm thuê cho các hãng xưởng "ngoại quốc", hoặc buôn bán nhỏ để lấy công làm lời, hằng tháng trả tiền thuê phố cho chủ đất người Hoa. Quyền lực, người ở đâu? Sau vài năm lơ láo, dọ dẫm, cuối cùng người ta tìm ra một nguồn quyền lực mới: báo chí.

Phải thành thật nhận rằng đây là một thứ quyền lực dễ dàng đoạt được, không tốn nhiều công sức khổ luyện lâu dài. Một thứ quyền lực "ăn liền", dễ sử dụng và giá hời. Các nước công nghiệp tự do người Việt đến định cư đã có sẵn luật lệ bảo đảm quyền tự do ngôn luận của mọi người. Muốn ra báo, chỉ cần vài chục Mỹ kim đóng ở tòa Thị chính để xin một thẻ môn bài. Số độc giả hạn chế, các cơ sở buôn bán cho quảng cáo để nuôi tờ báo Việt ngữ chưa giàu, nên hầu hết các báo đều rất bấp bênh về tài chánh. Nhờ tiến bộ kỳ diệu về kỹ thuật ấn loát, lại do nghèo, mỗi tờ báo Việt ngữ thường chỉ một hai người làm. Dĩ nhiên để phô trương thanh thế cho dễ xin quảng cáo, tờ báo nào cũng cao rao tự nhận là tiếng nói của một tập thể rất lớn. Tờ X là "tờ báo của mọi người trong mọi gia đình". Tờ Y là "tiếng nói của những người Việt yêu tự do". Tờ Z là "cơ quan ngôn luận của những chiến sĩ chống cộng". Tình thật đó chỉ là tiếng nói của ông X, của bà Y, của ông Z. Cá tính của người trực tiếp điều khiển một tờ báo trở thành cá tính của tờ báo. Kể cả cách suy nghĩ, lập trường, kể cả cách ăn nói. Ông X giận ai có nghĩa là tờ báo X sẽ trở thành cái loa chửi hộ ông để cả cộng đồng nghe. Cái chung và cái riêng bị xóa nhòa, bao nhiêu chuyện lục dục giữa các nhà báo với nhau, giữa nhà báo với ông này bà nọ (kể cả thân chủ quảng cáo) đều được rao lên mặt giấy cho thiên hạ biết, bất kể "thiên hạ" thích biết hay không.

Không đủ tài chánh và khả năng để mời nhiều người cộng tác lập thành một nhóm, một cơ quan ngôn luận đúng nghĩa, người làm báo hành xử như một cá nhân riêng lẻ. Vì nhu cầu quảng cáo để sinh tồn, người làm báo lại tự nhận mình là phát ngôn nhân của một tập thể lớn. Thế là bắt đầu một tiến trình tâm lý phức tạp, lộng giả thành chân, đưa tới những hoang tưởng lớn lao về quyền lực của ngòi bút.

Có những người mới bước chân vào nghề báo thì rụt rè, nhỏ nhẹ, ăn nói lễ độ, biết mình biết người. Nhờ đức tính ấy, anh được nhiều người quý mến, sẵn sàng gửi bài cộng tác dù không có nhuận bút (trừ một vài trường hợp hiếm hoi, không có chế độ nhuận bút trong sinh hoạt báo chí Việt ngữ hải

ngoại). Sau vài năm vất vả, tờ báo có uy tín đối với người viết và người đọc. Toà soạn dọn từ ga-ra lên một căn phố khang trang. Ông chủ báo cũng đổi thay. Con người rụt rè năm xưa trở thành một "nhân sĩ" của cộng đồng. Ông thất cà vạt đi dự các cuộc họp quan trọng, ký tên vào các bản tuyên cáo. Những bài xã luận ông khuỳnh tay nghiêm nghị ngồi viết hằng tuần hằng tháng đầy chất tự tín, xác quyết. Ông thay mặt cộng đồng, thay mặt tập thể tị nạn Việt, thay mặt 68 triệu đồng bào trong nước trách mắng người này, dạy bảo người kia. Báo vừa in xong, phát hành chưa đầy nửa giờ, điện thoại tòa báo reo vang. Người khen ông viết xuất sắc. Kẻ lấy tình thân giữa đôi bên năn nỉ ông tha cho "hắn", nạn nhân bị ông chửi rủa. Vào quán, người ta xì xào về ông, người ta "sợ" ông. Ông chờ "hắn" phản ứng. Không. "Hắn" im lặng. Hắn sợ rồi. "Hắn" là cựu tướng lãnh, cựu bộ trưởng, cựu nghị sĩ, cựu dân biểu mà sợ ông thì rõ ràng ông không còn là nhân sĩ cộng đồng nữa. Ông đã là một lãnh tụ chính trị. Ông là Quyền lực. Quyền lực viết hoa!

Cái mê hồn trận ấy, nhiều người làm báo Việt ngữ đã sa vào. Cho nên vấn đề không phải nhiều hay ít báo Việt ngữ. Vấn đề là người cầm bút có bản lãnh chấp nhận giá trị thực sự của mình, giá trị thực sự của chữ viết hay không. Theo tôi, thứ quyền lực nói trên chỉ là ảo ảnh. Quyền lực của chữ nghĩa khác với quyền lực súng đạn hoặc Quyền lực chính trị. Quyền lực chính trị (mục tiêu của mọi hoạt động chính trị ngày nay) căn bản là sự áp đặt bằng luật lệ người cầm quyền đặt ra và ép buộc người khác tuân theo bằng sức mạnh của quân đội và cảnh sát. Quyền lực của ngòi bút là sức thuyết phục của nó đối với người đọc.

Chữ nghĩa sẽ không thuyết phục được ai nếu chữ nghĩa là cái vỏ bao quanh những điều dối trá. Nó có thể đánh lừa người đọc trong một thời gian ngắn nào đó. Có thể dối trá lên ngôi được vài mươi năm như các thể chế Cộng sản. Nhưng cái may cho nhân loại là dối trá không thể vênh váo lâu dài.

Chữ nghĩa sẽ không thuyết phục được ai nếu người viết tự nhận chỉ có mình sở hữu chân lý. Khi chấp nhận có thể mình chưa đúng, người viết sẽ đối thoại với những kẻ khác mình với lòng kính trọng và lễ độ.

Chữ nghĩa sẽ không thuyết phục được ai nếu người viết không thèm quan tâm đến người đọc. Tạm thời họ im lặng, để cho người cầm bút múa bút thoải mái. Nhưng đó là cái im lặng nguy hiểm, như thời tiết chợt ngưng đọng oi ả

trước cơn bão tố. Nếu người cầm bút hải ngoại chịu nhớ cho rằng hầu hết những người uyên bác nhất, dày dạn kinh nghiệm đời nhất, thông minh tế nhị nhất của Việt Nam Cộng Hòa, kẻ trước người sau đã đến định cư tại các nước tự do (chưa kể một số đồng bào ra đi từ miền Bắc); hằng tuần họ chăm chú đọc từng dòng chúng ta viết, hằng tháng họ soi mói đọc những điều chúng ta ba hoa; thì trừ những người tiếp tục hoang tưởng – ai cũng phải lấy làm sợ hãi. Ngòi bút chúng ta sẽ chùn lại, chúng ta sẽ viết cẩn thận hơn, lễ độ hơn, phải chăng hơn.

Báo chí, chữ nghĩa không tội tình gì đối với các vụ xào xáo trong cộng đồng. Tội chính là căn bệnh hoang tưởng. □

TRIỀU HOA ĐẠI

trăng, chim

Trăng về
buổi tối
hôm qua
rất thầm
đậu khẽ
trên tà
áo ai
chim ngoan
hót mãi
không lời
mai kia
rũ xác
không người
thương chim

bài học của dòng sông

I.

Và điều hành hạ tôi trong những năm sau đó khi các người không còn nữa là câu hỏi: Đâu là chân lý của những sự việc đã phai nhòa trong trí nhớ?

– Czeslaw Milosz

Tôi đứng trước dòng sông. Cuối tháng sáu, mùa hè vừa bắt đầu ở vùng đông bắc Mỹ châu. Dân chúng từ trăm nẻo chen trộn vào du khách bốn phương tấp nập kéo về khu Vieux-Montréal. Pháo nổ từng chùm hoa đủ sắc trên bầu trời cố đô. Đã nửa khuya mà thiên hạ dập dìu chật ních cả hẻm phố. Trên mấy lối xưa xe ngựa dẫn về quảng trường Jacques Cartier, các quán ăn sáng choang đèn nến đầy nghẹt thực khách cười nói giữa dàn nhạc tưng bừng. Năm nay, 1992, Montréal mừng sinh nhật ba trăm năm mươi tuổi. Tôi cố tưởng tượng mình là một công dân Québec đang chia sẻ nỗi hân hoan và niềm vui đang làm ấm lòng những người con sau nhiều đời lưu lạc lại tụ hội về dưới mái nhà dân tộc đồng bào.

Đầu năm ngoái, thủ tướng Bourassa gửi tối hậu thư đòi chính phủ Canada đặc quyền cho Québec. Bảy mươi phần trăm dân chúng – những người mà tổ tiên đã rời bỏ làng mạc tận Normandie, lên tàu ở Cancale, ở Saint-Malo sang Tân Thế giới để khai hoang lập ấp hai bên bờ sông Saint-Laurent – tỏ ý muốn ly khai đòi quyền tự trị. Kể từ cái ngày tướng Montcalm gục ngã dưới chân thành Frontenac, dân Canada gốc Pháp chưa bao giờ quên giấc mơ phục quốc, y như dân Palestine hiện giờ và dân Do Thái trước đây.

Nhìn dòng nước đêm thầm lặng tôi chợt nhớ ra mối tình ẩn mật giữa thiên nhiên với con người, và đồng thời, biện chứng khốc liệt giữa văn hóa và lịch sử. Bất kể dâu bể thăng trầm, bất kể chiến tranh, hòa ước và các đường ranh bị bôi đi vẽ lại trên bản đồ thế giới, con sông bao dung vẫn lặng lẽ tưới mát từng thửa ruộng, từng cọng lúa, tiếp tục nuôi dưỡng con người với tiếng nói lúc lọt lòng mẹ của họ cho đến ngày tiếng nói ấy trở thành ý thức, trở thành văn hóa, trở thành khát vọng dân tộc dân quyền. Nếu con sông Saint-Laurent là mạch sống thứ nhất thì tiếng nói và văn hoá Pháp chính là mạch sống thứ hai đã vực Québec đứng lên. Hai nguồn cội thiêng liêng không gì có thể khuất phục được ấy dần dà chữa lành các chấn thương quá khứ – Québec đang hồi sinh để chào đón những ngày mới của tương lai.

*

Tôi đứng trước dòng sông. Đêm đã khuya tách ra khỏi đám người vui nhộn, tôi lại đối diện tâm trạng của chính mình. Chớp mắt mà hai mươi năm đã trôi qua. Hình như vẫn còn những bóng người chập chờn rình rập trên hai bờ nước đen. Đây là đâu? Có phải tôi còn phải chôn chân bất động giữa một mùa hè máu me kinh hoàng và ác mộng vẫn tiếp diễn quanh đây? Tôi tự hỏi, trong khi lịch sử đang cuồn cuộn kéo đi các quốc gia, dân tộc khác trên thế giới, chẳng lẽ những người Việt Nam, trong đó có tôi, vẫn bất động một chỗ nhìn ngọn đèn ma trơi xoáy tròn nơi vũng sông oan khiên, và quanh đó, là triệu triệu tròng mắt chết không chịu khép vì vẫn chưa ai trả lời được câu hỏi của họ: Tại sao chúng tôi – lũ con chung một bọc trứng mẹ, chung một giống nòi – lại phải bắn giết nhau, phải bị chết tức tưởi và bị mọi người quên lãng?

Tôi đứng trước dòng sông. Không, tôi không phải là dân Québec, cũng không là khách nhàn du. Tôi là kẽ bị giam trong cái rọ thảm hại của chứng tâm thần tập thể. Trước mặt tôi vẫn là dòng Thạch Hãn, vẫn là sông Bến Hải và vĩ tuyến mười bảy, và tất cả những xác Việt đã ngã xuống giữa thanh xuân một cách vô nghĩa chỉ mở rộng thêm vết thương của dòng sông, chỉ mở rộng thêm sự chấn thương trong mạch sống giống nòi. Sự thống nhất lãnh thổ là tấn thảm kịch lố bịch, chủ quyền dân tộc là trò hề không chọc được ai cười, và nhân phẩm với đạo lý chỉ là mỹ từ dán lên các trại tập trung nhốt chật đám dân đen ốm đói. Và không phân biệt trong hay ngoài nước, gục mặt đạp xích

lô hay vênh vang lái BMW mua trả góp từng tháng, nằm hấp hối không thuốc thang rau cháo hoặc dê mê hưởng lạc dưới ngón đấm bóp của gái chơi, không có người Việt còn lương tri nào trốn được sự thật này: Chúng ta là một đám con rơi, một lũ mồ côi, một bọn ăn mày vì chúng ta không còn là chủ thể chính trị và chủ thể lịch sử! Và chúng ta không được đổ lỗi cho bất cứ một con dê tế thần nào vì thay cho trách nhiệm khôi phục đất nước dân tộc để giành quyền công dân trong thời đại của dân chủ nhân quyền chúng ta chỉ giỏi trình diễn đi trình diễn lại vở kịch ấu trĩ của những tên hề bất lực đầy nguỵ biện. Dù có lang thang nơi đâu trên địa cầu này, cái điều mà không một ai trong chúng ta tránh được – trừ khi ngủ mê hoặc tự sát – là sự ô nhục. Và điều chúng ta phải nhắc với nhau từng ngày để chống lại bệnh dễ quên là chúng ta vẫn sống vẫn thở nhưng *sống và thở dưới bầu trời của ô nhục*, và rất có thể chúng ta sẽ chết đi dưới bầu trời đó.

II.

Chúng ta là con số nhân lên của nhiều thứ dĩ vãng.
– Nietzsche
Lịch sử là cơn ác mộng mà tôi cố vùng thoát khỏi.
– James Joyce

1992. Đúng năm trăm năm trước, ba chiếc tàu của Columbus cập vào châu Mỹ. Dưới các màu cờ của phương Tây, thế giới sử thật sự bắt đầu. Trên khắp địa cầu, các nước lớn nước bé, những chủng tộc sắc dân đủ loại màu da lần lượt mất chủ quyền. Lịch sử trở thành cuộc tranh chấp thị trường vừa là tụ điểm của dòng sông máu.

Cũng nên lật lại vài trang sử. Khi những viên gạch đặt móng đầu tiên khởi sinh thành phố Montréal vào năm 1642 thì trong khoảng thời gian vài mươi năm trước đó Dòng Tên đã vào Bắc Kinh giảng đạo, con buôn Tây Ban Nha ghé Nhật, thương nhân người Anh đã mở cảng mua bán ở Bengal Ấn và Quảng Đông, Trung Quốc. Về phía châu Mỹ, xã ấp mọc lên ở Virginia rồi Massachusettes, và đại học Havard cũng đã hình thành. Úc châu, lục địa quan trọng cuối cùng cũng đã được phát hiện bởi nhà thám hiểm Bồ Đào Nha Vaez

de Torres vào năm 1606. Chỉ cần thêm hai thế kỷ, tư bản và thị trường Âu châu, khoa học, tư tưởng và lối sống phương Tây nhanh chóng bành trướng khắp địa cầu. Ở phương Đông, các nền văn minh lâu đời nhất của nhân loại bị đe dọa nghiêm trọng – và như Valéry sau này sẽ nói – lần đầu tiên ý thức được họa diệt vong.

Joseph R. Levenson, nhà sử học lớn người Mỹ đồng thời là nhà Trung Quốc học lỗi lạc, tác giả bộ *Confucian China and Its Modern Fate* đã nhắc lại lời nhận định của nhà tư tưởng Đức được mệnh danh "cha đẻ của sử học hiện đại" là Ranke như sau: "Văn minh phương Tây đã chiếm được một địa vị độc tôn khiến cho lịch sử thế giới và lịch sử Âu châu hợp nhất thành một toàn thể". Và Levenson còn bàn rộng ý kiến Ranke đối với trường hợp Trung Hoa mà nhà học giả xuất thân Harvard ấy am tường lịch sử cũng như tư tưởng một cách thâm sâu: "Nói thế có nghĩa là văn minh Trung Hoa đã đánh mất vị trí từ đó người Trung Hoa có thể cho rằng thế giới sử và sử Trung Hoa là một, như khái niệm Thiên Hạ của họ vẫn hàm nghĩa". (Joseph Richmond Levenson, *The Genesis of Confucian China and Its Modern Fate*, in *The Historian's Workshop*, ed. by L.P. Curtis, Jr., New York, 1970). Trung Hoa còn điêu đứng thế, nói làm gì Cao Ly hoặc Việt Nam!

Những gì diễn ra cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 vừa qua, ai ai cũng rõ. Chủ nghĩa thực dân trở thành bá chủ, các dân tộc quốc gia của cái gọi là "Thế giới Thứ Ba" sau này thay phiên nhau trở thành thuộc địa. Khai thác sự bất mãn chính đáng hay bệnh hoạn của các thành phần xã hội và những dân tộc bị áp bức chà đạp, các đảng độc tài xuất hiện lắm khi không có đảng mà chỉ có một bạo chúa mới lớn tiếng nhân danh công bằng và cách mạng xã hội để nhốt toàn thể nhân dân vào nhà ngục vô hình của chuyên chính đảng trị và bạo lực công an. Tại các vùng đất chậm tiến, nghèo khổ, có dân trí thấp nhất của thế giới nơi mà quan hệ phong kiến chủ tớ, chúa tôi vẫn thống trị từ đời này sang đời khác, giáo điều của Lênin, Stalin, Mao và những kẻ nhân danh Chủ nghĩa Cộng sản đã thành công trong tham vọng chia thiên hạ với tư bản phương Tây. Sau Yalta, với sự hình thành của thế cân bằng diệt chủng toàn cầu của các đầu đạn hạt nhân, lịch sử thảm thay đã hóa thành ván cờ lưỡng cực của chiến tranh lạnh.

Không còn lựa chọn nào khác cho đại bộ phận các nước nghèo yếu ngoài

những sách lược cơ hội nước đôi nếu không muốn bị rơi vào thế con chốt sang sông trên ván cờ vừa nói. Thế lưỡng phân đó trong một thời gian dài chính là ác mộng chụp phủ lên nhân loại, nhất là cái nhân loại rách đói, lũ người không tiền của không quyền lực của Thế giới Thứ Ba, trong đó có mấy mươi triệu sinh linh thấp cổ bé miệng của đất Việt chúng ta. Ác mộng đó sinh ra chứng tâm thần mà nạn nhân của nó là những não bộ lưỡng phân cực kỳ máy móc nhìn đâu cũng thấy "phe ta, phe địch", những não bộ hoàn toàn đánh mất khả năng suy nghĩ, phê phán độc lập – cơ sở quan trọng bậc nhất để phát triển nhân tính văn minh. Mang cặp kính đỏ đen phạm trù quẩn quanh trong ác mộng, những bệnh nhân ấy không còn thấy được màu xanh của trời biển ruộng đồng, không còn thấy được cầu vồng cùng mọi thứ tà áo muôn màu muôn sắc của nghệ thuật, tư tưởng, cảm xúc, của tình yêu, tình bạn, tình người – tất cả những cái tạo nên ý nghĩa cho một nhân cách tự do. Nhưng điều lố bịch tai ác nhất là bọn bệnh nhân tâm thần ấy cứ xác quyết khăng khăng rằng tất cả những người khác đều đui mù, và trừ bọn họ ra không còn ai có thể nhìn ra chân lý.

III.

Thi ca mang tính triết lý nhiều hơn và có tầm quan trọng lớn hơn lịch sử vì thi ca nói về những điều phổ quát còn lịch sử chỉ đề cập đến cái đặc thù.

– Aristotle

Ở khắp nơi, những người tù cô độc bắt đầu sáng tạo chữ lời cho cuộc đối thoại mới.

– Octavio Paz

Tôi đứng trước dòng sông. Nếu Bến Hải, Thạch Hãn là đường gạch chấn thương cắt ngang lịch sử Việt Nam, nếu vẫn còn khá nhiều người Việt đứng hai bên bờ của quá khứ hận thù nhìn nhau nghi kỵ hoặc lạnh lùng tàn nhẫn, những đứa con của quê hương phải làm gì? Với những con Rồng cháu Tiên, với những tâm hồn sinh ra từ bọc trứng huyền thoại, với triệu triệu trái tim đỏ tươi vẫn đập theo mạch thiêng của Việt tộc, tôi xin chia sẻ bài học nhận

được từ mảnh đất Québec và con sông Saint-Laurent đúng vào dịp mừng tuổi trọng thể thành phố Montréal năm nay. Bài học ấy đơn sơ vô cùng: lịch sử, dù là mộng đẹp hay ác mộng, rồi sẽ qua đi. Điều còn lại là dòng sông, là mảnh đất, là cọng lúa, là con người. Và đan dệt tất cả những điều đó lại với nhau như mọi huyết mạch đều dẫn về tim là tiếng nói của mẹ hiền đời đời dạy cho các con bài học thủy chung dân tộc. Tiếng nói ấy cũng chính là cái nôi ấm áp của huyền thoại, của sử thi, của ca dao. Từ cái nôi ấy không chỉ sông rạch núi đồi trở thành hiển linh mà những con cháu của nòi giống Việt cũng được ban phát sự sống đời đời. Đánh mất cái nôi ấy, chúng ta sẽ mất luôn đạo lý, văn hiến, và phẩm giá.

1992 là một con số chứa nhiều bất ngờ. Con số gắn liền với Columbus và các cuộc chiến giành thuộc địa, chia thiên hạ của phương Tây. Nhưng con số ấy cũng đánh dấu một sự khởi đầu vô cùng trọng đại. Năm nay là năm hình thành liên bang các nước Âu châu, một thực thể chính trị – văn hóa dứt khoát với các xung đột tranh chấp lắm khi máu me của quá khứ để khai mạc một chương mới hết sức độc đáo cho lịch sử loài người. Năm trăm năm lịch sử vừa đi trọn một chu kỳ và hóa thành ý thức. Phải chăng Âu châu đang bước vào một chặng sử thi mới, đang nỗ lực tái tạo lịch sử bằng nhận thức và tư tưởng. Coi chừng những ai dó đang ồn ào tuyên bố là lịch sử đã kết thúc, đã vĩnh viễn ngừng lại như chiếc xe đạp trẻ con mất bánh! Trái lại, sự tan rã của hệ thống Cộng sản, với sự chuyển mình của Đông, Trung Âu, với sự hình thành của trật tự thế giới mới, cả loài người đang hăm hở tham dự vào công việc soạn thảo những trang sử mới dưới các tiêu mục có tính nguyên tắc bất di là tự do, nhân phẩm và dân chủ. Không còn nghi ngờ gì nữa, trên khắp trái đất ngày nay thay vào ác mộng của chiến tranh lạnh và tranh chấp ý thức hệ bệnh hoạn, các dân tộc đang thi đua xây dựng hiện thực lành mạnh của xã hội dân chủ công dân.

Công cuộc xây dựng hiện thực mới này càng cấp thiết đối với Việt Nam, mảnh đất nạn nhân của sự phân ranh quá khứ nghiệt ngã dựa vào đó bọn cuồng tín, đám cai ngục và lũ con buôn xương máu đã vắt kiệt sức sống của dân tộc. Đây là sứ mạng, là trách nhiệm cho những đứa con chân chính của đất nước Việt Nam, những con người mang trong tâm huyết sức mạnh thiêng liêng của huyền thoại Lạc Hồng. Ngoài bổn phận dìu dắt những kẻ mồ côi

đang lạc bước trong ác mộng quá khứ, họ còn trách nhiệm trọng đại hơn là công cuộc giải phóng quê hương khỏi cảnh lầm than cơ cực, khỏi sự băng hoại đã vượt mức báo động của đạo lý và nhân phẩm, khỏi sự bất lực thối nát của mọi phe nhóm cực đoan hay bảo thủ vẫn ngoan cố đòi độc quyền chính trị để mưu đồ lợi ích riêng. Đã đến lúc dân Việt triệu người như một phải đứng lên tranh đấu đòi cho được quyền làm công dân giữa các công dân của thế giới văn minh cũng như quyền làm chủ thể giữa những chủ thể của thời đại mới, thời đại dân chủ hóa toàn cầu.

1992. Là người Việt, con số ấy nhắc bạn nhớ điều gì? Hai trăm năm trước, vị anh hùng dân tộc đồng thời là đứa con đẹp nhất của sử thi Việt – đúng hai trăm năm trước, năm 1792, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế sau khi thống nhất sơn hà, xóa bỏ vết thương nhiều đời của sông Gianh, khôi phục lại sức mạnh Việt Nam. Vị minh chủ cuối cùng của lịch sử dân tộc đã vội ra đi sau đó không lâu, để lại cho chúng ta một huyền thoại và một lời nhắn nhủ thầm: "Này các anh các chị, hãy sống sao cho xứng đáng với nòi giống Việt". Năm nay, để tưởng niệm huyền thoại của hai trăm năm trước, phải chăng đã đến lúc chúng ta – những đứa con của Hồng Hà, của Hương Giang, của Đồng Nai – phải nắm tay nhau cùng xoa dịu và chữa trị các oan khiên đau khổ còn hằn đầy trên thân xác quê hương. Đã tốn quá nhiều giấy mực cho các tuyên cáo tuyên ngôn, đã phí phạm quá nhiều cây rừng cùng năng lượng để in ra những chồng báo ồn ào các thứ khẩu hiệu chẳng liên quan gì đến sự thật cuộc đời, chúng ta hãy đánh thức lẫn nhau và giúp nhau thoát khỏi chứng tâm thần và cơn ác mộng.

1992. Hằng ngày ở Việt Nam mấy nghìn hài nhi tiếp tục chào đời. Các em bé ấy cần áo cơm chứ không cần thù hận, cần trường học và sách bút chứ không cần điều tra lý lịch, cần những giá trị đạo lý và nhân văn chứ không cần nỗi nghi kỵ sợ sệt và sự khủng hoảng nhân tính mà các thế hệ cha anh trong quá khứ đã gieo rắc trong óc não của nhau. Để kết thúc bài viết hơi nhiều xúc động cảm tính này, và cũng để thay cho lời kết – Hãy giúp cho các em bé Việt Nam tránh khỏi trong tương lai một cuộc sống lưu vong và một kiếp người ô nhục.□

người đàn ông có ngón tay dài

Có lần Sabina tự cho phép cô đến tham dự một buổi nhóm họp giữa những người di dân đồng hương của cô. Cũng như những lần khác, họ xào lại cuộc tranh luận nên hay không nên đứng lên võ trang chiến đấu chống lại người Nga. Trong sự an toàn của cuộc sống di dân, lẽ tự nhiên họ chuộng giải pháp chiến đấu hơn. Sabina lên tiếng: "Thế tại sao các ông không quay về mà chiến đấu đi?"

Thực tình cô chẳng nên phát biểu như thế. Một người đàn ông có mái tóc bạc rợn sóng giơ ngón tay trỏ dài ngoằng chỉ vào mặt cô: "Cô không được quyền ăn nói như vậy. Tại mấy người mà đất nước chịu cảnh như ngày nay. Cả cô nữa. Cô đã đề kháng lại chế độ Cộng sản như thế nào? Hay cô chỉ biết vẽ vời lăng nhăng . . . "

Qui định người dân sống như thế nào, kiểm soát đời sống họ, là nguyên tắc và cũng là sinh hoạt xã hội không bao giờ ngưng đọng trong các quốc gia Cộng sản. Một họa sĩ xin phép được triển lãm tranh, một công dân bình thường xin chiếu khán du lịch tại một quốc gia có bờ biển, một cầu thủ bóng đá xin gia nhập đội banh quốc gia, đều phải đi thu nhặt không biết bao nhiêu thư từ đề bạt, báo cáo (từ người giữ cửa, bạn đồng nghiệp, từ công an, cơ quan địa phương Đảng, nghiệp đoàn liên hệ) để các viên chức đặc biệt tổng kết, cứu xét và tóm lược. Những bản báo cáo này không hề dính dáng gì đến năng khiếu nghệ thuật, đến khả năng đá bóng, hay bệnh trạng cần tịnh dưỡng nơi có không khí biển; chúng qui chiếu một điểm duy nhất: "Hồ sơ chính trị của người công dân" (nói cách khác, những gì người công dân từng tuyên bố, suy nghĩ; hành vi của hắn ta ra sao, hắn ta đứng đậy bỏ ra về trong những buổi họp hay trốn diễn hành trong ngày lễ Lao Động mùng một tháng năm trong trường hợp nào). Bởi vì mọi sinh hoạt (hiện hữu ngày qua ngày, thăng quan tiến chức tại sở làm, ngày nghỉ hè) đều tùy thuộc vào kết quả của việc cứu

xét, mọi người (dù hắn ta muốn chơi banh trong đội banh quốc gia, muốn có một buổi triển lãm tranh, hay muốn đi nghỉ hè tại bờ biển) ai nấy đều phải sống sao cho phải đạo để có được điểm tốt.

Ý nghĩ đó chạy qua óc Sabina trong lúc cô nghe người đàn ông có mái tóc bạc lên tiếng. Ông ta không cần biết những người đồng hương của ông là những cầu thủ đá bóng tài giỏi hay họa sĩ tài ba (không một người di dân Tiệp nào tại buổi họp tỏ vẻ quan tâm đến những gì Sabina vẽ); điều duy nhất ông ta quan tâm đến là những người này đã chống Cộng một cách tích cực hay tiêu cực, có thực tâm hay chỉ bề ngoài, từ lúc đầu hay chỉ mới sau này khi đã chạy ra nước ngoài.

Vì là một họa sĩ, cô có con mắt bắt nhìn sự vật rất chi tiết và trí nhớ cô còn ghi nhận rất rõ nhân dáng những người ở Praha, những người có cái đam mê thích qui định đời sống người khác. Tất cả bọn họ đều có ngón tay trỏ dài hơn ngón giữa một chút và lúc nào ngón tay đó cũng giơ ra chỉ vào mặt người đang đối thoại. Tổng thống Novotny, người lãnh đạo đất nước trong suốt mười bốn năm trước 1968, cũng có mái tóc bạc uốn cong như thế và ngón tay trỏ của ông thì dài hơn bất cứ ngón tay người dân nào cư ngụ ở Trung Âu.

Khi nhân vật di tản danh giá nghe từ đôi môi người họa sĩ mà ông ta chưa bao giờ biết tranh vẽ ra sao, rằng ông ta trông giống Tổng thống Novotny của Cộng sản thì mặt ông ta trở nên đỏ gấc, rồi trắng bệch, rồi lại đỏ, rồi lại trắng; ông ta cố gắng thốt ra một điều gì đó nhưng không thành lời, rồi im lặng. Mọi người cũng im lặng cho đến khi Sabina đứng dậy bỏ ra về.

Điều đó làm cô buồn rầu hết sức, và khi bước xuống đường cô tự trách mình tại sao cứ phải giữ liên hệ với những người Tiệp này làm gì. Cái gì trói buộc cô với họ? Cảnh thổ? Nếu mỗi người trong bọn họ được hỏi tên gọi cái phần đất chôn nhau cắt rốn đó gợi nhớ điều gì thì những hình ảnh hiện lên trong trí não họ sẽ khác biệt đến nỗi không còn sự nhất quán nào nữa.

Hay vì văn hóa? Nhưng văn hóa là cái gì? Âm nhạc? Dvorák và Janacek? Vâng. Nhưng nếu một người Tiệp không còn chút cảm thụ nào cho âm nhạc nữa thì sao? Cái yếu tính cốt lõi để thành một người Tiệp đã tan biến vào hư không mất rồi.

Hay vì những vĩ nhân? Jan Hus? Không một nhân vật nào trong căn phòng đó từng đọc một dòng chữ của ông. Họ chỉ có thể hiểu được ngọn lửa, niềm

vinh quang của ngọn lửa khi ông bị hỏa thiêu, niềm vinh quang của tro tàn, và do đó, đối với họ, yếu tính để thành một người Tiệp chỉ còn là một đám tro tàn và chỉ có thế thôi. Điều duy nhất giữ họ lại với nhau là sự chiến bại và những lời khiển trách lẫn nhau.

Cô bước đi nhanh. Chính những ý nghĩ trong đầu làm cô khổ sở nhiều hơn là sự tách ly khỏi những người di dân lưu vong đồng hương. Cô biết cô không được công bằng cho lắm. Cũng có những người Tiệp khác, những người hoàn toàn khác biệt với gã đàn ông có ngón tay trỏ dài ngoằng. Sự im lặng đầy ngượng ngịu sau bài diễn văn nhỏ của cô không có nghĩa tất cả bọn họ đều chống đối lại cô. Không, có lẽ họ chỉ thấy chưng hửng khi đột nhiên thấy sự thù ghét, sự ngu dốt của mình trong cuộc sống tị nạn. Nhưng tại sao cô không thấy thương xót họ? Tại sao cô không nhìn thấy họ chỉ là những sinh vật bất hạnh và bị ruồng bỏ?

Chúng ta biết tại sao. Sau khi phản bội người cha già, đời sống mở ra trước mắt cô, một con đường dài đầy dẫy những phản trắc, và mỗi lần mỗi hấp dẫn cô như tệ tập và chiến thắng. Cô không chịu đứng vào hàng ngũ! Cô chối từ hàng ngũ – luôn luôn chừng đó con người, chừng đó bài diễn văn! Đó là lý do tại sao cô bị khuấy động bởi sự thiếu công bằng của chính cô. Nhưng không hẳn đó là một cảm giác không vui; ngược lại, Sabina có ấn tượng cô vừa chiến thắng cái gì và có người vô hình nào đó đang vỗ tay tán thưởng cô.

Thốt nhiên, men say bỗng nhường chỗ cho sự phiền não: Con đường phải chấm dứt ở một nơi nào đó! Sớm muộn cô phải chấm dứt những trò phản bội này! Sớm muộn cô phải tự ngừng lại!

Lúc đó trời đã tối và cô đang vội vã bước nhanh vào trạm ga xe lửa. Chuyến tầu đi Amsterdam đang chờ khách. Cô tìm ra toa của mình. Người soát vé niềm nở đưa cô vào tận nơi, cô mở cánh cửa căn buồng toa tầu và thấy Franz đang ngồi trên băng ghế. Anh đứng dậy đón cô vào, cô choàng hai tay ôm lấy anh và hôn anh đến nghẹt thở.

Cô vô cùng muốn nói với anh, như người đàn bà tầm thường nhất, "Đừng bỏ em, hãy ôm em thật chặt, hãy biến em thành trò chơi của anh, em là nô lệ của anh, hãy mạnh mẽ lên!" Nhưng cô không nói được điều gì cả.

Khi anh buông cô ra, cô chỉ thốt được một câu, "Anh không biết em vui sướng như thế nào được có anh bên cạnh." Cái bản tính khép kín chỉ cho phép

cô nói một câu nói nông nàn nhất như thế.

Trích **The Unbearable Lightness of Being**
Bản Việt ngữ **Nhẹ Kiếp Nhân Sinh** của Trịnh Y Thư

HOÀNG XUÂN SƠN

chim cũng biết đi

Đâu ví như người xưa thất vận
nghe sao lòng lắng đắng ngậm ngùi
đẩy xe trăm chuyến mềm hư hảo
ngó lại đất bằng ý chột, thui

Làm thơ à làm thơ mải miết
nước ở đâu mà tình chảy xiết
nào có mộng gì trăm năm sau
xoắn lại tiếng kêu gào thảm thiết

Khi mới đẻ ra ai không khóc
nhòa nhạt bay theo trăm tiếng cười
đời chia hết cả đời vui tận
còn sợi tơ thiều mỏng cuộc chơi

Sáng giậm chân chiều buông giục giã
thấy chưa đời thơ mộng ra gì
về muộn nghe hồn lên thảo dã
ô ngàn lau chim cũng biết đi.

nói chuyện với vũ quỳnh n.h.

Lời tòa soạn: *Trong chiều hướng giới thiệu những cây bút mới,* Văn Học *kỳ này giới đến độc giả bài phỏng vấn nhà văn nữ Vũ Quỳnh N. H. Cô là người cầm bút trưởng thành ở xứ người, gần như hoàn toàn không bị chi phối bởi những hệ lụy lịch sử của đất nước trước 1975, và vì thế những suy nghĩ cũng như đề tài trong sáng tác của cô cũng có nhiều khác biệt. Đó là điểm độc đáo trong bài phỏng vấn này.*

VĂN HỌC: *Trước hết, xin cô cho biết vì sao cô lại chọn một bút hiệu tương đối khó đọc là Vũ Quỳnh N.H.?*

VŨ QUỲNH N.H.: Thưa anh, vì tôi thích. Tên Quỳnh Như là cái tên khá thông thường, nhiều người có, và nó cũng có vẻ . . . "nghệ sĩ trình diễn" lắm. Nó làm người ta liên tưởng đến thế giới băng nhạc, phòng trà nhiều hơn là thế giới văn chương. Ngắn gọn, cách chọn bút hiệu cũng chính là một kiểu làm văn chương của tôi. . .

VH: *Nói như vậy, cô có ý muốn tách rời ra . . .*

VQNH: Không phải muốn tách rời. Nhiều truyện ngắn của tôi, người đọc có thể tưởng là do một nhà văn phái nam viết. Tôi e tên tác giả đôi lúc cũng ảnh hưởng đến tâm thức người đọc, và qua đó, đánh giá văn chương theo một lối khác.

VH: *Như vậy, việc chọn bút hiệu của cô không phải do nguyên cớ xem thường giới nghệ sĩ trình diễn, mà chẳng qua chỉ vì không muốn độc giả xem mình như một nhà văn nữ với tất cả những "ràng buộc" của một nhà văn nữ. Nếu thế, cô quan niệm ra sao về ảnh hưởng của phái tính trong việc viết văn?*

Nhiều truyện ngắn cô viết tạo cảm tưởng nơi người đọc tác giả là một người đàn ông. Điều đó có xác định thái độ của cô về vấn đề này không?

VQNH: Viết là thái độ muốn bày tỏ những gì mình suy nghĩ, mình nhận xét . . . một cách tự do tuyệt đối. Nói cách khác, tôi không thích bị độc giả "xếp loại" vào thành phần "nhà văn nữ", và đã là "nhà văn nữ" thì chỉ được viết về những đề tài này, phải né tránh những đề tài kia, vân vân. Truyện hay tự nó hay, không phải vì nó được viết bởi nhà văn nam hay nhà văn nữ.

VII: *Do đâu cô có quan niệm này? Có phải vì đời sống? Hình như cô qua Mỹ khi còn rất trẻ?*

VQNH: Tôi qua Mỹ năm 75, khi mới 13 tuổi. Học Trung học rồi lên Đại học, theo ngành Vi trùng học, nhưng bây giờ lại làm nghề khác... Tuy nhiên những suy nghĩ về văn chương và vai trò phụ nữ của tôi không bị ảnh hưởng bởi ai hay phong trào feminist nào hết. Tôi suy nghĩ độc lập. Thế thôi.

VII: *Tại sao lại có sự khác biệt giữa ngành học và nghề nghiệp hiện tại?*

VQNH: Bản tính tôi thích đi du lịch, tìm tòi. Nghề nghiệp hiện nay cho tôi cơ hội này.

VII: *Việc học hành ngày trước có giúp ích gì cho việc viết văn sau này không?*

VQNH: Không. Viết lách đối với tôi là một cái thú. Có người thích đánh đàn, có người thích làm thơ. Riêng tôi, tôi thích viết văn . . .

VII: *Việc làm hiện tại cho cô nhiều cơ hội đi đây đi đó, chắc có đóng góp khá nhiều, về mặt chất liệu, vào việc viết văn của cô? Truyện ngắn* Sắc Màu *lấy bối cảnh ở Nhật, truyện* Mardi Gras *ở New Orleans, truyện* Một Bức Tranh *lại là Paris. Cô có thấy khó khăn mỗi lần thay đổi khung cảnh như vậy?*

VQNH: Không. Khung cảnh chỉ là hình thức để lôi cuốn người đọc. Còn đời sống thì ở đâu cũng thế. Ở đâu con người cũng có cùng một quả tim, một khối óc như nhau. Những nỗi khổ, những niềm vui, dù ở chân trời này hay ở góc biển nọ trên quả địa cầu, không khác nhau bao nhiêu. Ở đâu cũng là con người. Khung cảnh trong văn chương chỉ là hình thức màu mè bên ngoài.

VII: *Dĩ nhiên, có cái phổ quát trong mẫu sống của nhân loại, không phân biệt địa phương hay quốc gia . . .*

VQNH: Vâng, nhưng ngược lại, đi nhiều có điểm lợi là tạo được sự hứng khởi, nhất là khi đi về những miền đất gần gũi với Việt Nam. Ở Mỹ, thấy một người ăn xin, đôi lúc chúng ta không xúc động bằng khi thấy cũng người ăn

xin ở Thái Lan, chẳng hạn. Có lẽ vì họ giống chúng ta hơn.

VH: *Tuy vậy, dù truyện ngắn của cô được lồng vào nhiều khung cảnh khác nhau, nhưng hầu hết những nhân vật chính trong đó vẫn là người Việt. Cô có nghĩ về Việt Nam khi cấu tạo cốt truyện không?*

VQNH: Không. Mình là người Việt Nam nên lối nghĩ đương nhiên hướng về Việt Nam. Một cách rất tự nhiên, không gượng ép.

VH: *Từ lúc bắt đầu viết cho đến bây giờ, cô đã hoàn tất được bao nhiêu truyện và đã đăng ở những tạp chí văn chương nào?*

VQNH: Khoảng mười mấy truyện, trong đó sáu truyện đã đăng trên các tạp chí *Văn, Văn Học, Hợp Lưu* và *Văn Uyển.*

VH: *Một cách rất chủ quan, cô thích truyện nào nhất?*

VQNH: Truyện nào cũng thích . . . Tôi viết văn vì đối với tôi, đó là cái thú. Tôi bỏ nhiều thì giờ và tâm huyết vào các truyện ngắn này và thấy rất hài lòng với chúng. Có thể độc giả nghĩ khác. Có thể truyện được chính tác giả ưng ý thì độc giả lại chê bai.

VH: *Nghe đồn trong lớp nhà văn trẻ lớn lên ở xứ người – như trường hợp của cô – nhiều người sử dụng ngoại ngữ (Anh hoặc Pháp) thành thạo, thoải mái hơn là tiếng Việt. Và có cả trường hợp có người viết những bản thảo đầu tiên bằng ngoại ngữ rồi tự dịch ra tiếng Việt. Cô có gặp phải trở ngại tương tự không?*

VQNH: Không. Khi viết tôi nhắm vào độc giả Việt Nam nên không cần viết bằng ngoại ngữ. Đó là ý thích của tôi. Đó là cơ hội cho tôi học hỏi thêm về văn hóa Việt. Gốc rễ của mình là Việt Nam nên viết bằng tiếng Việt vẫn thấy thích hơn. Nếu viết cho độc giả ngoại quốc đọc, lúc đó tôi mới phải viết bằng thứ tiếng khác, như đã từng viết cho các tạp chí hồi còn học Đại học.

VH: *Cô có đọc các nhà văn nữ Hoa Kỳ gốc Á châu? Cô nghĩ sao về trường hợp của Amy Tan, về lối viết của bà này?*

VQNH: Tại sao không là nhà văn nam gốc Phi Châu... Amy Tan là một phụ nữ Á Đông viết văn. Và khi đọc, độc giả Mỹ không chờ đợi ở bà một nhà văn Mỹ mà là một nhà văn Mỹ gốc Á Đông. Cũng như nếu thấy cái tên Quỳnh Như ở đầu tác phẩm, có thể nhiều người sẽ nghĩ ngay đến một nhà văn nữ với tất cả những "ràng buộc" chung quanh của một nhà văn nữ Việt Nam.

VH: *Trong tác phẩm của Amy Tan, người ta thấy bà kể lại những ràng buộc*

cổ hủ của xã hội Trung Hoa phong kiến đè nặng lên đời sống những di dân Trung Hoa, nỗi khổ khi cố gắng hội nhập vào xã hội Mỹ, và cuối cùng thành công ra sao. Khi đọc, độc giả Mỹ rất thích vì họ có cảm tưởng dân Mỹ là cứu tinh của "cô bé lọ lem" hoạn nạn. Nếu viết truyện cho độc giả Mỹ đọc, cô sẽ viết như thế nào?

VQNH: Tôi sẽ viết y hệt như khi viết cho độc giả Việt Nam. Tôi nghĩ không nên ràng buộc văn chương vào bất cứ một đề tài nào.

VH: *Trong những truyện ngắn cô viết, hình như khuynh hướng tự do này thể hiện trong cách chọn nhân vật, đề tài – những đề tài vẫn thường bị coi là cấm kỵ đối với những cây viết nữ, như vấn đề đồng tính luyến ái, tình dục . . . Cô có muốn chứng tỏ điều gì không?*

VQNH: Không. Một cô gái có đôi vú đẹp thì cứ nói là vú đẹp, tại sao lại phải dùng lời khác để diễn tả. Miễn đừng quá thô bỉ làm mất giá trị văn chương. Còn nếu cứ vòng vo tam quốc thì đó chỉ là thứ văn chương giả tạo. Có lẽ tiếng Việt không đủ phong phú hoặc tôi chưa đủ chữ nghĩa để đi lòng vòng dùng những danh từ mĩ miều tả cảnh tả tình chăng? Với tôi, con mắt mình thấy gì, lòng mình cảm xúc ra sao thì cứ việc ghi xuống chứ không quanh co, bóng gió.

VH: *Trong khi viết về những đề tài đó – như truyện nói về anh chàng họa sĩ Việt Nam tạm trú với hai cô gái Nhật đồng tính luyến ái, truyện* Mardi Gras *nói về một người đàn ông* gay, *truyện* Sắc Màu *tả một quán rượu rất tới, rất nghệ sĩ – thì trong đó có bao nhiêu phần là kinh nghiệm riêng, và bao nhiêu phần do hiểu biết chung?*

VQNH: Điều này xét ra khá riêng tư, chỉ xin vắn tắt là đôi khi mình phải đi và sống đời sống của những người đó, nhìn ra sự kiện và ghi xuống, bởi vì ở ngoài xã hội những người đó bị bao phủ bởi thành kiến, bị người đời nhìn bằng con mắt rẻ rúng, khinh khi.

VH: *Ngay ở xã hội Mỹ, vẫn có một thành phần bảo thủ rất cực đoan, chống lại bất kỳ điều gì họ cho là những hiện tượng xấu của xã hội như chuyện phá thai, chuyện đồng tính luyến ái, vân vân . . . và có cả bạo động về những chuyện đó nữa. Trong truyện của cô, cô miêu tả những người này như những người bình thường khác, vì thế có cái gì rất thoải mái, rất nghệ sĩ về họ. Điều này xuất phát tự nhiên từ ngòi bút cô, hay cô có ý định chứng tỏ điều gì không?*

VQNH: Điều này tùy ở độc giả suy xét. Tôi quan niệm nếu sống mà cứ phải giả trá để làm vừa lòng những nhóm người bảo thủ khe khắt chung quanh thì thà chết phứt còn hơn! Những người đồng tính luyến ái, coi vậy chứ họ vẫn sống một cách vui vẻ, thoải mái . . . đôi khi còn thoải mái hơn cả những người chống họ nữa.

VH: *Theo dư luận, có lẽ truyện ngắn* Sắc Màu *của cô được để ý đến nhiều nhất. Truyện viết hay và để lại nơi người đọc ấn tượng sự giả tạo trong đời sống khiến người ta khổ sở vì cứ phải đổi màu như con kỳ nhông. Đồng thời, cũng qua truyện đó, người đọc thấy cô nói lên nỗi chán chường của đời sống nơi đô thị lớn như ở Nhật hay Mỹ, có cái gì không ổn, người ta thấy bất trắc, muốn tìm cái gì đó mà tìm không ra . . . Khi viết cô có ngầm ẩn chứa điều gì hay một cách tự nhiên ra vậy?*

VQNH: Tôi viết tự nhiên . . .

VH: *Cô quan niệm đời sống hiện nay có ổn không?*

VQNH: Ổn hay không là tùy người sống . . .

VH: *Tức là sao?*

VQNH: Sống do dự, phập phồng quá cũng không được, mà sống buông thả quá cũng không được luôn. Cái gì cũng phải có sự quân bình.

VH: *Thế nào là buông thả?*

VQNH: Chắc phải suy nghĩ đã . . . Giáo dục gia đình, đời sống xã hội có những qui luật mình phải tuân theo, nhưng không phải vì thế mình cứ nhắm mắt tuân theo như một cái máy, mình có khối óc, có sự nghĩ suy . . .

VH: *Truyện ngắn đầu tiên của cô đăng báo là truyện* Đảo Rùa *đăng trên tạp chí* Văn Uyển. *Cô có thể cho biết động cơ nào đã thúc đẩy cô cầm viết? Và cô bắt đầu viết văn từ năm bao nhiêu tuổi?*

VQNH: Tôi bắt đầu viết từ năm 16 tuổi. Ngoài ra, lúc còn đi học tôi cũng có viết một số truyện ngắn bằng tiếng Anh cho báo của nhà trường.

VH: *Có những truyện cô không phổ biến vì không ưng ý?*

VQNH: Người viết mới thường chưa đủ tự tin về khả năng của mình nên có nhiều truyện gửi báo không được đăng thì tôi cất đi. Đối với tôi, có thể đó là những truyện hay hơn những truyện sau này.

VH: *Cô viết do xúc động mạnh trong lòng hay do động cơ nào khác?*

VQNH: Do sự nản chí của mình đối với văn chương Việt Nam!

VH: *Nản chí? Cô muốn nói thất vọng?*

VQNH: Vâng, thất vọng hay nản chí cũng thế. Anh hiểu ý tôi muốn nói gì.

VH: *Vì sao cô nản chí?*

VQNH: Tôi thấy văn chương Việt Nam đầy tính bè phái và giả trá. Viết theo lối cũ, người ta không dám nói lên sự thực. Chẳng hạn, đang sinh sống ở những miền đất sung sướng, người ta đóng kịch khổ sở để được sự kính trọng từ người khác. Tôi không ưa được sự giả dối như vậy. Những chuyện than thân trách phận chỉ làm tôi phát chán, nó lèo nhèo như một mớ giẻ rách.

VH: *Nhưng, cả một lớp người khổ sở khi còn sống ở Việt Nam, khi qua đây không tìm được đời sống mới ổn định thì họ có quyền than thân trách phận chứ.*

VQNH: Ở bất cứ giai đoạn nào của cuộc sống, con người cũng có những niềm vui bên cạnh những nỗi khổ. Tại sao không nói đến niềm vui mà cứ nhất định khăng khăng bám chặt vào nỗi buồn?

VH: *Nói như vậy, cô chủ trương văn chương phải vui?*

VQNH: Không. Anh hiểu lầm ý tôi. Tôi nói văn chương phải có sức sống. Phải có niềm tin, phải nhìn thẳng về phía trước chứ không đi thụt lùi, ngoẹo cổ hoặc quay lại. Văn chương như vậy tôi gọi là văn chương *Moon Dance* của Michael Jackson, văn chương nhảy thụt lùi. Viết về quá khứ, về mảnh đất bên kia đại dương thì những người ở Việt Nam hiện tại viết hay hơn chúng ta chứ, làm sao chúng ta viết hay hơn họ được.

VH: *Theo cô thì những người viết trẻ tương tự như cô – những người không vướng mắc vào những hệ lụy của lịch sử trước 1975 – có thấy thoải mái hơn khi họ ở ngoài những ràng buộc có tính chính trị, hoặc những tranh chấp lăng nhăng? Cô có hy vọng nếu có một số đông những người viết như cô gom lại có thể tạo được một sinh khí mới cho văn chương Việt Nam ở hải ngoại không? Ít ra là một biểu hiện cho lớp trẻ ở ngoài này?*

VQNH: Tôi hy vọng được như anh nói.

VH: *Nếu có, những người này có ảnh hưởng gì đến lớp cũ chuyên "lật an-bum" hay "ngoẹo cổ" không?*

VQNH: Không ai bẻ cổ được người muốn ngoẹo cổ. Họ cứ tiếp tục viết như cũ và số độc giả của họ sẽ bị giới hạn . . .

VH: *Có lẽ phải xét lại điều này. Cô thử nhìn vào lớp bạn bè của cô – tức*

những người khi qua đây còn ở tuổi teenager, *hiện hoàn toàn sống trong môi trường giáo dục và xã hội nước ngoài – xem có bao nhiêu người chịu khó đọc sách báo Việt ngữ?*

VQNH: Tại sao lại bắt họ phải đọc sách báo Việt ngữ? Mỗi người đều có sở thích riêng.

VH: *Nếu vậy thì họ đóng góp được gì cho sinh hoạt chung của người Việt ở hải ngoại? Nếu làm nhà văn, họ sẽ chỉ là tác giả thiểu số của văn chương quốc tế mà thôi.*

VQNH: Nhưng nếu họ viết hay và trở nên nổi tiếng, có độc giả thì sẽ không ai quên được nguồn gốc của họ.

VH: *Tức là cố gắng của họ không cần phải liên hệ đến tiếng Việt, miễn họ vươn lên được như một tác giả quốc tế thì nội uy tín của họ cũng đủ đóng góp cho cái xuất xứ hoặc cộng đồng mà họ xuất thân?*

VQNH: Vâng. Riêng trường hợp của tôi, sở dĩ tôi viết bằng tiếng Việt vì tôi yêu mến nó. Tiếng Việt đối với tôi nhiều khi như một sinh ngữ, không phải tiếng mẹ đẻ của mình. Tuy vậy, nó vẫn gần gũi với tôi và đó là lý do tôi chọn tiếng Việt để viết.

VH: *Sáng tác đầu tiên của cô không phải là một truyện ngắn mà là một bài thơ gửi đăng báo. Hãy nói về thơ. Cô có làm nhiều thơ không?*

VQNH: Khá nhiều. Nhưng tôi không thích phổ biến, vì tôi không thích phổ biến. Thơ tôi vẫn còn bị ảnh hưởng bởi Đường Luật.

VH: *Nhưng sau khi thấy vậy, cô có tìm cách thoát ra để tìm cho mình một lối làm thơ mới hơn không?*

VQNH: Tôi vẫn chưa tìm được.

VH: *Theo cô, muốn thoát ra thì thơ phải như thế nào?*

VQNH:Câu hỏi này không cần trả lời.

VH: *Cô có đọc thơ của những nhà thơ nữ ở hải ngoại đương thời?*

VQNH: Không.

VH: *Cô thích thơ ai nhất?*

VQNH: Tại sao phải thích một người nào là nhất?

VH: *Thế thì cô thích loại thơ nào?*

VQNH: Thơ . . . "tự do".

VH: *Cô có nghĩ loại thơ chủ về tư tưởng, về sự phá thể hoàn toàn có thể phổ*

biến sâu rộng trong quần chúng độc giả hay rồi cũng như thơ Đa-da của Pháp, hay thơ cụ thể của Mỹ ở thập niên 50-60, nó sẽ chỉ luẩn quẩn trong một thiểu số độc giả nào đó?

VQNH: Giới trẻ bây giờ đọc thơ không cần tìm vần điệu mà chú trọng nhiều đến ý tưởng của bài thơ hơn.

VH: *Giới trẻ đòi hỏi ý tưởng trong thơ ca phải như thế nào, theo cô?*

VQNH: Ý đó bao gồm tất cả những gì thuộc đời sống mà mình muốn phô diễn. Hoàn toàn tự do, không bị ràng buộc bởi bất cứ thứ gì?

VH: *Giữa quan niệm hoàn toàn tự do trong sáng tác của cô với những hoạt động về chính trị, xã hội vốn đòi hỏi phải có những qui luật riêng, cô có thể cho hai thứ đó sống chung nhau được không?*

VQNH: Được nếu đừng để chúng va chạm nhau. Làm chính trị thì cứ làm chính trị, nhưng khi viết, khi sáng tác thì phải viết thật vì hoạt động sáng tác liên hệ đến phần tâm hồn của mình.

VH: *Nhưng cái thật của tự do sáng tác cũng bị ảnh hưởng bởi yếu tố chính trị bên ngoài chứ!*

VQNH: Vâng. Cũng như anh chạy xe quá tốc độ, thấy cảnh sát thì chậm một chút.

VH: *Tức là cô cũng biết sợ?*

VQNH: Sợ chứ. Cảnh sát ai mà không sợ! Sợ cảnh sát chứ không sợ luật. Nhưng nếu chạy chậm mãi thì cũng buồn ngủ lắm.

VH: *Cô có dự định gì về việc viết lách, xuất bản cho năm nay?*

VQNH: Tôi không có dự định gì khi viết. Thích viết thì viết, thích in thì in vậy thôi. Xuất bản được một quyển sách thì cũng thích nhưng đó không phải là lý do thúc đẩy tôi ngồi vào bàn viết.

VH: *Thay mặt độc giả Văn Học, xin cảm ơn cô rất nhiều.*

VQNH: Cảm ơn anh đã cho tôi cơ hội nói chuyện. □

Đón đọc

MODAN GEISHAS

Tập truyện **VŨ QUỲNH N. H.**

Tân Thư xuất bản 1992

mẹ . con

Nó đang nằm ngửa trên giường đầu chổng ngược xuống dưới đất. Hai chân đong đưa, tay cầm tạp chí *People*, mắt nó dính chặt vào trang giấy. Dưới đất bầy la liệt những tờ báo mà thiên hạ hay tò mò cầm lấy xem mỗi khi đứng đợi trả tiền trong chợ. Có tiếng thằng em trai đang nhè đòi bánh. Giọng mẹ nó la. Nó vùng vằng ra khỏi giường đứng dậy vặn âm thanh to lên từ bộ *stereo* kê sát tường, như để lấn áp tiếng ồn ào từ dưới nhà vang lên. Sẵn tay nó đóng xầm cửa lại, mặt nó dễ chịu rồi phóng lên giường tìm lại thế cũ.

Thằng em đang đập cửa thình thình ở ngoài.

– Nè, có bạn tới.

– O.K.

Nó nhẩy ra khỏi giường. Xuống lầu, Cathy đang thử miếng chả giò má nó mới chiên xong. Vừa thấy mặt, má nó lên tiếng.

– Tụi bây có làm gì thì làm, nhớ sáu giờ xuống sửa soạn bửa cơm nghe chưa?

– Cathy ở lại ăn cơm được không? Nó xin phép.

– Bộ nó không có cha mẹ để về ăn hay sao. Bữa cơm gia đình là quan trọng nhất trong ngày. Má nó lại bắt đầu kể lể.

– Hồi xưa mỗi bữa cơm là phải đông đủ hết mọi người, chứ bây giờ đứa thì đi đến nhà bạn ăn, đứa coi truyền hình, thật không ra thể thống gì.

Nó hơi ngượng, cũng may má nó trả lời bằng tiếng Việt. Nó không thích ai nói tiếng Việt trước mặt bạn. Nó thấy má nó hơi thiếu lịch sự. Qua đây mười mấy năm rồi, vậy mà đi đâu cũng nói tiếng Việt, khiến nó có cảm giác như hàng trăm con mắt đang nhìn vào xoi mói, nó khó chịu. Cathy quay qua bảo bạn.

– Chiều nay tao phải về. Bà ngoại tao từ Iowa xuống ở chơi một tuần.

– Bà ngoại mày năm nay bao nhiêu tuổi vậy? Nó đánh trống lảng để che

giấu vẻ ngượng trước mặt bạn.

– Tao không biết, chắc cỡ tám mươi đâu đó. Cathy nhún vai.

Nó lôi bạn lên phòng, tay với tấm bảng *Do not disturb* mà nó lấy được ở khách sạn trong một dịp đi nghỉ hè với gia đình.

– Thằng em ghẻ của tao hay vào đây lục lọi. Một ngày nào đó thế nào tao cũng làm bẫy cho nó biết tay.

Cathy cười, con nhỏ móc vội trong cái cặp đựng sách vở ra bao giấy trắng, đưa ra khoe với bạn.

– Tao mới đi khám bác sĩ về. Nó cho tao thuốc nè.

Nó giật lấy bao giấy mở ra xem. Cầm trên tay mân mê hộp thuốc mỏng bằng cái gương soi mặt, nó mở ra nhìn.

– Chà, sao mấy viên này nhỏ quá hở, lại còn có ngày tháng ghi rõ cẩn thận.

– Ừ, bác sĩ nói như vậy để khỏi có quên.

– Sao, đi khám bác sĩ như thế nào? Nó tò mò muốn biết.

Cathy kể như người vừa xem qua một cuốn phim, từng chi tiết một.

– Đau quá xá trời. Tao vào con mụ y tá bắt cởi quần áo ngồi chờ cả nửa tiếng bác sĩ mới chịu vô.

– Đàn ông hay đàn bà?

– Tao đòi đàn bà, ai ngờ gặp bà già.

Nó phì cười. Cathy cũng cười theo. Con nhỏ tiếp tục kể.

– Con mẹ bác sĩ làm *Papsmear test* cho tao, đút cái miếng sắt lạnh ngắt vào trong tử cung. Tao đau quá muốn đá cho một cái, kẹt hai chân bị xỏ vào hai bên thành bàn nên dành cắn răng chịu đựng. Đã thế còn hỏi tao một câu thật là ngu xuẩn.

– Hỏi gì?

– Con mẹ hỏi tao có làm tình với ai bao giờ chưa? Bộ không thấy tao còn trinh sao?

– Làm sao mà thấy? Nó thắc mắc.

– Sao lại không? Con mẹ khám thì phải biết chứ? Sao mày không biết gì hết vậy?

– Má tao không bao giờ đề cập chuyện *sex* với tao thì làm sao biết được.

– Má mày lạc hậu, má tao tân tiến hơn nhiều. Tao đề cặp vấn đề *sex* là má tao giải thích từng tí một rồi còn lấy hẹn cho tao đi khám bác sĩ.

– Má tao đâu có lạc hậu. Nó cảm thấy cần phải giải thích. Bà ta chỉ sợ nhỡ có chuyện gì thì tao sẽ là đứa bị thiệt thòi.

– Bởi vậy mày phải lo cho thân mày trước. Chuyện ngừa thai là chuyện mình phải lo, không thể nào tin tưởng ai khác được, nhất là mấy thằng đàn ông. Mày với thằng Jeff dạo này đến đâu rồi. Ở, tao muốn hỏi chuyện đó đó.

– Đâu có chuyện gì. Nó đỏ mặt tâm sự. Jeff đòi ngủ với tao, và tụi tao thương nhau lắm. Tao muốn làm vừa lòng hắn.

– Còn mày thì sao?

– Tao không biết. Mỗi lần hắn ôm tao vào lòng, tụi tao hôn nhau, tao thấy khó chịu . . . cũng muốn lắm nhưng tao sợ. Nó nói nhỏ rồi nhìn chung quanh như sợ có người nghe lóm.

– Mà có cái gì mà mày phải sợ chứ?

– Sợ mang thai, sợ nhiều thứ. Má tao bảo, một khi ngủ với ai rồi, thì người đó sẽ coi thường mình. Tao không muốn bị Jeff khinh.

– Đó là lối nhìn của mấy chục năm về trước. Cathy cười bảo bạn. Má mày quan niệm theo lối cổ xưa nên khuyên mày như vậy. Thời bây giờ nên quan trọng trên phương diện mang bầu và bị bệnh tật, hơn là phải lo lắng xem người khác sẽ nghĩ gì về mình. Mà nếu có thằng đàn ông nào như vậy, thì nó không đáng để mày yêu.

– Sao lập luận của mày cũng giống Jeff vậy?

– Thời buổi này, con gái quá hai mươi tuổi mà chưa từng ngủ với ai, thiên hạ cho là bất bình thường. – Bất bình thường? Nó nhăn mặt nhìn bạn.

– Ừ, bất bình thường.

Nó định nói nhưng tiếng má nó réo gọi từ dưới lầu. Nó giật mình đưa tay lên chận ngực.

– Tao phải xuống nhà. Gary sắp về rồi. Nó cầm hộp thuốc ngừa thai, tay mân mê lớp vỏ plastic xanh bóng nhẫy rồi nhét vào bao giấy trả lại bạn.

– Ngày mai mày mặc áo gì? Nó quay qua hỏi Cathy.

– Cái áo *pullover* ở tiệm Limited mà tao với mày mua hôm nọ đó.

Nó gật đầu, lòng cảm thấy vui hơn. Hình như nó vừa tìm thấy sự công bằng với bạn ở một phương diện nào đó. Nó tiễn bạn xuống nhà. Má nó đang xào nấu trong bếp. Mùi thịt bò thơm phức mà Gary vẫn ưa thích. Nó vẫn bảo Gary và má nó như là mặt trời với mặt trăng. Chỉ gặp nhau vào nguyệt thực

cuối tuần.

Gary nhỏ hơn má nó đến cả năm tuổi. Họ gặp gỡ nhau nhờ những buổi picnic trong sở. Gary thích nét dịu dàng đầy nữ tính của người phụ nữ Á Đông, còn má nó... ừ, má nó, cho đến bây giờ nó vẫn không biết má nó thương Gary ở phương diện nào. Hiền lành, đẹp trai hay chỉ là một nền móng để tiến thân trong xã hội đầy ganh đua này. Nó chỉ biết là ít khi nào má nó dẫn Gary đến những nơi có người Việt, dù Gary thèm ăn cơm Việt còn hơn nó thèm ăn *pizza* với *hot dog*. Và má nó, cũng thích qua lại với người Việt Nam hơn những người làm cùng sở. Cuối tuần nào má nó cũng sách cái xe Mercedes, lựa bộ quần áo sang trọng nhất trong tủ để xuống khu Việt Nam lượn qua lượn lại mua sắm thức ăn.

Nó sống trong một gia đình nhỏ, không chị em gái. Anh Quân lớn nhất và thằng Tim là đứa em cùng mẹ khác cha với nó, mà lúc nào nó cũng nghĩ má nó nuông chìu quá mức nên thằng nhỏ đâm ra hư hỏng không dậy được. Nó ít khi nào có cơ hội nói chuyện với anh nó vì anh Quân không ưa Gary, tối ngày lấy cớ để đi hoang. Có một thời bỏ nhà ra đi, hết tiền lại mò trở về. Bây giờ ba nó mới từ Việt Nam qua lại có cớ để anh nó bỏ đi lần nữa. Mỗi lần như vậy là ba má nó tìm cớ để đổ lỗi cho nhau. Họ moi cái xấu để trách cứ lẫn nhau. Người vắng mặt cả chục năm bỗng nhiên muốn tìm lại vị trí cũ, người ham mê tiền bạc để con cái hư hỏng. Má nó khóc, ba nó bị va chạm tự ái, nó chán ngấy chỉ biết chui vào phòng đóng chặt cửa lại rồi vặn nhạc ầm ĩ lên nghe để quên hết mọi chuyện. Nó không hiểu tại sao họ đã có một thời yêu nhau say đắm để có với nhau hai mụm con, giờ chỉ còn những lời cay nghiệt đầy trách móc.

*

Má nó bỏ những món ăn vào đĩa, lấy giấy kính bọc lại cẩn thận.

– Nhớ khi nào Gary về thì cho vào *microwave* hâm lại. Món thịt bò xào đừng để lâu coi chừng dai ăn mất ngon.

Nó gật đầu cho xong chuyện. Thằng em ghẻ thấy má nó sắp đi làm bắt đầu khóc. Nó bực mình ra vặn TV. Giờ hoạt họa, mười lần như mười không sai một lần nào, thằng nhỏ dí mắt vào như bị thôi miên ngừng ngay khóc.

Má nó choàng cái áo len vào, ngày nào cũng như ngày nào, cũng cái áo khoác đó, cũng đôi giầy đó. Cũng cái dáng mệt mỏi mang đi rồi lại mang về.

– Dạo này mày đi học sao dùng *make-up* nhiều vậy. Má nó khó chịu nhìn soi mói vào mặt. Giọng bà vẫn tỉ tê như người đang trả bài.

– Hồi tao bằng tuổi mày, đi học đâu có diêm dúa như bây giờ. Đi học mà như là đào chiếu bóng.

– Ở trường đứa nào cũng vậy.

– Tụi bây bộ khỉ hết sao. Mày cứ tập tành thói hư đi. Má nó nhìn đồng hồ tay.

– Chuyện này ngày mai bàn tiếp. *I mean it*! Nghe chưa?

Nó đứng sau màn cửa, chờ cho tiếng xe hơi khuất dần khỏi bụi dâm bụt trước nhà mới chui vào bếp. Nó cầm miếng vải lau chén ném mạnh xuống sàn nhà cho hả cơn giận. Tự nhiên nó thấy chán tất cả.

*

Ngõ đường quen thuộc chẳng mấy thân thiết, như một tên tội phạm sắp sửa bị lên án, nó lủi thủi đi. Trời mùa đông ngày ngắn hơn đêm. Nó không thích khu này, tồi tàn. Những lũ con nít nước mũi chảy lòng thòng đang đứng nghịch, những tên choai choai cỡ nó đầu tóc đầy *jell* huýt sáo trêu chọc khi đi ngang qua. Ở những góc tường một dẫy xe đẩy từ chợ bị thiên hạ mang về ném đó không buồn mang trả lại. Nó đưa tay lên gõ cửa. Tiếng cửa mở, nó không biết phải nói gì.

– *Hello*, ba mạnh giỏi?

– Ờ . . . *well*, ở trường bài vở O.K.?

– *I don't know*, ý quên con không biết.

Những cái nhăn mặt thiếu sự thông cảm. Tiếng thở dài trách móc. Miệng nó cứng, đầu óc nó trống rỗng, những câu trả lời như người bị cà lâm từ cửa miệng nó hờ hững thốt ra. Lần nào cũng như lần nào. Và lần này nó cũng có cảm giác như vậy.

Khói thuốc mù mịt như chui vào quần áo nó. Tóc mới gội và bộ quần áo mới tinh, nó không hiểu tại sao phải tắm rửa sạch sẽ, ăn mặt chải chuốt đến đây để khi bỏ đi, chỉ mang theo mùi khói hôi hám bám đầy người như di tích của những buổi viếng thăm hằng tuần. Người đàn ông gầy gò, tóc phảng phất bạc đầy gầu làn da ngâm đen mà nó đã mất hẳn hình dung từ lâu lắm rồi. Người đàn ông với tiếng ba thật xa lạ, mà má nó bắt phải gọi. Người đàn ông

từ một phương trời xa xăm chợt nhẩy vào cuộc sống của nó, đảo lộn như cơn lốc cuốn tung. Người đàn ông đứng đối diện, gần gũi và xa lạ, nó vẫn không biết phải nói gì.

*

Đây là lần thứ nhì nó xem cuốn phim này. Hộp *pizza* chỉ còn một miếng với những bìa bánh còn nằm dở dang trên mặt bàn. Những lớp *cheese* khô đọng lại ngây ngất mùi béo ngậy. Jeff quay qua hôn nó. Hai đầu lưỡi đụng nhau, dưới người nó khó chịu. Jeff luồn tay vào áo trong, tìm hai đầu vú đang căng cứng, nó thụt người lại tìm một câu thừa thãi để quên bớt nỗi sợ sệt.

– Đàn bà ngực lép chắc đàn ông đâu có thích phải không? Câu nói vừa phát ra khỏi cửa miệng nó mới thấy hớ.

– Không, mày ngực lép tao vẫn thích mày. Jeff có cớ để kéo nó lại gần.

– Tao khát nước, mày lấy cho tao ly *coke* được không? Nó nói, cảm thấy ê ẩm bởi lối ngồi thiếu tự nhiên. Jeff thở dài đứng lên. Nó cười ngượng kéo tà áo xuống. Hắn bỏ vào bếp, mở tủ lạnh. Tiếng cửa sập lại, những cục nước đá va chạm vào ly, hắn bước ra nó đã ngồi ngay thẳng từ lúc nào. Hai chân co lên trên cái sôfa mà nó có cảm tưởng như quá rộng với khổ người nó. Jeff đưa ly nước đến trước mặt, nó ngập ngừng cầm lấy. Đầu óc nó đang tìm tòi những câu hỏi để đánh trống lảng cuộc diện. Những lời má nó nói như văng vẳng trong tai.

– Con gái mà đi chơi đêm với con trai không có tốt. Má nó vẫn có những thành kiến như vậy.

– Con đâu có đi hồi nào. Nó chối phăng.

– Gần mực thì đen gần đèn thì sáng. Mình con nhà Việt Nam nề nếp chứ không hư hỏng như mấy tụi Mỹ con. Mày cứ bắt chước mấy đứa đó có ngày làm mất mặt hết họ hàng bà con cho xem.

– Hở? Nó không hiểu má nó muốn nói gì.

– Con gái thời buổi này loạn quá. Hồi xưa ba mày có muốn gặp tao thì phải tới nhà có mọi người chung quanh.

Đài truyền hình đang loan tin vụ án tay võ sĩ Mike Tyson hãm hiếp cô gái dự thi hoa hậu da đen. Má nó chỉ tay vào màn ảnh.

– Đó, mày thấy không, con gái mà đi chơi đêm thế nào cũng sinh chuyện.

– Nhưng Jeff đâu phải là Mike Tyson. Nó cần phải biện minh.

– Nhưng nó là đàn ông, còn mày là con gái. Lửa gần rơm lâu ngày cũng cháy.

– Hở? Nó lại không hiểu.

Bây giờ nó đang sợ. Nó không biết mình đang sợ gì. Không ai đề cập gì với nó về vấn đề tình dục giữa nam và nữ, nhất là má nó. Chỉ trên truyền hình, cảnh hôn hít, cảnh nằm trên giường chùm chăn, ngoài ra nó vẫn không biết.

Jeff đứng trước mặt nó, lực lưỡng và đẹp trai. Không phải là một con thú hung hãn như má nó hình dung. Hắn hiền và vui tính, không lọc lừa hay dối trá. Nhưng bỗng nhiên nó vẫn thấy sợ. Nó thấy cần phải về. Cathy giúp nó nói dối để có cơ hội gần Jeff ngoài giờ học. Nhưng bây giờ cũng gần khuya và ngày mai, còn bài vở cần phải được chú ý đến. Nó giơ tay lên che miệng ngáp, Jeff thở dài.

– Hình như mày muốn về.

– Tao còn bài vở phải làm cho ngày mai.

– Mày không cần phải biện minh.

– Không! Nó ngập ngừng. Thật sự tao còn phải làm bài để nộp cho ngày mai. – Tùy mày. Jeff nhún vai giận dỗi, hắn yên lặng không nói gì thêm.

Cảm giác bị hất hủi, nó thấy mình thua kém tất cả, không có gì để bạn bè để ý đến. Tự dưng nó giận má nó, rồi đến ba nó. Họ là những người chỉ chuyên môn mang cái thua kém của con cái ra để kể cho thiên hạ biết. Còn ngoài ra những cái tốt đẹp ít khi nào nó nghe đến. Họ chỉ nghĩ những sự xấu xa, ở một nước mà trước khi kết án ai, người đó trước tiên phải được coi là vô tội. Nó chỉ muốn chui vô phòng đóng cửa lại. Nó mở cửa bỏ đi không một câu chào. Trời ngoài lạnh, một cảm giác cô đơn lạnh lẽo như trĩu nặng vào bóng đổ trên lối đi.

*

Hôm nay nó hớn hở trên đường về nhà. Chiếc xe bus màu vàng chở đầy học sinh ngừng trước bảng stop ngã tư đường. Cửa mở, nó bước xuống quay đầu lại vẫy đám bạn đang thò đầu ra cửa kính bên hông xe hò hét. Gã tài xế già với cái bụng hơi phệ của hơn mười năm ngồi trên ghế đã bắt đầu lòi lò xo đang nhăn mặt qua cái kính chiếu hậu trước mặt. Gã buông một tiếng thở

phào nhẹ nhỏm, cái thời làm cha mẹ đã qua.

Nó bước vội vào nhà, má nó đang có khách.

– Chào bác đi con. Má nó bảo.

– Chào bác! Nó ném đống sách vở xuống bàn.

– Con cái ở Mỹ mỗi ngày mỗi hư hỏng, quên hết cả phong tục Việt Nam. Lúc nào cũng phải nhắc nhở cách xưng hô với người lớn. Má nó càu nhàu với bà bạn ngồi đối diện. – Con chị còn biết nói sơ sơ tiếng việt chứ lũ con nhà tôi không nhớ được một tiếng. Gặp khách đến nhà là chỉ biết *Hi*.

– Chị quá khen, mấy đứa con nhà tôi càng lớn càng hư không nói được. Mỗi lần dậy bảo nó là mặt mày sưng lên một đống.

Má nó nói, tự dưng nó cụt hứng. Tờ giấy khen tặng của trường nó cầm trong tay bỗng không còn ý nghĩa. Nó vò nát, bỏ lại vào túi quần không buồn mang ra khoe. Nó định nói cái gì nhưng trước mặt bạn má, nó thấy không tiện.

Thế nào má nó cũng chịu. Nó nghĩ như vậy. Trong trường ai cũng được sự đồng ý của cha mẹ. Vả lại kỳ này điểm trong lớp của nó khá hơn mấy kỳ trước, thế nào má nó cũng thích. Nó ngồi thừ người chờ đợi cho đến khi người khách bỏ về mới chui xuống dưới lầu. Má nó đang khóa cửa lại, nó không bỏ lỡ cơ hội, vội móc túi lấy tờ giấy ra vuốt ngay ngắn lại rồi đưa cho má nó xem.

– Khóa tới trong lớp có môn mới về giáo dục gia đình, con muốn lấy.

– Để làm gì? Mày còn nhỏ học mấy thứ đó làm chi cho tốn thì giờ.

– Con muốn lấy. Má ký cho con được không? – Giáo dục bên Mỹ càng ngày càng tệ. Mới có Trung học mà họ đã dậy về ngừa thai, sinh đẻ. Rồi có trường còn đòi phát *condom* miễn phí cho học trò.

– Họ dậy để ngừa bị mang thai và sợ bị bệnh AIDS, bộ má không biết sao.

– Mày đừng có tài khôn. Cho tụi bây học mấy cái lớp đó cũng như khuyến khích con nít cứ việc làm bừa. Má nó quay qua nói.

– Tao không thích mày đi chơi với thằng Jeff nữa nghe không. Con gái lo học hành đàng hoàng không có thiên hạ cười cho xấu mặt.

– Ai cười? Nó bực mình gân cổ cãi.

– Bạn bè tao cười. Má nó bực mình, quay lưng bỏ lên lầu.

Nó chạy lên phòng và lấy trong tủ áo cái va-li ra. Cái va-li *samsunite* màu đen còn mới toanh. Nó dùng mới có một lần trong dịp đi *field trip* năm ngoái

do trường tổ chức. Nó ném chiếc va-li lên giường, mở ngăn kéo lôi đống quần áo bỏ vào tất cả những gì thuộc về nó. Nó đóng va-li lại, ngồi mong cho đến giờ má nó đi làm.

Có tiếng xào nấu trong bếp. Lại đến giờ làm cơm. Nó không hiểu má nó muốn gì. Ngoài bổn phận làm mẹ, làm vợ, má nó lúc nào cũng như sống trong một thế giới khác. Lúc nào cũng nghĩ mình bị thiệt thòi và đòi kẻ khác phải thương hại. Đôi khi lại thích ganh đua với mọi người chung quanh để thấy hơn. Má nó lấy Gary nhưng lại không muốn thiên hạ biết mình lấy Mỹ. Không còn yêu ba nó thì lại tìm cớ đổ lỗi sự mất tin tức của chồng để phải bước thêm bước nữa nuôi con. Má nó có tiền nhưng lại ít khi nào sung sướng để hưởng thụ. Sự vui sướng được mang đến từ những người không quen biết. Tất cả như những bộ quần áo lộng lẫy chưng bầy trong tủ kính để câu khách vào mua.

Lâu lắm rồi, nó nhớ lại. Gia đình chưa bao giờ có đầy đủ mọi người trong bàn ăn, kể cả những ngày lễ trọng đại. Không gì mới lạ để khoe khoang với bạn bè ngoài những bộ quần áo vừa mua hôm trước. Có một lần nó cảm thấy thân thiết với ba nó một cách nhiệt tình đầy giả tạo của một đứa con sợ bạn bè coi thường khi có người cha lái chiếc xe cũ rích vào trường đón con. Nó chạy đến chui tọt vô xe để thiên hạ không kịp để ý, rồi tìm chuyện nói cho ba nó khỏi buồn. Nó không muốn kéo dài sự thân mật của những đứa trẻ hãnh diện về cha mẹ thường lôi bạn ra giới thiệu. Và hình như tối hôm đó cha mẹ nó lại to tiếng trong điện thoại như thường ngày.

Nó ngồi thừ người trên giường, quay qua nhìn vào gương. Một đứa con gái vừa đến tuổi biết những cảm xúc lạ trên thân thể. Nó đứng dậy trước gương soi ngắm, nghiêng người về phía trước, quay ra sau ngắm nhìn. Không một người trong nhà, tự nhiên nó cảm thấy như người vừa được thưởng một tấm vé máy bay đi du lịch. Nó lôi vội trong sổ điện thoại số ghi vội của bà bác sĩ mà Cathy để lại cho. Nó cầm điện thoại lên quay số.

– Tôi muốn lấy hẹn để tới làm *Papsmear test.*

– Mười sáu tuổi.

– Thứ hai, một giờ trưa. Nó ghi xuống tờ giấy.

Nó trở lại giường xếp lại quần áo bỏ vào tủ. Tiếng lũ con nít ngoài đường ồn ào vọng vào trong, nó cảm thấy mình lớn. Nó lôi ra nhìn, cầm chắc trong tay. Một cái vé máy bay tàng hình. □

DUY LAM

nét đậu kim kim

tặng anh chị Nguyễn Mộng Giác

Có mối hận nào nhẹ
Như một chiếc lá rơi?
Ân hận nào chua xót
Chiếc lá vẫn đong đưa?
Chạm mặt hồ lặng lẽ
Như một tiếng thở dài
Khi bóng tối lén đến
Vạn vật đã ngủ yên.

Thật sự chẳng thể có
Mối hận nào không đau
Tiếc nuối không chua xót
Một bầu trời không mây?
Chỉ có lòng trống trải
Với hàng chuỗi tháng ngày
Những giây phút thờ thẫn:
Khi tình đã đi xa
Khi con người ruồng bỏ
Hai cạnh mắt cay cay.

Tất cả đều nghiêng ngả
Trong tròng mắt hõm sâu
Hai điểm nóng đốt cháy
Đuôi mắt như quá dài.
Rồi chân lông múa động
Rồi thân thể đau nhừ
Rồi chỗ ngồi nóng bỏng
Rời đi vẫn còn ta.
Chỉ vào những lúc ấy
Khi hồn đã rỗng không
Những nỗi buồn kéo tới:
Thoáng bóng lá thở dài
Rung động cánh kim kim
Của tiếc nhớ ân hận
Bỏ phí những ngày qua

chợ hôm

Chợ buổi chiều, lúc nắng xế chiếu vàng xuống rác rưởi và người đi chợ đã thưa dần.

Ai có về đất nước, đi thăm chợ chiều, mới cảm thấy cái buồn thấm thiết của buổi chợ vãn. Hết rồi những đám đông bới móc tổ tiên ba họ nhà nhau khi bó rau tươi vừa xuất hiện, và cũng không còn những cái nhìn nảy lửa chĩa vào mớ tép đang giãy dành dạch, ai biết rằng dối hay thèm. Người đi chợ không cần luồn lách tránh những bãi quết trầu mà mùi hăng xông thẳng vào mũi, nhưng cũng hết thấy cái âm ấm của những mảng thịt ướt dẫm mồ hôi hích mạnh sau lưng. Chợ chiều chỉ còn vài bà già ngồi bệt sau thúng mẹt với món hàng vĩnh cửu mà, có lẽ vì thuộc loại "xa xỉ phẩm" rẻ tiền, nên vắng người mua: dăm lá trầu, mấy quả cau, vài cọng hoa nằm tròn trong chiếc lá dong chờ người ta rước về đưa lên bàn thờ để nhớ tổ tiên, hoặc để cầu Trời, cúng Phật những ngày rằm dã được xóa kĩ trong cái kỉ nguyên mới mẻ này.

Tôi tới chợ lúc chợ đã vãn, và ngay lúc anh thương binh dứng góc chợ chìa tay, cũng khập khiễng ra về, chiếc chân gỗ lồi lõm sau chiếc nạng.

Cụ ngước nhìn tôi, chờ dợi. Cặp mắt kèm nhèm của một thứ bà già không còn tuổi ấy chưa chắc đã phân biệt nổi trên vẻ mặt tôi thế nào là Việt kiều, thế nào là Việt Nam. Cụ mời tôi mua, nửa quen thói chào khách sau cả đời người ngồi chợ, nửa gói ghém chút hi vọng cuối ngày. Nào ngờ tôi dừng lại mua hàng của cụ.

Từng bó lá "thuốc" cụ bày trong thúng hình như ít người chiếu cố. Ngày nay dưới ánh sáng khoa học của Đảng và nhà nước, các loại thuốc bào chế nhiều và tốt lắm, ai còn mua "thuốc" xông chữa cảm cúm, nhức đầu này làm

gì. Người ta ngại cái lích kích bất ngờ khi chữa bệnh theo lối "dân gian", "cổ truyền" như thế, đâu phải vì mùi hăng lá bưởi, vì cọng lá tre sắc cạnh, hoặc đám gai nhọn trên nhánh phèn đen. Nhúm cỏ thơm, hương nhu tím tím, sả, cũng dễ mua, nhưng làm sao tìm nổi chiếc nồi lớn, nhất là kiếm đâu được củi lửa mà đun thuốc.

Tôi từng ngồi trùm chăn trên chiếc nồi vòng tay ôm, hơi lá thuốc ngào ngạt bốc mạnh, chui vào mũi, vào miệng, vào phổi, làm nở các lỗ chân lông, khiến sau khi mồ hôi đổ ướt đẫm khắp mình, bệnh bớt hẳn, con người nhẹ nhõm, sảng khoái. Mùi thơm ấy tổng hợp cây cỏ sau vườn, cạnh nhà, từ những bãi hoang đến hàng rào rù rì trong gió, nhẹ như ngón tay nhón hái mỗi buổi sáng tinh mơ, và, nhớ kỹ, còn như mùi tóc mượt quá vai mười sáu. Nhưng này, đừng lãng mạn! Nói nhỏ đủ nghe, xin anh đừng chê xóm tôi nghèo, thời buổi "kinh tế" bây giờ, đi tìm một chiếc chăn không thủng lỗ không phải chuyện dễ, chẳng lẽ chạy sang mượn nhà hàng xóm hoặc lấy chiếu mà xông? Ngày nay nước ta, điện đã về, Liên Xô xây đập Hoà Bình, nhà nào cũng quạt máy, bếp dầu, có lẽ phải đợi đến mùa gió lớn mới quét nổi ít lá bàng: chừng nào mới đủ để đun sôi một nồi nước thế? Bà già ngoài chợ làm sao hiểu nổi nguyên nhân sâu sắc có tầm mức quốc tế ấy, khiến món hàng mình ế ẩm?

Nghe người ta dặn, tôi vừa chọn một bó lá thuốc tươi tắn nhất, miệng vừa mặc cả: "Thôi hai hào, cụ để cháu một bó!"

Cụ tần ngần một chập, rồi cũng ừ. Nghĩ mà tội nghiệp. Không lẽ tôi, một thằng Việt kiều sau bao nhiêu năm xa nước, nay trở về, đi chợ chiều, lại bắt chẹt một bà cụ già ngồi bán lá thuốc! Tôi bèn nói với cụ: "Cụ ơi, cháu chỉ cần mỗi thứ lá một cọng thôi, cháu đưa cụ hai hào, lấy vài lá, còn bao nhiêu để lại cụ".

Anh có biết? Cụ ngước nhìn tôi – ít khi cặp mắt kèm nhèm lại có sức mạnh nhường ấy. "Cậu ạ! Đã ngã giá hai hào một bó thì cậu cứ trả tôi hai hào rồi lấy cả bó, chứ cậu trả tôi hai hào rồi không lấy bó thuốc, thế để tôi phải tội với Trời với Phật à!"

Tôi về nước hồi ấy đến giờ, đã hơn mười hai năm, sao cái nhìn và giọng nói của cụ già đến bây giờ còn nhớ thế. Anh để tôi kể thêm câu chuyện sau đây rồi ta hẵng trở lại chuyện này.

IMEX

Năm 1982, tôi lại trở về nước, ghé qua Sàigòn thăm gia đình. Vâng, xin lỗi anh, anh tha cho, cứ cho phép tôi gọi nôm na Sàigòn như thế, vì tôi không phải là "nhà cách mạng", mà gọi thế khác, thân thương hơn, thì e phạm vào thanh danh của người anh ông cụ tôi, không có tội tình gì. Trước khi về, có người chỉ cách đến mua hàng ở IMEX, tức là cửa hàng mà Việt kiều cầm hộ chiếu và có đô-la đến mua được (bây giờ không hiểu nó còn nữa không? Đây là tôi kể câu truyện "cổ tích" năm 1982). Không biết đổi tiền cách nào, vừa chính thức như cách mua hàng, vừa giúp được gia đình tốt nhất, cho nên tôi đành mon men tới đó. Mới bước đến gần, đã sợ teo, thấy một đoàn các cô các bà, đon đả mời chào: "Anh, anh! Anh mua hàng cho em!"

Vào cửa hàng, tôi hoa mắt: có cả Ti-vi, loại tối tân, rồi sữa hộp, cá hộp, bơ hộp, thịt hộp, máy tính, rượu khai vị, rượu mạnh, không còn thiếu thức gì. Có hai cô gái nhanh nhẩu đi kèm sát tôi, chỉ chỉ trỏ trỏ: "Mua thứ này này, anh ạ!" Đồng chí chủ nhà hàng, thấy tôi ngớ ngẩn, ra hỏi xem có hộ chiếu không, tôi vội chìa ra. À, ra là Việt kiều Pa-ri! Hai cô được thể sấn đến. Đồng chí chủ nhà hàng hơi ngượng, nạt lớn: "Các chị đi ra ngoài kia, ở đây chỉ có Việt kiều mới được vào!" Vinh dự thay! Các cô bớt lớn tiếng, nhưng tôi không thấy họ ra vẻ sợ hãi gì cả, cứ thản nhiên đi sát tôi như không nghe tiếng quát kia.

Thế rồi tôi cũng mua được hàng. 100 đô-la. Nếu anh hỏi tôi: đã mua những gì, tôi xin chịu. Người ta chỉ thứ gì, tôi mua thứ nấy. Vừa trả xong tiền, cầm cái giấy đi lĩnh hàng chưa ấm tay, người ta đã giật lấy: "Anh bán cho em!" Một cô dằn giọng, nói với cô kia: "Mày để tao!" Lúc bấy giờ tôi không ngó mặt hàng mà nhìn kỹ hai cô. Một cô trẻ, hình như tên là Loan, đẹp. Cô kia, đúng hơn là một phụ nữ khoảng ba mươi, chắc trước đây nhan sắc, nay đã bớt tươi tắn, tuy không phải là xấu, và có một đặc điểm tôi còn nhớ rõ: trên sống mũi đổ rất nhiều mồ hôi, dáng người thon nhỏ, cao, nói dằn giọng một câu cô kia nghe ngay. Rút cuộc, tôi bán lại cho cô này, mà tôi không nhớ tên. Vì bạn bè và gia đình dặn kỹ, nên tôi ra một điều kiện: tôi đưa cô ta giấy lĩnh hàng, cô ta trả tôi tiền. (Hồi ấy, 7.500 đồng; như thế một đô-la ăn những 75 đồng cụ Hồ). Khi nào tôi trở lại mua hàng cô ta phải trả lại cho tôi hóa

đơn. (Lúc ấy, nói thật, tôi không tin sẽ còn thấy mặt tờ hóa đơn, mà đến nay tôi còn giữ).

Hóa đơn rất cần, anh ạ. Dạo ấy đi, về Việt Nam (phân biệt thế nào là "đi", thế nào là "về" nhỉ?), tôi không bị khám xét gì nghiêm ngặt, xe và nhân viên "cơ quan" ra đón tận sân bay; nhưng để cẩn thận, đã mang ngoại tệ vào thì nên có hoá đơn mang ra: luôn luôn "đường đường chính chính", không giấu tiền, đổi lậu, nay đếm một xu cũng không thừa.

Sau đó, ba lần tôi trở lại nhà hàng IMEX, lần nào cũng có cô sống mũi đỏ nhiều mồ hôi đon đả tới trả lại tôi hóa đơn, và tất nhiên là để đòi tôi bán hàng cho cô ta. Tới lần áp chót, tôi nói rằng ngày kia trở lại lần cuối, mua hàng rồi lên máy bay đi Hà Nội. Lần ấy, cũng như những lần trước, tôi bán hàng cho cô ta. Đặc biệt, cô chạy ngay trả tôi hoá đơn. Lúc sắp chia tay, thấy cô dắt kèm theo một thiếu niên, dáng mảnh khảnh, chừng mười lăm mười sáu, nước da rất trắng và có bộ tóc hung. Tôi đoán cậu ta là con Mỹ trước đây. Nhưng đấy không phải là điều đáng nói lại với anh và đáng để chúng ta ghi nhớ.

Điều đáng nhớ, là phút chia tay. Tại sao tôi lại cảm động đến thế khi gặp một người mà thật sự chỉ là "con buôn" (như người ta gọi) và trước đây đã là "me Mỹ" (cũng như người ta gọi)? Giây phút ấy, cô ta ngập ngừng: "Thưa anh, mấy bữa nay anh bán hàng cho em, nhờ đó em nuôi được cháu; nay anh sắp lên đường, và em cũng đã được giấy, mấy tuần nữa xuất cảnh đi Mỹ, em mang cháu tới cám ơn anh!"

Thưa chị, bây giờ đã chín năm qua, tôi là người vui với giấy mực, mượn giấy mực gửi tới chị vài lời, tuy không chắc gì tới nơi: chị sống trong cảnh xã hội có rất nhiều cái khác với xã hội của cụ già bán lá thuốc ở chợ Hôm, Hà Nội. Có lẽ không có gì giống nhau được: cụ già còn để răng đen, còn bỏm bẽm nhai trầu, tóc đã bạc dưới cái khăn chít cũ và mất đã kèm nhèm; mà chị thì . . . tuy vậy, tôi nghĩ còn trẻ, có thể còn đẹp, thân hình lịch thiệp, ăn mặc thời trang. Vậy mà giống nhau! Cụ già còn tin vào Trời, vào Phật, khi ngồi bán bó lá thuốc ế ẩm giữa chợ chiều. Chị còn tin vào lòng người, khi xô bồ sống cảnh bon chen một "con buôn". Bây giờ, chúng ta mỗi người một chân trời: bà lão chắc đã về cõi Phật, Phật chắc cũng mỉm cười, và tôi thầm ước rằng đôi mắt kèm nhèm của cụ cũng cười nheo quạt, tạm vui lòng với cuộc đời chưa chắc đã có gì đầy đủ. Và chị nữa, tôi mong sau nhiều khó khăn, chị bây

giờ đã rời bỏ quê hương; cầu chúc chị không gặp những mùa đông quá lạnh, và đời bớt ngang trái, sóng gió; cầu chúc cháu sống bình an, và đôi lúc còn nhớ về quê mẹ (mười sáu tuổi, như lúc tôi đi khỏi miền Bắc vào Nam, không dễ gì quên). Còn tôi, như con chim trốt đậu "đất lành", thường ngao ngán "đất lành" không là đất tổ, lắm lúc vẫn tự hỏi: không biết mình bán thân hay đã bán cả linh hồn? Và cuộc đời cứ thế trôi, có lúc như buổi chợ chiều, đôi khi như nhà hàng IMEX . . .

Anh chịu khó nghe tôi kể nốt. Hai chuyện trên đây là chuyện tâm tình. Tôi dại dột mang kể cho vài người bạn. Có người nhàm tai, quay lại gắt: "Khổ quá, nói mãi!" Nói mãi, vì cứ thắc mắc, rằng sao "nhân dân" mình anh hùng, mà lãnh đạo lại như thế . . .

Mưa Hà Nội

Mưa Hà Nội, mùa thu, là thứ mưa vừa dai, vừa mạnh, như một thứ bão rớt. Khi anh nhìn ra hiên cửa, bong bóng mưa nhảy nhót trên gạch đỏ thềm nhà, thì đừng hòng mươi phút nữa mưa tạnh. Suốt tối qua, tôi nằm nghe mưa nặng hạt trên mái ngói cũ căn nhà thờ tổ. Không hiểu tiếng mưa, hay tiếng của tiền nhân, khiến tôi từ lâu quen khó ngủ lại càng khó ngủ, nữa là đêm ấy những giọt nặng tuôn qua mái nhà, ồ ồ chảy vào chậu, xoong, chảo, tất cả những đồ gì chứa đựng đều mang ra hứng lấy mưa dột. Đến sáng, khi chiếc chiếu nơi mình nằm ướt đẫm, và chiếc chăn mỏng không còn đủ làm áo mưa nữa, thì tôi đứng dậy. Mưa chảy khắp nơi, nhưng đau khổ hơn cả tôi ngước nhìn dòng mưa khóc trên tấm hoành do chính tay ông tôi gắn trước nhà thờ, có lẽ đã khoảng một thế kỷ *Vạn Cổ Cương Thường*. Ngôi nhà tổ, mấy bữa nay, các anh chị họ tôi, trưởng chi, đã bàn kỹ, dự định bán đi cho ông chủ "số đề" ở choán lấy căn nhà cổ này từ sau ngày Hà Nội giải phóng ít lâu. Bác tôi, đi kháng chiến, trốt để họ ở, lần lần họ ở lấn, mua lấn; đến bây giờ, với tiền chiếu phim "con heo" cho thiên hạ, và tiền thu "số đề", tiền "buôn bán", áp-phe, họ sắp mua lại căn nhà thờ tổ, cổ tự vài trăm năm, phá đi, xây nhà cao tầng, cho thuê đắt giá. Bốn chữ *Vạn Cổ Cương Thường* cứ quay cuồng trong trí tôi. Qua mái nhà, nước mưa cộng với nước trong bể đã tràn và nước ở trước mặt tôi, có cảm tưởng không bao giờ tạnh.

Nhưng này, hôm ấy, đi đường gặp chuyện hay, kể lại với anh, như một trong những kỉ niệm đáng ghi nhớ nhất lần về nước cuối năm 1989.

Thuở bé, tôi đã ở Hà Nội mươi năm, không phải lần đầu gặp mưa lớn, nhưng chưa lần nào mưa lại để nhiều ấn tượng "tai nạn" như lần này. Ngoài đường, không một bóng người, không một chiếc xe. Chín giờ sáng mà tất cả mờ mờ như ngày tận thế. Tôi và anh bạn cố sức đẩy chiếc xe đạp đi. Anh đi lâu ngày rồi, chắc quên phố phường Hà Nội, cái thành phố thân thương ấy, ngày xưa, cứ mỗi lần mưa, trẻ con chúng tôi chạy ra đường nhặt quả bàng rụng, và làm đập chắn ở cống, lừa bắt cá từ sông Hồng trào về đến phố, tha hồ hò reo, lấy cớ trời mưa trốn cả học. Bây giờ, Hà Nội vẫn đẹp, tôi vẫn yêu Hà Nội vô cùng, nhưng người đông và nhà chật hẹp. Rác rưởi đổ đầy hè phố đã lấp kín các lỗ cống khiến nước chảy từ trời đã nhiều, lại không lối thoát, cứ thế ứ lại, rồi tìm mọi lỗ hổng chui đi, ào ào tràn ngập sân nhà, trào vào những căn phòng thấp, đuổi cặp vợ chồng già trèo lên chõng bó gối ngồi chờ, giống như lũ chó mèo chạy lụt lên nhà trên. Nước mưa san bằng hố xí, chuồng lợn với bể nước, sàn bếp . . . Đã thế, mỗi nhà, mạnh ai nấy làm, đào cống, xẻ rãnh ngoài vỉa hè; những khi tạnh trời đã bước cao bước thấp, vấp ngã, lúc ngập lụt như thế này đi ngoài đường, thỉnh thoảng chân sa xuống, bùn cắn chặt lấy dép, rút chân lên thì mất dép, không rút thì đi không được, phải cúi xuống nước, tận vai, lần mò tìm chiếc dép mà, nếu không có, chân sẽ bị cứa bởi vô vàn mảnh sành, mảnh chai vỡ.

Anh bạn tôi và tôi, hai đứa lặng yên, dồn hết sức vào việc nắm chiếc xe đạp, dùng chiếc xe đạp giữ lấy thăng bằng, đi lần từng bước, chân lê trong bùn, nước ngập đến bẹn. Chúng tôi có hẹn với người viện phó một viện "nghiên cứu" ở ngay trước nhà riêng cụ Đỗ Mười. Người ấy sắp đi Pháp, muốn trao đổi thêm và hỏi tình hình. Nói vậy để người Hà Nội biết rằng dây không phải chuyện bịa, nhưng cũng đừng truy lùng những người tôi gặp làm gì, không có điều gì phi pháp cả, chỉ hẹn nhau làm việc, không may gặp ngày mưa lớn, người khác thấy mưa to như thế đã ở lại nhà. Còn tôi, có ở lại dưới ngôi nhà tổ, không chắc nỗi buồn của mưa đã tha cho.

Mười giờ, chúng tôi gần đến nơi, đường phố vẫn vắng tanh, mấy ông bộ đội có bộ áo mưa tốt cắm đầu, ai làm việc nấy, khẩn trương, lạnh lùng, gần chiếc com-măng-ca nước ngập lút bánh. Hai ba anh công an đứng trong chòi

và trên gác nhà ông kia nhìn xuống chúng tôi, chắc không hiểu hai đứa này có việc gì mà bất chấp cả cơn giận của trời, dội mưa lội nước khổ sở như vậy. Bỗng nhiên, cạnh đường, một thiếu niên rẽ nước đi vội ra, đứng trước mặt chúng tôi, miệng ú ớ, hai tay ra hiệu bắt dừng lại. Hai đứa chúng tôi ngơ ngác, chưa hiểu. Người kia nắm lấy tôi, chỉ lên cột điện, rồi chỉ xuống đáy nước. Lúc bấy giờ tôi mới thấy dây điện bị mưa lớn dánh đứt, rơi lòng thòng đúng chỗ chúng tôi sắp qua, và chỗ ấy, anh ạ, người ta vừa dào cái hố sâu. Thế là chúng tôi nhờ vậy mà thoát sa hố và không bị điện giật.

Anh ạ, tôi đã đi hết nửa trái đất, sống quá nửa đời người rồi. Đã về đến đất tổ, đã ngủ dưới mái nhà thân. Đã nốc đầy thịt, rượu, và nâng ly bầu bạn. Mà đi đường, bị cơn hoạn nạn, suýt nguy đến tính mạng lại gặp một người dưng không hề quen biết, chưa hề gặp mặt, chưa mời nhau một điếu thuốc thơm, chưa uống với nhau một chén trà, chưa ngâm với nhau một câu thơ đẹp, chưa nói chuyện trời đất con người với nhau, giữa cơn mưa nặng, người dưng ấy bỗng chạy ra cứu giúp. Mà người dưng ấy câm, không nói được, chỉ biết ú ớ ra hiệu.

Sao đời nhiều oái oăm!

Và "nhân dân" ta như thế đấy. Còn "thiên đường" của ta, vừa mù, vừa câm, trong đó thấy lổm ngổm vô số những nhà ta quen gọi là "trí thức" . . . Đừng bắt tôi kể tiếp.

Tôi cầm đưa anh tập truyện ngắn này của Nguyễn Huy Thiệp, anh sẽ gặp trong ấy một số người khùng khùng, hay có thương tật, thường bị đời bạc dãi, rẻ rúng. Đấy không là những nhân vật tưởng tượng của một xã hội không có thật! Những người ấy đáng yêu, và đáng kính vô cùng, trong đám dã thú, chỉ họ là con tim. Anh sẽ không tin, không hiểu được, nếu Hà Nội không có những ngày mưa dữ dằn như hôm ấy.

Mai đây, gặp những đứa nhai nhải nói nhân nghĩa, tôi sẽ ngửa lên để mưa trào nhiều trên mắt, như hôm ấy, vì không còn đủ gan đập vào mặt chúng nữa . . . □

NHƯ CHI

động

Sáng quét lá sân chùa tĩnh mịch
Lòng bay xa tới những phương trời
Tai bỗng nghe tiếng tim ai đập
Gần tim mình như mới hôm qua
Chiều nhắm mắt đọc kinh sám hối
Ngủ quên
Mơ những chuyện quê nhà
Mơ thấy biển rồi mơ tiếng sóng
Hết thời kinh
Như một đời qua.
Đêm lặng lẽ buồn rơi nước mắt
Biết làm sao tâm tịnh thân yên
Muốn quên hết
Nhưng lòng cứ nhớ
Khắp cửa thiền đâu thiếu trần duyên.

vẫn động

Khi quét lá lá gom thành đống
Khi tụng kinh kinh tụng từng dòng
Phiền não đến
Thì phiền não đến
Bụi hồng bay
Thì mặc bụi hồng
Đêm thiền định thân yên lòng tịnh
Thân chẳng yên
Thì cứ chẳng yên
Tâm không tịnh
Thì tâm cứ động
Có ngại gì
Đôi chút trần duyên.

PHAN NI TẤN (N.D.)

về hướng đông

lần qua cầu khỉ lắc lư
hồn quen rừng rú sặc sừ quá tay
bởi xa Cần Giuộc lâu ngày
đất lề quê thói cũng gầy guộc theo

chèo qua Vàm Cỏ một chèo
ghé ngang Cần Đước anh trèo lên cây
nhà em ở miệt nào đây
bờ lau gió phất bông lay trắng nhờ

ra đứng trước cửa Cần Giờ
nghe trong lịch sử mịt mờ máu xương
rì rào sóng vỗ cát dương
biển già gột rửa vết thương anh hùng

dạp vô Chợ Dinh Gò Công
chợ chiều vắng tợ lòng không người ngồi
nghe con nhạn trắng kêu rồi
gò yên chở cái bồi hồi trở ra.

hoa lavande

Trời mịt mù con nắng. Những gốc cây ven đường chạy ngược về phía sau lưng. Mấy ngôi nhà, vài bó rơm lớn bỏ rải rác trên cánh đồng... Trôi ngược, mất hút. Bất giác nàng liên tưởng đến dòng thời gian, cũng chảy xuôi về một phía. Xuôi dòng, ngược dòng. Dòng đời, dòng nước mắt, hay dòng tóc dòng sông, những dòng luân chuyển hữu thể, vô thể, xuôi dòng, ngược dòng... Khi gió thổi thì dòng tóc chảy rối, khi thủy triều lên, sông nước sẽ ngược dòng. Thời gian có khi cũng chảy ngược, như đời người lắm lúc mông lung. Và nước mắt, ngược xuôi mất hút vào tận những đáy hồn chôn sâu...

Nàng đứng lên, đưa tay tính mở khung cửa sổ, nhưng cánh cửa trì cứng. Người đàn ông đối diện, chồm lên kéo giúp. Ông ta nán thêm giây lâu để đáp lời cám ơn của nàng, rồi lại vội vã trở về với cuốn sách trên tay. Nàng sửa lại thế ngồi. Ngọn gió phất vào từ khung cửa xua đi thoáng khó chịu tạo nên bởi nhịp xe lửa dập dềnh. Nàng nhẹ nhàng nhắm mắt, thả đầu tựa lên thành xe. Mất hút trong đám người vô danh. Thật ra tất cả những khuôn mặt vô danh quanh đây, đều có một tên gọi. Và một đời sống, một quá khứ, một ký ức. Tất cả đều mang theo một cái tên và đều hoàn toàn vô danh. Cũng như nàng. Tên gọi biến mất trước mặt người đàn ông đối diện. Huyên không phải là Huyên, Huyên không là ai cả.

Trời nắng chói chang. Không khí của một buổi trưa mùa hè nghe tan loãng thênh thang. Gió thổi qua từ khung cửa, phần phật trên tóc. Tiếng xe lửa đều đặn, êm ru. Nghe như một khúc nhạc quen, lôi kéo nàng về với cảm giác nào đó rất xưa cũ, ấm áp và dịu dàng, Huyên thả mình trong vùng cảm giác không tên, và bất chợt trong giây phút, tưởng như mình cũng vừa biến mất trong chính mình.

*

Sân ga ồn ào hẳn lên khi chuyến xe lửa đỗ lại bến. Tiếng động trăm thứ, tiếng người nói pha lẫn, khuấy động dữ dội tưởng như trong phút giây có thể

xô đẩy cả trời đất chao theo. Danh đứng yên trước sạp báo và ngước mắt nhìn ra sân ga. Ánh sáng đập xuống nền đất hất lên nguồn ánh sáng chói chang. Danh nhìn chăm chú. Hơi nóng nhập chờn bẻ rung khung cảnh, lay chuyển trên những chấm sắc màu. Thành một bức tranh dở dang, không thật. Từ vùng đất trời không thật đó sẽ bước ra một người con gái, bước đến bên chàng. Danh không bao giờ giải thích được cảm giác trôi nổi kỳ lạ của mình trong những giây phút chờ đợi bấp bênh. Chàng không bao giờ giải thích được trạng thái dị kỳ của mình mỗi khi nhận được lá thư của Huyên. Từ dòng chữ viết mềm mại ngắn ngủi, bắt đầu một cơn mơ. Cơn mơ tình cờ, cơn mơ kéo dài, cơn mơ quẩn quanh trong khung cảnh vẫn bình thường, quen thuộc, nhưng không còn gì mang theo cùng hình sắc cũ. Danh đốt lửa và châm một điếu thuốc. Hồi hộp. Bắt đầu từ tuần trước cầm lá thư Huyên trong tay, tiếp tục với từng ngày chờ đợi, rồi từng giờ chờ đợi, và bây giờ, từng phút, từng giây. Mọi thắc mắc về sự vắng mặt kéo dài của Huyên từ hơn nửa năm nay biến mất. Mọi câu hỏi, mọi nghi vấn, biến mất. Chỉ còn nỗi hồi hộp cho một có, một không, một đến, một không bao giờ. Đời sống mở ra với hai mặt trắng đen, và Danh lao đao với chính mình. Người con gái như cánh chim vô danh. Chàng là kẻ rượt mây, đuổi bóng.

– Anh Danh!

Tiếng gọi làm tim chàng chới với mấy nhịp. Huyên. Đôi bàn chân chói lòa mầu nắng. – Trời ơi Danh! Anh ốm nhom mà đen hủ. Bộ mới đi biển về hả?

Danh thả điếu thuốc xuống chân, dí tắt đầu lửa bằng mũi giày, im lặng tìm lại vẻ mặt trầm tĩnh. Người con gái cuống quít cởi áo choàng thảy lên túi xách, rồi duỗi tay trao tất cả cho chàng.

– Em không đem theo nhiều đồ, anh dọn nhà có nhớ dọn đồ em theo không? Nhà mới rộng không Danh? Làm gì làm, phải để dành cho em một cái tủ đó nha.

Tiếng nói ríu rít như tiếng chim buổi sáng. Danh ngỡ ngàng nghe lại lối nói chuyện trẻ con của Huyên. Thuở đầu mới lạc vào thế giới nội tâm thênh thang trong nàng, giọng trẻ thơ nghe chợt bỗng lạc điệu. Lâu dần chàng biết nét trẻ con đó cũng là một sự thật. Thật như ngày và đêm chỉ là hai trạng thái của một ngày trọn vẹn. Biết như vậy, nhưng rồi Danh vẫn ngỡ ngàng mỗi lúc gặp lại Huyên. Nàng luôn vuột khỏi vùng ý thức của chàng, mỗi giây, mỗi

phút.

– Chớ cái nhà cũ của anh gì mà nhỏ như cái lỗ mũi. Em nhớ hoài hồi anh ôm mền vô bồn tắm ngủ, sáng dậy mặt mày gì y như cái nùi giẻ, thấy mà ghê! Bồn tắm nhà mới anh có lót nệm không vậy Danh?

Nàng bước qua khung cửa, rời sân ga. Danh vội sửa hồn mình vui theo cho kịp với âm vang của tiếng cười nàng thả lại.

– Bồn tắm không lót nệm, nhưng có tới hai phòng ngủ lận, một cho anh, một cho Huyên, chịu chưa?

Rồi chàng lại thêm:

– Cửa sổ phòng Huyên có một chậu hoa gì màu đẹp lắm. Hiện giờ chưa có hoa nhưng có lẽ vài tuần nữa sẽ nở đầy cửa phòng em. Anh nghĩ em sẽ thích. Với lại phòng em có cái này rất lạ, để rồi em coi . . .

Nhưng khi đuổi kịp bước chân nàng, Danh thấy Huyên đã hoàn toàn đổi khác. Nét trẻ con sôi nổi lịm tắt, nàng mỉm miệng cười im lặng. Hơi ngỡ ngàng nhưng đã không còn ngạc nhiên, Danh lẳng lặng bước song song cạnh người con gái. Nghe giữa hàng ngàn tiếng động quanh đây còn có tiếng gót giày của chính mình, gõ câm lặng, mất hút.

*

"Hồi kiếm mua nhà, mỗi khi đi xem một căn anh lại mơ có em bên cạnh để nói anh nghe coi ý em ra sao. Rốt cuộc anh chọn đại. Ở đây anh nghĩ em sẽ thích. Có điều khi mua anh không ngờ là phòng em buổi tối lại có được không khí tuyệt vời như vậy . . . "

Huyên im lặng. Khoanh tay bó gối, nhìn qua khung cửa. Màn đêm bên ngoài chưa dậm, mà hình như trời Paris màu đêm không bao giờ thật sự tối. Nhìn xuống khu vườn cư xá còn có thể thấy ra màu sắc của thảm cỏ, bờ cát, những gốc thông cao, những cụm hoa nở. Bốn phía tường nhà dựng cao, giam hẫn một khoảng trời cho những cánh cửa mở xuống khuôn vườn này. Và xa xa, từ một khung cửa sổ nào đó, vọng ra, dội lại trên những bức tường cao, có tiếng đàn ai tan loãng êm đềm.

– Đêm nào cũng vậy hả anh?

– Gần như là như vậy. Hồi nhận được thư em, anh qua sửa soạn căn phòng này, ngủ ở đây cho có hơi ấm. Bất ngờ nghe được, ngạc nhiên quá.

Môi nàng mím chặt, như một nụ cười cắn nén, một niềm vui không bày tỏ. Bóng đen của nàng xấn trên nền ánh sáng lờ mờ của khung cửa sổ, bờ cổ cao và tóc bới lòa xòa cụm cỏ rớt xanh xao.

– Ai đàn vậy anh?

Danh lắc đầu. Ai? Có thể là anh, là em, cũng có thể là một người nào khác, hỏi làm gì. Huyên nghiêng vai nằm xuống. Một cánh tay đặt trên song cửa, níu nhẹ nhàng mép màn đang bị luồng gió thổi tuột ra ngoài. Danh chợt liên tưởng đến những phấn bụi trắng xóa của tâm tưởng con người. Lớp vải mong manh bay lất phất dịu dàng như một bàn tay vẫy ... Huyên đang ở đâu? Suy nghĩ về những gì? Những lúc như vậy, Huyên có đó mà đồng thời không có đó, sự vắng mặt phân nửa làm Danh băn khoăn. Danh tự hỏi không biết con người có thể có bao nhiêu hiện tại để sống. Thế giới Huyên đâu chỉ có căn phòng này. Nàng còn không biết bao nhiêu cuộc đời khác để đi về, những cuộc đời xa lạ, không hề có sự hiện diện nhỏ nhoi nào của Danh. Danh chợt nghe lòng buồn thật nặng. Chàng im lặng hồi lâu, rồi bất ngờ lên tiếng hỏi:

– Hy khỏe không em?

Huyên chậm rãi nhìn lên. Đôi mắt lẫn trong màu đen của bóng dáng nàng. Danh thấy Huyên khe khẽ gật đầu.

– Bao giờ về lại Limoges em cho anh gởi lời thăm Hy.

Trong một phần ngàn giây đồng hồ, Danh mong chuyện về Limoges sẽ không bao giờ có thật. Nhưng Huyên lại khe khẽ gật đầu. Nàng quay đi, tiếp tục nhìn ra bên ngoài khung cửa sổ.

– Anh Hy cũng có gởi lời thăm anh.

Tiếng Huyên nghe xa có lẽ còn hơn cả tiếng đàn bên ngoài khung cửa. Hy gởi lời thăm anh. Hy đã biết gì về chàng? Đã biết gì về cuộc sống của Huyên ở nơi đây? Không. Phải hỏi ngược lại. Danh đã biết gì về Hy, về cuộc sống của Huyên bên cạnh người con trai đó? Gần như là không biết gì cả. Hy cưu mang Huyên từ ngày Huyên mới đặt chân lên đất này. Hai đứa trẻ đùm bọc nhau sống, lớn lên cùng nhau. Chia sẻ bấy nhiêu năm trời, dĩ nhiên là Hy phải thương Huyên (làm sao có thể không thương Huyên?), và dĩ nhiên là Huyên cũng thương Hy. Nhưng còn Danh, Danh đóng vai trò gì trong tất cả những mảnh đời đã định hướng, đã đầy đủ, đã êm xuôi đó?

Đóng vai trò gì? Ba năm dài, Paris, Limoges, hai căn nhà, hai cuộc đời,

Huyên đi về tới lui như thể chỉ là một. Giờ phút này người con trai không biết mặt đó với một căn nhà trống, đang suy nghĩ những gì? Hy có bao giờ ghen với những kỳ hè Huyên bỏ về Paris sống với chàng? Có bao giờ hỏi gì Huyên về chàng, có bao giờ buồn, có bao giờ lo sợ? Chỉ một nụ cười của Huyên, sẽ chợt thấy mọi ghen tương hờn giận của mình chỉ là thái độ trẻ con vô lý. Ba mươi bảy tuổi đầu Danh còn phải bối rối trước nụ cười đó, huống chi Hy.

Ba mươi bảy tuổi đầu, chàng vẫn còn phải không ngừng chất vấn về cuộc đời Huyên, cuộc đời mình. Ba năm dài quen biết, Danh đã được nghe kể hết về cuộc đời của Huyên, vậy mà rồi cũng giống như là chưa biết được gì cả. Huyên đối với người khác ra sao? Cũng vẫn một cách nói chuyện? Cũng vẫn nụ cười? Ánh mắt? Rồi những lúc yêu thương, có cùng một im lặng, một dịu dàng, ngọt ngào và ẩn nhẫn? Có thể là không. Với Hy, có thể Huyên là một Huyên khác, không phải là Huyên đang ngồi đây, nhìn qua khung cửa nghe tiếng nhạc trầm khuất trong đêm... Có thể là như vậy. Nên Huyên vẫn cần về lại đây, sống trong căn nhà này, cho một cô bé Huyên nào đó sống trọn vẹn, thương yêu chàng trọn vẹn; rồi Huyên vẫn cần trở về Limoges, học hành chuyên cần, chăm sóc Hy chu đáo, thương yêu Hy, cũng trọn vẹn trái tim của một cô bé Huyên khác. Và có thể là trong Huyên có rất nhiều cô bé nữa vẫn còn bơ vơ, vẫn luôn khát khao tình thương, nên Huyên vẫn muốn đời còn phảng phất đâu đó một thiếu thốn, một chờ đợi bất an, bất toàn.

Danh nhìn lại. Dáng người con gái thu tròn nhỏ nhoi trong lớp mền mỏng nhẹ, khuôn mặt lẫn trong màu đêm. Dìu dịu chút ánh sáng bình yên thơ dại. Huyên đã ngủ. Màn im lặng bao la ngự trị, tiếng hát đã nín bặt tự bao giờ. Quanh đây chỉ còn tiếng thở đều đặn nhịp nhàng của Huyên. Danh đứng lên, cúi đầu hôn nhẹ lên mi mắt của nàng. Hơi mát mềm mại của nước rửa mặt lúc nãy còn thoang thoảng mùi hương. Huyên trở mình cuộn rút người sâu hơn vào chăn gối, hơi thở rối nhịp trong giây lát, rồi lại đều đặn, nhẹ nhàng. Danh cười lặng lẽ. Chút trìu mến yêu thương như sông nguồn nước cuộn, chảy dạt dào trên triền đất cát, cuốn phăng đi mọi lo lắng buồn phiền. Khuôn mặt em trong sáng yên lành. Đi vào thế giới trong mơ, không biết đêm nay em sẽ thấy những gì. Danh nhè nhẹ bước ra khỏi phòng, cẩn trọng khép cánh cửa lại phía sau lưng.

Lần đầu tiên kể từ lúc dọn nhà về nơi đây, Danh mới cảm thấy nơi chốn

này mới chính thật là nơi chốn của mình. Thoang thoảng trong không gian còn có mùi hương của hạnh phúc, nồng kín, dịu hiền.

*

– Anh, dậy chưa? Trễ giờ đi làm!

Mái tóc nghiêng bên gối, bàn tay thơm ngát mùi cà phê.

– Em pha cho anh mà làm đổ, anh rửa mặt lẹ đi em nấu lại ấm khác.

Danh xoa đầu bù xù, nhìn lại đồng hồ thấy vừa đúng giờ mọi khi mình rời nhà. Chàng chợt thấy biếng lười, công chuyện chất chồng đang chờ trong sở không hợp với niềm vui của chàng sáng hôm nay.

– Em siêng không? Chạy xuống mua giùm anh ổ bánh mì.

– Trời đất! Giờ này bộ anh còn tính ăn nữa sao?

Nhìn đôi mắt tròn xoe của Huyên, Danh cười nhăn nhó:

– Anh bịnh.

– Bịnh khỉ anh chớ bịnh, dậy nhanh đi, anh làm biếng, hư quá!

– Trễ rồi mà, cho nghỉ một ngày thôi... Huyên bật cười:

– Anh làm như em là má anh hổng bằng. Dám cá hồi nhỏ anh đi học má anh phải vô tận phòng dộng đầu anh dậy mặc áo cho anh, chứ không anh bịnh quanh năm suốt tháng! Thôi dậy, sửa soạn đi làm.

Huyên lăng xăng ra khỏi phòng. Tiếng ly chén khua chạm phía bếp, làm Danh chợt nghe trong lòng mình ấm cúng. Chàng chắt lưỡi đứng lên, nuối tiếc rời phòng.

Mở vòi nước trắng xóa trong tay, Danh nghe tiếng Huyên vọng vào từ phòng ăn:

– Rán siêng chút đi anh, cuối tuần xin nghỉ hai ngày mình đi chơi luôn, nghỉ lễ tẻ làm gì cho uổng.

Dù nghe rất rõ, Danh cũng giả bộ hỏi lần nữa để lại nghe tiếng Huyên trong trẻo vọng lên. Danh thích không khí buổi sáng, nhắc cho Danh nhớ thời ấu thơ. Thật sự như Huyên nói, mẹ chàng hay vào tận phòng lôi đầu thằng con trai làm biếng dậy, tròng áo xỏ quần, nhiều khi thảy lên xe trường rồi mà Danh vẫn còn gật gù ngủ gục. Cho đến mãi sau này Danh mới khám phá ra rằng cái tật đó thật sự không phải vì làm biếng, mà chỉ vì chàng không muốn rời một thói quen thân yêu. Lớn lên sống một mình, chàng luôn thức dậy rất

đúng giờ, đi làm không bao giờ trễ. Vậy mà lúc có Huyên, thói quen cũ bỗng nhiên lại trở về, không sáng nào chàng có thể ra khỏi nhà mà không nhờ Huyên thúc hối.

– Anh!

– Đây đây, xong rồi đây!

Danh bước ra, cài chiếc nút tay cuối cùng, cầm ly cà phê uống vội.

– Em ở nhà ngoan. Tối nhớ đừng có nấu cơm, để anh về sớm mình đi ăn.

Khoác vội áo ngoài, Danh hôn lên trán người con gái rồi cầm cặp bước ra khỏi nhà. Huyên bước theo, dừng lại giấu nửa khuôn mặt bên kia cánh cửa, mắt ngước nhìn chăm chăm cho đến khi chàng khuất sau dãy hành lang. Danh bấm nút thang máy, lẩn thẩn ngạc nhiên không hiểu tại sao có thời chàng lại cho mình là sinh ra chỉ để sống độc thân. Hơn ba mươi tuổi mới gặp em, hơn ba mươi tuổi mới tìm được cuộc đời mình, có trễ lắm không em? Cánh cửa thang máy bật mở trước mặt, chàng trầm ngâm bước tới. Căn phòng có đầy hoa bên cửa sổ, chàng tưởng tượng một buổi sáng Huyên bước vào, âu yếm lôi đầu một thằng bé con dậy, giọng nói êm như hát, bàn tay mát như tiên, kéo con vào phòng tắm xối nước rửa mặt... Hạnh phúc chỉ có thể là đây, hạnh phúc không sao khác hơn được.

*

– Thiệt ra thì anh cũng không cần, em hiểu không? Những điều làm buồn lòng nói ra chẳng được gì. Anh quen rồi. Bây giờ chuyện gì im lặng sống được thì cứ sống. Nói nhiều mệt lắm em ơi.

Huyên mỉm cười dạo bước cùng chàng trên con đường vắng dành cho khách bộ hành. Hai hàng cây lá xanh rợp kín con đường. Bụi nước tưới cây mùa hè mát rượi từng ngụm dưỡng khí; tiếng vòi nước phun trên những bụi hoa nghe thong thả, êm đềm. Danh ngẩng đầu nhìn bâng quơ lên tàn cây lấp lánh ánh nắng.

– Từ xưa đến nay anh vẫn mong mình sống sao cho có ích. Nhưng hình như anh đã sống rất phí, em biết không? Bây giờ già đầu rồi, mà vẫn chưa làm được gì nên sự.

– Làm nên sự, nghĩa là sao hả anh?

– Anh không biết. Có thể là theo trọn vẹn được một mục đích, một lý tưởng

nào đó mà mình đã chọn lựa. Dù sao cuộc sống nào cũng phải có mục đích mới có ý nghĩa chứ, em thấy không?

Huyên rúc đầu vào cánh tay chàng, khịt mũi cười khì. Danh chưa kịp ngạc nhiên với phản ứng kỳ lạ của Huyên thì Huyên đã níu chàng đứng lại. Đưa một ngón tay, nàng chỉ khóm *lavande* đang trổ hoa tím ngát.

– Mục đích sống của cái này là gì?

Câu hỏi bất ngờ làm Danh không kịp phản ứng. Huyên hất hất bàn tay, nóng nảy như có một khám phá gì vui muốn san sẻ vội vàng.

– Anh . . . không biết.

– Thì đoán đại đi.

Đôi mắt trẻ con tinh nghịch của Huyên khiến Danh chợt buồn cười.

– Rủi anh nói đúng, em bảo sai, làm sao anh cãi?

– Thì khỏi cãi, em nói sai là sai thiệt chớ còn cãi cái gì nữa!

Danh im lặng.

– Anh dở quá, dễ ợt mà không biết.

Danh vẫn im lặng. Mắt Huyên long lanh, vương nguồn ánh sáng lạ.

– Không có mục đích gì hết. Khóm hoa này chả có mục đích gì hết trơn!

Danh bật cười:

– Tưởng gì...

– Chớ sao. Cây mọc, hưởng khí trời, hứng ánh sáng, rồi mùa hè hoa nở tím đầy, thơm ngát, có mục đích gì đâu mà cuộc sống cũng đâu phải là vô nghĩa? Dĩ nhiên con người thì không vậy được, con người phải hơn hoa cỏ, con người sống phải có mục đích, phải có lý tưởng . . .

Huyên hất mái tóc với bộ điệu trẻ con. Rồi bất chợt thở dài:

– Anh sống khổ quá đi. Em nghĩ là anh có thể sống thoải mái hơn vậy nhiều. Cứ sống theo như cây cỏ, không hẳn là sống vô ích, vô tình đâu anh. Đồng ý là cây cỏ có phận cây, con người có phận người, nhưng anh thì anh theo quá sát cái phận làm người, nên chi anh khổ.

Giọng nói rớt xuống, nhẹ và êm. Danh nghe lạnh trong người. Tự dưng mà hiểu ra, quá rõ, tại sao mình lại luôn cần có Huyên bên cạnh. Những gì Huyên nói, chàng không cần phải hiểu hết nội dung. Nghiêm trọng, hay cợt đùa, cao siêu hay trẻ nít, nội dung không quan trọng, ý tưởng để xét sau, chỉ cần giọng nói, giọng nói thanh thản êm đềm vượt lên trên mọi ngôn từ, mọi

lý luận, luôn tạo trong chàng một cảm giác bình yên khó tả.

Và rồi luôn luôn, trong cảm giác bình yên đó, chàng còn thấy ra đôi chút nuối tiếc, buồn nhẹ nhàng mơ hồ như không.

– Anh biết đương nhiên hết mùa hè hoa sẽ không còn tím nữa. Chỉ có điều cây vẫn còn gốc, hoa năm sau sẽ vẫn lại tím nơi đây. Nhưng còn em, em trôi giạt không cùng. Rồi anh biết đợi em nơi đâu?

*

Đợi ở đâu? Không ở đâu cả. Cơn đau lướt êm trong tâm như lưỡi dao mổ, xẻ ngọt trên da thịt, mát lạnh chưa kịp nghe nhức buốt. Đợi ở đâu? Đợi ai? Đợi gì? Huyên liên tưởng đến khuôn mặt lo lắng của Hy khi phụ nàng xếp hành lý chuẩn bị về Paris. Nàng liên tưởng đến đôi mắt phiền muộn của Danh khi nàng xếp hành lý chuẩn bị về Limoges. Nàng liên tưởng đến từng nếp nhăn, từng vùng im lặng, từng khối yêu thương không đắp đổi, không đền bù. Mọi thứ cân nhắc chỉ là dư thừa, không có gì là hơn, là kém. Từ tiềm thức trẻ nhỏ bơ vơ của những ngày đầu đặt chân lên đất lạ, có sự hiện diện của Hy như chiếc phao cứu tinh duy nhất. Bây giờ nàng đã trưởng thành hơn trăm ngàn lần, Hy không còn biết lối chở che, bảo bọc cho nàng. Có Danh là trái tim chọn lựa, chân thật, duy nhất; nhưng Hy vẫn điềm nhiên chiếm giữ vùng tiềm thức, và rồi trái tim, dù sao, vẫn dịu dàng chấp nhận, nhượng bộ.

Có gì sẽ không bao giờ đến trong cuộc đời người? Huyên biết Danh đã không còn trẻ để chơi giỡn với cuộc đời cùng nàng. Danh không còn trẻ. Mười lăm tuổi cách ngăn là một khoảng cách quá gần, mà cũng quá xa; đứng ở hai bờ cuộc sống mà trông ngóng nhau là điều quá tuyệt vọng. Phải chăng đã đến lúc phải chọn lựa giữa những điều không thể chọn lựa? Huyên mơ hồ nghe nuối tiếc, là mình đã không biết sống sát theo phận con người, để có thể ngây thơ tin rằng cuộc sống chỉ là bổn phận, và mục đích.

Huyên nhắm mắt, mỉm một nụ cười buồn. Thấy mình đang bước từng bước chậm, đưa tay khép đóng từng khung trời yêu thương hạnh phúc. Màu nắng sắp phai, một buổi chiều đang xuống. Có đôi chút mệt mỏi, bình yên. Có nỗi trầm tư, tịch mịch, và – có thể – có chút buồn loang nhẹ, như cơn gió thổi cuối ngày. Bất giác nàng mở mắt nhìn ra khung cửa rộng, cất tiếng hát góp vào đêm đôi chút hơi thở của riêng mình.

*

Lớp màn cửa trắng xóa lay động không ngừng, phất vào giữa căn phòng đầy những bóng đen mịt mờ huyễn hoặc. Huyên ngồi đó như hôm qua, hôm kia nàng vẫn ngồi. Bóng đen xắn lên nền khung cửa, và xóa nhạt ranh giới giữa bóng tối và ánh sáng. Nhưng hôm nay, trong dáng ngồi của nàng còn có thêm chút gì quá cô đơn, khiến Danh chợt ngập ngừng. Chàng đứng trước cánh cửa mở thật lâu, nhìn chăm chú bóng đen bất động của Huyên trước khung cửa. Rồi chợt thấy hai vai nàng rút cao như để mở rộng thêm lồng phổi. Với mảnh tâm tình ẩn hiện như mây bay tự do, tiếng hát em chợt bay lên, bao la, ray rứt những nguồn sầu.

Người tìm đến, với bước chân âm thầm mùa hạ. Từng cơn mưa trút lá, và dòng sông cuốn đi... Tay hư vô đốt nến chiều chơi vơi lên cao, rồi dòng sông cũng mang theo tên người vào huyền thoại...

Danh giật mình, xoay tay đóng nhẹ cánh cửa. Như không dám quấy rộn lâu hơn một thế giới không phải của mình.

Tay hư vô đốt nến chiều qua trường mây sầu, rồi tình yêu cũng qua mau, chia người một bãi sầu . . .

Chàng tắt ngọn đèn hành lang, và chậm rãi bước xuống bếp. Bóng tối nơi đây hoen mờ trắng xóa. Chàng kéo ghế trước bàn ăn, ngồi xuống, chống một tay đỡ mái tóc.

Giọt nước mắt rớt bất ngờ, đập vỡ trên mặt bàn. Tiếng hát Huyên vẫn vang vang vọng lại, như dịu dàng theo đuổi . . .

Người về nhớ vết tích xưa xa mù, ngàn trùng, dòng sông đêm thắp nến, mặt trời quên dấu chân chim . . . Ôi hư vô phong kín tuổi thơ ngây mong manh, rồi dòng sông cũng miên man, phiên sầu là tháng ngày . . .

Danh chợt nghe trong tâm rạn vỡ, sụp đổ, hàng vạn mảnh quá khứ, tương lai tự nhiên tan nát. Huyên, Huyên ơi! Em có chắc là em được hạnh phúc? Em có chắc là em không đang đau khổ? Bao nhiêu tháng ngày anh sống và bước trong giấc mộng tình cờ, tưởng đâu đã có được một cuộc đời, một yêu thương, một hạnh phúc. Nhưng, Huyên ơi, ba mươi bảy tuổi, quá già để theo kịp những vui tươi thơ dại của nụ cười em, lại quá non trẻ để có thể hiểu những nẻo hư vô rộng lớn trong hồn em; anh tìm ra kho tàng của cuộc sống,

rồi không giữ được. Có phải tại vì, như em nói, anh đã theo quá sát cái phận làm người, nghĩa là ích kỷ độc đoán cần giữ em luôn luôn ở bên cạnh bên mình, có phải vì vậy, cho nên muôn đời anh phải khổ vì thiếu em?

*

Tiếng gõ cửa mấy nhịp đều đặn, rồi tiếng lục đục nho nhỏ dưới khe cửa. Danh uể oải xỏ đôi dép bước ra khỏi phòng. Từ lúc Huyên về rồi, những thứ bẩy chủ nhật hóa lê thê không biết làm gì cho hết ngày giờ. Hôm nay lại thứ bẩy. Danh ra lượm đống thư từ bà gác-dan vừa mới nhét vào khe cửa, rồi vào bếp lục nồi nấu nước uống cà phê. Không có gì đặc biệt. Huyên đi rồi, cuộc sống trở lại với nhịp điệu bình thường. Vẫn vậy. Chờ đợi lần gặp gỡ sắp tới. Hôm nọ có hẹn với một vài người bạn để tiếp tục bàn về một dự tính của một số hoạt động văn nghệ, nhưng Danh không còn thấy hăng hái. Danh đã hăng hái suốt một tuổi trẻ, bỏ quá thừa tâm sức cho những chuyện phù phiếm không kết quả. Bây giờ có người trách Danh sao chủ nghĩa cá nhân, đời sống làm cùn lụt đi tấm lòng cuồng nhiệt của ngày xưa mất rồi. Danh chỉ cười. Mục đích của hoa này là gì? Chàng vẫn còn nghe tiếng Huyên nhỏ nhẹ bên tai. Lạ quá. Huyên đi đã hai tuần, mà Danh thấy như nàng vẫn còn ở đâu đây, rất gần, rất gần.

Danh khuấy ly cà phê bốc khói, rồi đưa tay soạn mớ thư từ. Chợt chàng khựng ngạc nhiên trước một phong thư dày, dòng chữ đề tên và địa chỉ của chàng thật lạ, lại không thấy ghi tên người gửi. Danh ngạc nhiên mở ra đọc.

Chợt run run mặt đất dưới chân như sụp đổ, bóng tối nối dài trong mệt mỏi mông mênh.

Limoges, ngày . . . tháng . . . năm . . .

Thưa anh,

Tôi là Hy. Không muốn làm phiền anh nhiều, nhưng tôi hơi lo vì Huyên về trễ hơn ngày đã định hơi lâu. Chắc Huyên nán lại Paris lâu hơn dự tính mà quên không cho tôi hay. Tôi gửi kèm theo đây một số thư từ mà tôi nghĩ rằng Huyên cần phải trả lời gấp. Anh nhắn lại với Huyên luôn thể, những cái hẹn phỏng vấn xin việc, nếu Huyên không về kịp, thì để tôi khước hẹn, không thành vấn đề.

Chỉ xin Huyên cho biết tin tức sớm. Nhà đã bắt điện thoại, nếu khi đi Huyên

quên không mang số mới theo, thì xin phiền anh chuyển lại cho Huyên giùm.

Cuối cho tôi xin gửi anh vài lời . . .

Xin lỗi là đã. . .

Mong anh . . .

Nay kính,

Chữ ký,

Số điện thoại . . .

Những trang thư gửi kèm theo, những dòng chữ viết, những trang giấy tờ đánh máy, nhạt nhòa, thả rơi xuống mặt bàn lòa xòa những tiếng động khô khan . . .

Như tiếng cánh vỗ một đàn chim bay lên, rồi mất hút trong tịch lặng.

Danh bần thần bước trở vào căn phòng của Huyên. Quyết định cuộc đời chàng mà Huyên vẫn không một lời giải thích. Có thể vẫn không một lý do nào chính đáng cả. Mở cánh cửa ra, chàng choáng ngợp với kỷ niệm còn đây. Hoa vẫn nở hồng, màn cửa vẫn trắng, tủ trang điểm của Huyên vẫn còn để lại những hộp phấn lọ kem thơm ngát. Đêm nay nếu anh ngủ trong phòng này, có lẽ sẽ tìm lại được chút hơi ấm nào của em, hay đã tản mát, đã tan bay? *Chân qua đây sương khói đường hư vô trên tay, rồi dòng sông cũng xa khơi, chia người một bãi sầu...*

Thêm một lần Danh tự hỏi không biết ở đâu đó hiện giờ, Huyên có đang thật sự bình yên và hạnh phúc... □

TRÚC CHI

thăm huế

Bến xưa đêm trọ thuyền chài
Một vò rượu ấm nửa hồi chuông xa
Giọt sương rung ánh trăng tà
Mang mang sông trải giữ tà áo em

YEVGENY YEVTUSHENKO

kịch một vai cho con người ngày mai

Adam và Eva không phải là những đảng viên,
và điều này tất cả loài người đều nhớ,
Một Noah không đảng đã tạo ra thuyền,
và một địa cầu không đảng đã được sinh thành trong bóng tối.

Loài quỉ với cái nhìn gớm ghiếc
khẩu vị tồi tệ của nó đã đặt ra đảng phái nơi đây.
Chính trị định vị bên trong quả táo
sâu và rắn – cặp đôi của Quỉ,
ngấu nghiến ăn đến tận lõi trái cây
để lại nhiều ruỗng nát cho con người hơn trước

Chính trị đã đẻ ra cảnh sát
và vũ khí được bọc trong những diễn văn hòa bình.
Chiến tranh giai cấp được thắp lên từ một mẩu thuốc lá ngoài đường
Và con người bị rẽ chia ngu xuẩn thành đảng phái.

Nhưng đâu là đảng của những giọt lệ chúng ta,
của nỗi đau góa phụ và lòng hoảng sợ trẻ con?
Nhưng đâu là đảng những đôi mắt đỏ của tro tàn,
của Auschwitz, Mỹ Lai và Gulag?

Ngày nào đó cháu chắt chúng ta sẽ được nhìn thấy
một thế giới không biên cương, không giả mạo,
nơi tất cả đảng phái đã qua đi mãi mãi
đổ sụp như thành Babylon cổ xưa,
nơi tất cả chúng ta đều cùng một đảng, một phe
cái phe đảng có tên gọi giản đơn là nhân loại.

– **Phạm Việt Cường** dịch

Lời người dịch: Tháng ba vừa qua, nhà thơ Nga Yevtushenko sang Mỹ để cho trình chiếu cuốn phim Tang lễ Stalin của ông ở Los Angeles. Vào dịp này, ông đã cho đăng bài thơ trên đây trên tờ Los Angeles Times số ngày 15-3-92. Bài thơ này đã được tác giả viết ra cách đây 22 năm, và chỉ mới xuất hiện ở Nga năm ngoái. Bản Việt ngữ dựa trên bản dịch Anh ngữ của Albert C. Todd và tác giả.

tay với trăm năm

Trong gần hai tuần lễ lưu lại ở Venice, tôi đã ghé qua cửa tiệm bán búp bê và mặt nạ hóa trang của ông cụ Francesco ít ra là một chục lần. Cái tiệm bé xíu gồm hai tầng lầu, phía trên làm nhà cho ông cụ, phía dưới làm chỗ trưng bày và làm nhà cho búp bê. Mùa hè vừa qua, lần đầu tiên dẫn đầu một phái đoàn du khách nói cười ồn ào đi ngang qua cửa tiệm, tôi đã phải tò mò dừng chân đứng lại vì những mặt nạ hóa trang đủ màu sắc, được ông cụ treo hàng loạt sau khung cửa kính trong suốt. Những khuôn mặt ngọc trai diễm lệ ấy cứ chăm chăm giương những cặp mắt sâu không đáy ra mà soi thẳng vào tôi.

Trời Venice mùa này êm ả lắm, đã bắt đầu hơi có sương trắng vào buổi sáng tinh mơ và sương mù vào buổi khuya tĩnh mịch. Mùa lạnh bắt đầu nên khách du lịch đã bỏ Venice mà trở về đất liền hết rồi. Không gian và thời gian ở đây như ngừng lại, rơi chậm chạp giống một chiếc lá vàng thu. Trong cái khung cảnh êm vắng đó, giữa những vạt sương lãng đãng, trên những con đường hẻm lót đá ngoằn ngoèo cũ kỹ, tôi đã tìm thấy căn nhà của những nàng búp bê nằm thu mình đối diện một chiếc cầu nhỏ bắc ngang lòng nước. Như một sự khám phá bất ngờ. Ở một góc phố phía sau lưng Piazza San Marco. Yên, khuất. Im lìm như thế mà trông lại tươi vui, mời mọc đến lạ kỳ.

Không phải là mùa du lịch nên Venice đìu hiu vô cùng nhưng, chính cái khung cảnh đìu hiu này lại là điều mơ ước của tôi nên tôi đã thu xếp, chuẩn bị cho chuyến đi từ khá lâu rồi, đến nay mới thực hiện được. Với tôi, trong hoàn cảnh hiện tại, đi tìm sự đìu hiu lặng lẽ là để trốn tránh những sóng gió đang dồn dập bủa quanh. Ở Hoa Kỳ, tôi bắt đầu theo ngành hướng dẫn du lịch cũng được hơn một năm nay, đã học thêm các thứ tiếng Pháp, Đức, Ý,

đã đi khắp cùng các xứ Âu châu, và đã từng đặt chân lên cái thành phố xây trên nước này nhiều lần vào mùa hè náo nhiệt. Nhưng, trở lại Venice lần này, tôi nhìn thấy ra được sự quạnh quẽ, đìu hiu cùng khắp. Buồn bã nhất có lẽ chính là những chiếc thuyền *gondola* nằm ngay ngắn xếp hàng trên mặt nước, như một đoàn quân an phận đến tuổi về hưu. Hàng quán mở cửa rất thưa thớt. Đôi lúc chủ nhân đóng cửa suốt cả mùa đông, trốn về đất liền để tránh cái lạnh lẽo u tịch nơi đây. Qua đến mùa xuân, họ lại lục tục khăn gói trở về cùng với một số du khách và nhân viên mới từ đất liền đến tìm việc cho mùa hè. Những công viên lót đá vắng hoe, không còn bóng dáng của hàng hàng lớp lớp những gia đình bồ câu thơ thẩn đi lại ríu rít, hay chao lượn đón bắt những hạt ngô vàng ngậy vừa được du khách tung lên cao. Những cột đèn đứng chơ vơ bên cạnh những cánh cửa sổ khép kín. Những chú mèo con hay nằm hong nắng trên thành cửa đến nay cũng biến mất không để lại chút dấu vết nào.

Vậy mà, căn nhà của những nàng búp bê của ông lão Francesco tính tình vui vẻ thì lại luôn luôn mở cửa để chào đón mọi người. Ánh đèn sáng và tươi. Màu sắc chan hòa, lóng lánh. Từ bên ngoài trời lạnh lẽo bước vào, người ta mới thấy bên trong nhà ấm cúng, và sống động làm sao. Tiếng nhạc từ những cô hàng *music box dancers* lúc nào cũng thánh thót . . . thánh thót . . . Chung quanh đó là những nàng búp bê với những khuôn mặt thanh tú bằng sứ, trắng muốt như búp lan, ăn mặc áo quần rực rỡ, giơ tay giơ chân như đang muốn làm những cử động múa nhảy mềm mại nhịp nhàng. Rồi đến cả những chiếc mặt nạ hóa trang bằng sứ, cũng trắng muốt liêu trai, được trang điểm rực rỡ không kém – đủ kiểu, đủ hình dạng, đủ thời trang – được treo khắp nơi trên tường. Những khuôn mặt hóa trang xa lạ, dị thường, vậy mà lại quyến rũ, kiêu kỳ xiết bao. Trong căn nhà xinh xắn của những nàng búp bê đó, 46 năm qua, ông cụ Francesco đã sống và làm việc như một người nghệ sĩ tạo hình tài ba. Ông chính là tác giả của những nàng búp bê và mặt nạ hóa trang đẹp tuyệt vời đang chung sống cùng ông. Ông đã tâm sự rằng, suốt 36 năm, ông chưa một lần bước chân xuống thuyền ra khỏi Venice, có cần mua bán gì ở đất liền thì đã có Antonio, người em họ của ông mua hộ, và căn nhà búp bê của ông cũng chưa hề đóng cửa một ngày nào vì bất cứ một lí do gì. Tôi đã lấy làm lạ về điều này vì không lẽ trong suốt 46 năm trời, ông cụ chưa đau ốm một ngày

nào hay sao. Tôi nói điều mình thắc mắc cho ông cụ nghe và hỏi thăm về sức khoẻ của ông cụ. Ông cụ nhẹ nhàng lắc đầu, mỉm cười như giễu cợt rồi nói:

– Đã nhiều người hỏi tôi như ông. Nhưng, ông bạn trẻ thân mến ơi, hình như tôi không hề biết đau ốm là gì cả, vì tôi đau những cơn đau nặng hơn như thế nhiều. Ông nhìn thấy tôi khỏe mạnh, tươi cười, yêu đời như thế này, nhưng thật ra, tôi đang đau . . . đau lắm.

Chẳng biết đó là câu nói đùa hay nói thật nhưng giọng nói run rẩy ấy, ánh mắt mơ màng như đang sống trong một thế giới tách biệt ấy, đã làm cho tôi bàng hoàng. Tôi cảm thấy cơn đau của ông cụ như đang thấm lan sang tôi mà không thể đoán được vì sao. Rồi chúng tôi trở nên thân thiết với nhau chỉ sau một câu chuyện thăm hỏi vu vơ như trên, thế mới lạ lùng. Từ sau hôm đó trở đi, mỗi sáng, thay vì đi xuống quán Café Florian ngay bên kia phòng trọ, tôi khoác một chiếc áo nỉ ngắn, dầy và ấm, ghé tiệm bánh của một người đàn bà Ý béo trục béo tròn tên Bianca, mua hai chiếc bánh thơm lừng, nóng sốt, rồi thả bộ loanh quanh trên những con đường hẻm yên vắng, băng qua vô số những chiếc cầu bắc ngang lòng nước, để tìm đến căn nhà búp bê của cụ Francesco. Chúng tôi uống *Expresso* do ông cụ pha chế, ăn sáng và chuyện trò.

Tôi mừng rỡ vô cùng vì đã "bắt" được một nhân vật đặc biệt thật đúng lúc, để cho có bạn hàn huyên. Sự im lắng của cái thành phố gần như không còn sự sống vào mùa này làm cho tôi bắt đầu hơi . . . nghẹt thở. Và trong niềm cô đơn khắc khoải tận cùng của Venice, tôi tìm ra ông cụ như bước chân vào được một tòa lâu đài kiên cố, bên trong chứa đựng toàn những câu chuyện cổ tích của một thời đại thần tiên xa xưa.

Trong tòa lâu đài sâu kín đó, tôi đã nghe thấy được tiếng thì thầm kể chuyện vẳng ra từ những vách đá rêu phong. Đều đều, ngân nga, như một cung đàn chưa muốn dứt.

*

Này ông bạn trẻ thân mến của tôi, nếu ông có dịp gặp nàng thì ông sẽ hiểu vì sao . . . ông Vĩnh ơi, hãy cứ tưởng tượng đi. Đôi mắt nâu hạt dẻ to tròn ấy. Suối tóc nâu óng ả và cánh môi hồng phơn phớt ấy. Cái nốt son bên má trái như một lúm đồng tiền xinh xắn. Tiếng hát trong vắt thủy tinh và tấm lòng đa

sầu đa cảm. Ôi, nàng chính là một thiên thần tuyệt mỹ, lạc xuống cõi trần để làm bạn với tôi. Chúng tôi đã trải qua chuỗi ngày thơ ấu và niên thiếu bên nhau, trên cái thành phố dập dìu bóng nước này. Ngôi nhà của nàng, nếu ông có dịp đi ngang qua, ở số 4351 đường Calle Fuseri đấy. Căn nhà đã được cắm bảng cho thuê trong những ngày gia đình nàng chuẩn bị rời khỏi đây. Ông đi qua thì sẽ thấy, bây giờ nó là một căn nhà bỏ hoang mục nát, cửa đóng then cài im lìm hơn mười mấy năm rồi, từ sau ngày người ở trọ cuối cùng cũng bỏ ra đi. Tôi chờ mãi, chờ mãi, mà chẳng thấy ai trong gia đình nàng trở về để lấy lại chủ quyền căn nhà, sửa sang hoặc bán lại. Ông xem, vậy mà trong căn nhà đó, khi xưa, lúc nào đèn nến cũng sáng choang, tiếng đàn dương cầm du dương réo rắt, tiếng nàng tập hát với thầy Corelli như tiếng chim hót trong trẻo, tươi vui. Tôi đã từng học hát với thầy Corelli trong căn phòng khách lịch sự ấy cùng nàng trong một thời gian ngắn ngủi. Sau cùng, tôi bỏ học và tự học hát rồi học thêm đàn *accordion* một mình. Tại sao à? Tại tôi không hợp tính với ông Corelli, thế thôi. ông ta nghiêm khắc, cứng cỏi lắm, mà tính tôi thì lại hay dùa bỡn, tinh nghịch, không thích bị bắt vào khuôn vào phép đâu. Tôi không muốn cứ bị ông ta la rầy, quở trách trước mặt nàng nên tôi nhất quyết xin cha mẹ cho nghỉ học với ông. Cha mẹ chúng tôi là bạn chí thân với nhau và chúng tôi đã cùng nhau lớn lên giữa tình yêu thương, dùm bọc của cả hai gia đình. Chúng tôi đều là con một đấy, ông có biết không, nên chúng tôi được cưng chìu ghê gớm lắm.

Ông hỏi gì? À, tên của nàng ư? Tôi chưa cho ông biết sao? Tên của nàng . . . Natalia của tôi . . . ông nói sao? Đúng rồi. Ông có óc nhận xét hay đấy, ông bạn trẻ. Cái nốt son như một lúm đồng tiền bên má trái ấy là của Natalia mà, làm sao lầm được, phải không? Thế cho nên tôi mới đặt tên cho con búp bê này là Natalina, nghĩa là một "Natalia bé nhỏ". Ông nhìn xem, khi tôi có ý định tạc hình búp bê Natalina . . . tôi đã tạc hình nàng. Chiếc áo màu hồng tươi của búp bê cũng có đính những hạt kim tuyến màu bạc hình ngôi sao phía trên ngực, cũng lóng lánh giống chiếc áo mà Natalia đã mặc vào buổi chiều nàng rời Venice. Không, tôi không bán con búp bê Natalina này đâu. Không bao giờ. Tôi để bày nó ở đây là để có dịp trò chuyện với nó hằng ngày, tưởng tượng như tôi đang trò chuyện với Natalia của tôi. Tôi sẽ âu yếm trao tặng nàng con búp bê Natalina này khi nàng trở lại. Nếu ông thích thì hãy

xem và lựa những con búp bê khác đi. Mỗi con búp bê đều được tôi đặt cho một cái tên riêng. Đây là Daniela, rồi Sophia, Anna. Đây là Isabella. Đây là Pierrot, mặc áo *domino* bằng nhung tím có sọc xanh đỏ, đội mũ và mang giầy vớ màu tím. Tôi bắt chước tạo hình của Pierrot theo người mẫu trong những bức tranh của nhà danh họa Ý tên là Tiepolo hồi thế kỷ thứ 18, chắc ông biết chứ gì. Búp bê Pierrot hơi đắt hơn các búp bê thường một chút nhưng bán chạy lắm đấy. Còn đây là Gabriella, Luisa, Angela . . . Thiếu gì. Ông cứ tha hồ xem. Tôi đã từng được trao nhiều giải thưởng xuất sắc dành riêng cho nghệ thuật sáng tạo búp bê và mặt nạ hóa trang rồi nhưng, thật ra, tất cả những điều đó chẳng có nghĩa lý gì với tôi cả, ông ơi. Thì ông cứ xem đi, rồi lựa lấy một vài cô nàng búp bê đem về làm quà cho bạn gái của ông. Sao, ông nói sao tôi nghe không rõ? ông không có bạn gái ư? Sao lại thế? Thế ư. Thế thì buồn quá nhỉ. Tôi chúc ông may mắn và sẽ tìm được hạnh phúc với một người bạn chân tình khác trong tương lai. Ông cười cái gì vậy? Ông chỉ nói dùa. Tôi già rồi. Ông thì hãy còn quá trẻ. Tôi lựa chọn để được sống trong kỷ niệm và chờ ngày Natalia trở lại thì hãy cứ để mặc tôi. Ông nói sao? Ông bảo là bây giờ chắc nàng đã già, đã lấy chồng, có con đàn cháu đống rồi à? Ồ, thì . . . ông muốn nghĩ sao cũng được nhưng, ông không thể . . . biết Natalia như tôi biết nàng đâu. Cứ để mặc tôi! Này, hay là ông có rộng rãi thời giờ thì hãy ở lại đây cho đến tháng hai đi; hằng năm ở đây có tổ chức *Carnival* trong hai tuần lễ, chắc ông biết rồi. Hội hoa đăng và hóa trang ấy mà. Vui nhộn và đẹp mắt lắm, thiếu gì tài tử giai nhân từ khắp nơi đổ về tham dự. Biết đâu chừng tôi lại kiếm được một cô bé người Ý dễ thương và chung tình để giới thiệu cho ông. Ông nghĩ sao, ông bạn trẻ thân mến? Ô hay, ông Vĩnh, tại sao ông lại cười to tiếng như thế kia?

*

Lẽ dĩ nhiên tôi không thể ở nán lại cho đến tháng hai để tham dự *Carnival* như ông cụ Francesco đã dụ dỗ. Tôi xin nghỉ có hơn hai tuần nên phải trở về lại Hoa Kỳ để chuẩn bị cho chuyến đi qua Hoftgarten bên xứ Áo cùng với đám khách du lịch túi rủng rỉnh tiền và ham trượt tuyết của hãng tôi. Vào một buổi chiều, hai hôm trước ngày tôi trở lại đất liền để bay về Chicago, đang thơ thẩn trên cầu Rialto, ngắm nhìn con nước Canal Grande lững lờ thì

tôi bắt gặp một người mặc áo nỉ dài và đen. Người ấy bắt hai tay lại làm loa gọi tên tôi và, từ dưới chân cầu, người ấy hớt hải đi như muốn chạy về phía tôi. Hoá ra là ông cụ Franccsco. Tôi đi trở lại về phía ông cụ. Vừa bắt tay chào ông cụ, tôi vừa ngạc nhiên nhìn hai vành tai ửng lên đỏ hồng dưới mái tóc bạc loà xoà trước trán.

– Cụ đi đâu đây? Cụ đóng cửa tiệm rồi sao?

– Vâng, vâng . . . đóng rồi. Tôi đi tìm ông nãy giờ, biết thế nào chiều chiều ông cũng ra đây. Này, ông Vĩnh, tối nay . . . ông có rảnh không? Tôi chắc là ông rảnh. Thế này, tối nay, tôi mời ông đi ăn tối, để tiễn ông hai hôm nữa lên đường, rồi sau đó, chúng ta đi dạo nước bằng *gondola* nhé.

– Dạo nước bằng *gondola*? Mùa này, mấy anh chèo thuyền lẫn chủ thuyền đều đóng cửa nằm khoèo ở nhà hú hí với vợ con hết rồi, có ai làm việc đâu mà cụ bảo là đi *gondola* cơ chứ.

– Ông không phải lo. Cứ để mặc tôi. Nhưng ông nhận lời chứ?

Lẽ dĩ nhiên là tôi nhận lời, vui vẻ nhận lời.

Buổi ăn tối và đi dạo trên nước với ông cụ Francesco trở thành một kỷ niệm tuyệt vời mà tôi sẽ không bao giờ quên. Một già, một trẻ. Một ông lão người Ý với một con tim không có tuổi, nồng nàn, say đắm và, tôi – một người đàn ông Việt ngoài ba mươi với một cuộc sống phiêu lưu mạo hiểm bên cạnh một con tim đã có nhiều phần . . . mệt mỏi già nua! Tôi đã nói với ông lão, rằng có lẽ kiếp trước, chúng tôi đã gặp nhau và đã có duyên nợ gì đó với nhau rồi. Chắc cụ đã từng là một thương gia ở Venice, lặn lội qua xứ tôi để buôn gỗ trầm ấy mà. Ông lão cười thích thú. Nụ cười hồn nhiên của một đứa bé con.

Chúng tôi rời khỏi tiệm ăn La Spirale vào quãng 9 giờ tối và thả bộ về căn nhà búp bê của ông cụ. Có một anh thanh niên rất trẻ tuổi mà ông cụ giới thiệu là người cháu họ, tên Marco, đã ngồi sẵn chờ chúng tôi trong nhà. Marco có vẻ hiền lành, nhút nhát, mắt sâu ướt, tóc quăn gợn sóng màu hung. Tôi nhìn anh ta một lúc lâu và bỗng thấy ngờ ngợ, quen quen. Hóa ra Marco làm việc cho cái quán Café Florian mà tôi vẫn thường xuyên lui tới. Marco cười rụt rè, nói với tôi:

– Từ khi ông trở nên bạn tâm đầu ý hợp với ông bác của tôi đây thì Café Florian cũng mất đi một người khách trung thành.

Ông cụ Francesco đưa tay đánh nhẹ vào lưng đứa cháu trai:

– Vì lẽ gì, Marco có biết không? Vì lẽ *Expresso* của bác mày pha . . . ngon dứt, hơn hẳn ở cái tiệm Florian chứ chẳng còn chối cãi vào đâu.

Tôi nhìn Marco, nháy mắt:

– Marco đừng tin. Vì lẽ gì ư? Vì lẽ tôi thích đến nghe ông bác của anh kể những câu chuyện . . . cổ tích của ông ấy thôi mà. Nếu có dịp ở lâu nơi đây với ông ấy, chắc tôi sẽ có cơ hội biến thành một tay viết truyện cổ tích tài tình chứ chẳng chơi.

Marco lại mỉm cười một cách rụt rè rồi nhanh nhẹn quay người đi đến mở cánh cửa ở phía trái của căn phòng và biến mất sau đó. Bên dưới, đèn được bật lên. Ông cụ vỗ nhẹ vai tôi, ra dấu cho tôi bước theo. Chúng tôi lò dò đi xuống những bậc thang cấp bằng đá phía sau cánh cửa. Mùi ẩm mốc xông lên làm tôi phải giật mình. Tôi thấy mặt nước loang loáng ở phía dưới. Marco đang lui cui với cái mái chèo trên chiếc *gondola* màu xanh dương và vàng cam cũ kỹ, nhiều chỗ đã tróc hết nước sơn.

– Đi, chúng ta đi xuống đây. Chiếc *gondola* của tôi đậu ở dưới này, đang chờ đón chúng ta. Lâu lâu tôi hay nhờ Marco đến để chở tôi đi dạo trên nước. Chắc ông biết chứ gì, thời xưa chúng tôi toàn đi chuyển trên nước, hầu như các nhà khá giả, nhà nào cũng có một chiếc thuyền như thế. Cửa "ga-ra" chứa thuyền của chúng tôi thông ngay ra con kênh phía sau nhà; ông vẫn thường đi bộ trên cầu nhìn xuống đó thôi.

Chúng tôi xuống thuyền. Hai cánh cửa gỗ, mục nát ở phía dưới, vừa được Marco rút then cài và đẩy mạnh cho mở toang ra. Marco bẻ tay chèo, quẹo qua bên phải, rồi để chiếc *gondola* từ từ lướt nhẹ về phía trước như một chú cá quẫy mình thoát khỏi mảng lưới vây hãm tù túng. Con kênh hẹp lắm, vừa đủ cho bề ngang của hai chiếc *gondola* mà thôi. Hai bên nhà cửa san sát, im lìm. Chỉ còn lại tiếng mái chèo khua dưới nước, chậm rãi, nhặt khoan, làm cho tôi mơ hồ cảm thấy được tất cả cái êm ái nhung lụa của dòng nước mát lạnh đang trôi giữa khuya.

May mắn và lạ lùng thay, trời Venice đêm hôm đó không có sương lãng đãng mà lại có thật nhiều sao. Những đốm sao nhỏ ở tít tắp trên cao như những hạt kim cương lấp lánh, không cho chúng tôi đủ ánh sáng để nhìn thấy rõ mặt nhau. Nếu không nhờ những ánh đèn vàng úa lọt ra từ những ô cửa

của những căn nhà dọc hai bên dòng nước, thì tôi không thể biết được là ai đang ngồi bên cạnh mình nữa kia. Chúng tôi lướt qua dưới lòng một chiếc cầu bắc ngang con kênh, chiếc cầu mà mỗi sáng tôi phải vượt qua để đến với căn nhà búp bê xinh xắn. Cột đèn ở hai bên chân cầu cũng đội xuống một vũng ánh sáng màu vàng yếu ớt, mơ màng. Tôi chưa lần nào được đi dạo nước vào buổi đêm thanh vắng như thế này cả. Thường thường, chúng tôi thuê năm bảy chiếc *gondola* đi cùng một lúc vào ban ngày, với một đám du khách nói cười ồn ào làm át cả tiếng đàn tiếng hát mua vui của hai người nghệ sĩ Ý – một ông chơi đàn *accordion* và một ông *tenor*, ca sĩ – mà chúng tôi phải thuê đi cùng.

Chưa bao giờ, chưa bao giờ tôi được sống những giây phút tột cùng êm ả, được trôi đi trong thinh lặng dưới một bầu trời vắng vặc sao như thế này. Trời, và nước, và chúng tôi, cùng trôi đi trong một niềm cảm thông tuyệt diệu. Tôi nhắm mắt lại thật lâu. Lại thấy mình trôi đi, trôi đi . . . Êm ái!

Khi tôi choàng dậy thì Marco đã lơi tay chèo. Chúng tôi đã đến một khúc quành khá rộng chia ra làm ba nhánh. Chiếc thuyền cũ kỹ cứ một mình trôi lững lờ trên dòng nước. Ông cụ Francesco nãy giờ lặng thinh, bỗng lay lay vai tôi, thì thầm:

– Chúng ta đã đến gần căn nhà cũ của Natalia rồi đây ông bạn. Mình đi ngang qua đó xem lại một chút nhé. Ngày xưa, mỗi lần đi qua đây là tôi bắt đầu dạo đàn và cất giọng hát để cho Natalia biết là tôi sắp đến. Nhưng, bây giờ thì . . . không còn nữa. Không còn nữa. Không còn nữa cho đến khi nào . . . nàng trở lại với tôi.

Tôi quay ra sau nhìn Marco, hất đầu ra dấu dọ hỏi, chỉ thấy chàng thanh niên mỉm cười hiền lành, nhún vai tỏ vẻ không có ý kiến. Anh lại tiếp tục chèo trong yên lặng, để mặc cho ông bác của anh sống trong cái cõi mộng mị huyền ảo của ông ta. Ngẩng nhìn lên cột đèn vàng úa phía trên vỉa hè, tôi thấy một chiếc bảng nhỏ xíu có tên đường "Calle Fuseri" gắn trên đó. Tôi rút thuốc ra mời cụ Francesco và Marco nhưng cả hai đều từ chối. Liếc nhìn ông cụ chung tình, tôi vừa bật diêm, vừa hỏi đùa:

– Cụ ơi, ngày xưa, cụ hay hát những bản gì tặng nàng thế? Trong đó có "*Torna a Sorriento*" không nào?

Ông cụ quay phắt sang tôi, ánh mắt sáng quắc lạ lùng:

– Sao ông biết? Sao ông lại hỏi?

Giọng nói đượm vẻ khó chịu của ông cụ làm cho tôi phải ngạc nhiên. Tôi thong thả nhả khói thuốc, thản nhiên trả lời:

– Tại vì đó là một trong những bản nhạc Ý được khắp thế giới yêu chuộng và được dịch sang nhiều thứ tiếng, nên tôi biết và . . . tôi cũng yêu nó lắm. Như thế có . . . phiền chi không cụ? Không hiểu sao, ngay cái tựa của nó cũng đủ làm tôi xúc động rồi. "Trở lại Sorriento", hay "Trở Về Mái Nhà Xưa" như một ông nhạc sĩ xứ tôi đã phiên dịch, thì cũng như nhau. Có lẽ tại số tôi cứ bị đưa đẩy để phải sống một cuộc sống phiêu bồng, phải xa gia đình người thân, năm này qua tháng nọ. Đôi lúc thèm một nơi chốn để trở về, một mái nhà xưa chẳng hạn. Nghe sao êm đềm, ấm yên, hạnh phúc quá. Thành ra cứ mỗi lần nghĩ đến đó là tôi lại nhớ đến "Sorriento". Tôi nhớ "Sorriento", ước muốn "Sorriento", dù chưa hề biết cái thành phố "Sorriento" nó ra thế nào nữa, cụ ạ. Mai mốt có dịp, chắc tôi sẽ tìm đến thăm cho biết. Nhưng sao cụ lại có vẻ buồn bã thế kia? Tôi có nói điều gì không phải chăng?

Ông cụ Francesco không trả lời tôi mà đưa tay chỉ lên một căn nhà mục nát trên đường. Tôi có cảm tưởng bóng nước đen thẫm bên dưới như đang gờm sẵn và sẽ vùng lên ôm choàng lấy người đàn ông tóc bạc với trái-tim-không-có-tuổi đang ngồi cạnh tôi. Tôi đọc thấy số nhà 4351. Nhà của Natalia...

Những cánh cửa sổ đóng kín mít, khư khư cất giấu kỷ niệm.

Then cài. Gỗ mục. Rêu mốc xanh.

*

Ông Vĩnh đáng mến, ông cũng như tôi, như nàng. Chúng ta đều mong ước được trở về. Một mái nhà yêu dấu. Có nhau. Như tôi mong nàng trở lại Venezia (2). Ba mươi sáu năm qua, tôi mong, tôi mong . . .

Ông nói sao? Nàng có già đi, có xấu đi? Tôi có còn nhận ra được nàng nữa không? Tình của chúng tôi có còn như muôn thuở nữa không? Ồ, không sao đâu, ông bạn trẻ, tôi chịu đựng được hết mà. Chịu đựng được hết. Chỉ cần là nàng trở lại, một lần thôi.

Ông không phải lo, tôi sẽ nhận ra được nàng chứ, cho dù diện mạo nàng có thay đổi cách mấy đi chăng nữa. Ông biết vì sao không, ông Vĩnh? Ừ, thì bởi vì cái nốt son như một lúm đồng tiền của nàng. Và vì sao nữa ông biết

không? Vì khi nàng rời Venezia tôi đã để cho nàng đem theo một chiếc mặt nạ hóa trang bằng sứ tuyệt đẹp. Chiếc mặt nạ mà ở trên má trái, tôi đã cẩn thận vẽ thêm lên đó một nốt son xinh xắn. Tự tay tôi làm chiếc mặt nạ trắng muốt ấy. Tự tay tôi đã trang điểm, buộc nơ lụa màu hồng ở hai bên mang tai, thoa phấn, kẻ son, kẻ mắt lên chiếc mặt nạ ấy. Tôi đã nói . . . Natalia yêu quí, một mai khi em trở lại, hãy nhớ đeo chiếc mặt nạ hóa trang này. Anh sẽ nhận ra được em ngay. Cho dù đằng sau chiếc mặt nạ hóa trang tươi thắm, thời gian có làm tàn tạ khuôn mặt thanh xuân của em đi chăng nữa thì anh cũng vẫn sẽ nhận ra em. Tôi tin là Natalia không bao giờ quên lời dặn của tôi đâu. Ô hay, ông lại cười tôi nữa đấy à? Ông không tin lời tôi nói sao? Sao, ông bảo là ông tin tôi nhưng . . . không tin là nàng sẽ trở lại à? Để rồi ông xem, ông Vĩnh ạ.

Ông biết không, dạo đó . . . ngày xưa ấy mà, giọng hát của tôi cũng không đến nỗi tệ. Natalia vẫn khen là truyền cảm và quyến rũ lắm đấy. Mỗi khi chiếc *gondola* đến khúc quành mà chúng ta vừa đi ngang qua ban nãy là tôi lại lấy hơi, cất tiếng . . . Có những buổi đêm thanh vắng như tối nay, tiếng hát của tôi vang dội trên dòng nước, giữa những con hẻm im lìm, nghe như những tiếng vọng từ nghìn xưa vẳng lại. Hàng xóm láng giềng nhà nàng chẳng ai bực mình tôi cả, vì mọi người đều rất yêu mến chúng tôi. Có nhiều người còn mở toang cửa sổ, ngồi chống tay dưới cằm và im lặng thưởng thức tiếng hát của tôi cho đến khi dứt nữa kia. Có nghĩa là tôi hát không đến nỗi tệ, phải không ông?

Vào buổi tối cuối cùng, trước ngày nàng rời Venezia, tôi cũng đã ngồi đây trên dòng nước đen thẫm này và nàng, nhoài người ra từ khung cửa sổ quen thuộc . . . chúng tôi đã cùng *duet*, cùng say sưa hát chung với nhau bài *Trở Về Mái Nhà Xưa* mà ông yêu thích đấy ông Vĩnh.

Rồi chúng tôi chia tay nhau không chút ngậm ngùi.

Và cũng như bao lần khác, Natalia đã chụm những ngón tay thon nhỏ đưa lên môi, âu yếm cúi xuống nhìn tôi và nói:

– *Pensami un pocchino.*

Hãy nghĩ đến em một chút nhé.

Hãy nghĩ đến em một chút, nàng nói.

Chiều ngày hôm sau, nàng ra đi khỏi Venezia – nhưng không bao giờ ra

khỏi đời tôi đâu – ông đừng lầm, ông Vĩnh ạ.

Hãy nghĩ đến em một chút, nàng nói.

Không lúc nào là tôi không nghĩ đến nàng, và mong chờ ngày nàng trở lại xiết bao.

*

Tôi không trở lại Venice cho đến tận giữa mùa hè sau đó, thay vì là vào mùa xuân như hãng tôi đã dự tính. Thật là xui xẻo, băng tuyết mênh mông ở xứ Áo đã làm tôi bị ngã gãy chân trái trong một buổi trượt tuyết thật hào hứng với đám du khách hiếu động của tôi. Trở lại với công việc trên một cái chân bó bột nên tôi được đặc nhiệm cho ngồi lo tiếp khách ở văn phòng một thời gian khá lâu, không phải lên xe xuống ngựa làm hướng dẫn viên du lịch nữa. Mãi đến giữa mùa hè, tôi mới bắt đầu công việc bình thường trở lại và lại làm đầu tầu "chăn" một đoàn người mấy chục mạng đi qua Âu châu. Venice là trạm dừng chân thứ bảy của chúng tôi trong suốt chuyến du hành kéo dài 27 ngày ấy.

Vào buổi sáng thứ nhì ở cái thành phố dập dìu bóng nước và đông nghẹt người của mùa du lịch, trong khi "đàn chiên" hiếu kỳ của tôi được thả cho đi tự do đi rong trong vài ba tiếng đồng hồ, tôi đã hối hả băng qua chiếc cầu bắc ngang con kênh quen thuộc và tìm đến căn nhà của những nàng búp bê. Những chiếc mặt nạ hóa trang diễm lệ treo đằng sau khung cửa kính vẫn chăm chăm giương những cặp mắt không đáy ra soi thẳng vào tôi. Cánh cửa ra vào vẫn luôn luôn mở rộng để đón chào mọi người như thuở nào. Nhưng, lạ lùng thay, tôi bắt gặp một đám dăm bảy người đang đứng chờ trước cửa để mua vé vào xem căn nhà búp bê của cụ Francesco. Chẳng hiểu ông cụ chung tình này lại đang bày ra một trò chơi kỳ quái gì nữa đây. Tôi cũng nối đuôi, mua vé, định theo đám đông bước vào để làm cho ông cụ phải ngạc nhiên chơi.

Nhưng, ô hay, kìa, chính tôi là người đã phải sửng sốt khi nhìn thấy, không phải cụ Francesco mà là anh chàng trẻ tuổi Marco, mặc đồng phục màu xám đậm như một nhân viên chính phủ, đứng lớ ngớ trong tiệm quan sát người ra người vào. Marco cũng nhìn ra được tôi ngay. Anh ôm choàng lấy tôi giữa đám đông, mừng rỡ kêu lên:

– Ồ, ông Vĩnh! Ông mạnh khỏe chứ? Ông hứa là sẽ trở lại vào mùa xuân mà sao lại chờ đến mãi tận bây giờ?

Tôi không trả lời Marco, đưa mắt đảo quanh một lượt và hỏi thật nhanh:

– Ông bác Francesco của anh đâu rồi? Và sao lại bày ra cái trò bán vé cho thiên hạ vào chiêm ngưỡng dung nhan của những nàng búp bê và những dụng cụ tạo hình của ông cụ ấy thế này?

Marco nhìn tôi đăm đăm. Đôi mắt sâu ướt nổi bật trên khuôn mặt vuông vắn hiền lành. Anh nắm tay tôi siết mạnh:

– Bác tôi qua đời được gần nửa năm nay rồi, ông ạ.

Marco ngừng một phút. Thấy tôi ngẩn người im lặng, anh tiếp:

– Ngay sau cái vụ "*Carnival*" – cái hội hoa đăng và hóa trang vào tháng hai vừa qua ấy mà. Cả mấy hôm, ông ấy đi dự *Carnival*, xem người ta ca hát, nhảy múa, thi hóa trang ngoài trời. Mà trời tháng hai ở đây thì ông biết rồi, lạnh buốt, lắm khi tuyết trắng mịt mờ. Hôm cuối cùng, sau lễ phát giải thưởng nghệ thuật hóa trang, cha tôi và tôi phải dìu bác tôi về nhà. Ông ấy nóng sốt dữ dội trong đêm đó, qua mờ sáng hôm sau là đi luôn, có kịp dặn dò bà con họ hàng một câu nào đâu. Cách đây mấy năm, ông ấy đã lo làm sẵn giấy tờ tặng cả cái cửa tiệm này lại cho chính phủ để làm . . . "Bảo tàng viện" sau khi ông ấy qua đời. Cái "Bảo tàng viện" duy nhất về búp bê và mặt nạ hóa trang bằng sứ ở đất Venezia này đấy ông Vĩnh. Nhưng, ủa, bộ hồi lúc nãy khi mua vé, ông không để ý nhìn cái vé hay sao? Có đấu mộc của Sở Văn hóa đàng hoàng đấy. Ông xem, tất cả các dụng cụ, máy móc, sơn vẽ, vải vóc lụa là . . . cũng đều còn y nguyên, không suy suyển.

Tôi nhắm mắt lại, nghe một cảm giác mất mát hụt hẫng vụt xuyên qua người. Cái lạnh man mác của buổi khuya dạo nước với ông cụ như đang khua sóng dữ dội trong đầu tôi. Tôi nói mấy lời chia buồn cùng Marco rồi hỏi thăm tiếp:

– Thế còn anh? Anh làm gì ở đây?

Marco cười, vẫn nụ cười rụt rè thường lệ:

– Tôi bỏ việc ở Café Florian, rồi xin qua đây làm kiểm soát an ninh cho cái . . . "Viện Bảo tàng" búp bê này. Bây giờ tôi là nhân viên chính thức của Sở Văn hóa Thành phố đấy ông ạ. Họ biết bác Francesco là bác của tôi, vả lại, tôi cũng có biết ít nhiều về nghệ thuật tạo hình vì ngày xưa đã được nghe

và xem ông bác tôi trổ tài nên khi tôi ngỏ ý muốn xin việc thì họ bằng lòng nhận tôi dễ dàng. Có một ông nữa, tên là Sylvano, cũng làm chung ở đây với tôi. Ông ấy cũng còn trẻ thôi, cũng học về nghệ thuật tạo hình búp bê và mặt nạ như bác tôi, nên ông ta được mướn vào làm để chăm sóc các nàng búp bê và mặt nạ cũ. Ngoài ra, còn phải sáng tạo các nàng búp bê và mặt nạ mới, cũng như phải hướng dẫn và trả lời câu hỏi của du khách. Ông ấy vừa mới đi ra ngoài một chút . . .

Tôi vỗ vai Marco, không nghe rõ được lời anh nói nữa mà chỉ thấy âm vang tiếng nước khoan thai đập vào mạn thuyền. Buổi tối hôm ấy, trời Venice thật nhiều sao. Tiếng thinh lặng của bóng đêm và tiếng lòng của ông cụ chung tình đã quyện lại thành một dòng nước lả lơi, dìu dặt, đã đưa tôi trôi đi, trôi đi mải miết . . . Chẳng hiểu ở một nơi xa xôi cách trở nào đó, người bạn xinh đẹp từ thời thanh xuân của ông cụ có biết là ông cụ đã vĩnh viễn bỏ Venice mà đi rồi hay chăng?

Tôi nhớ về Natalia mà lại thấy lòng mình chùng xuống, thấy thương mến, tiếc nuối cho . . . ông cụ đến lạ lùng. Đi tới đi lui nhìn ngắm mãi mấy cô nàng búp bê quen thuộc trong tiệm, tôi để ý tìm mà vẫn chẳng thấy bóng dáng con búp bê Natalina với cái nốt son như một lúm đồng tiền bên má trái ở đâu. Tôi vẫy tay gọi Marco đến trước một cái kệ và chỉ vào chỗ trống mà lẽ ra Natalina đang ngồi. Tôi hỏi:

– Này Marco, mọi khi ở đây vẫn có con búp bê Natalina, đội nón viên chùy và mặc xiêm áo hồng, với cái nốt son bên má trái. Ông bác của ông yêu quý nó nhất đó mà. Ông ấy vẫn hay bảo tôi là sẽ âu yếm tặng nó cho Natalia ngày bà ấy trở lại. Nó đi đâu rồi? Hay là . . . ông bác của anh có đem nó đi theo về bên kia thế giới với ông ấy không vậy?

Marco trố mắt, lắc đầu:

– Búp bê Natalina? Tôi không hề nhớ là đã thấy nó? Nhưng, sao ông lại nói chuyện . . . buồn cười như thế? Mọi thứ trong nhà này không hề suy suyển từ ngày bác tôi mất. Tôi có mặt ở đây vào cái ngày người ta đến kiểm kê tài sản để cho Sở Văn hoá Thành phố nhận chủ quyền. Không có chuyện búp bê có cánh mà bay đâu ông ơi. Vả lại, ông tin bác tôi thật đấy ư? Làm sao có chuyện bà Natalia của ông ấy trở về được. Ông lại sắp nói chuyện lẩm cẩm như bác tôi mất rồi, ông Vĩnh ơi.

Bỗng nhiên, tôi thấy trong đôi mắt sâu ướt của Marco lóe lên một đốm sáng. Anh nhìn tôi chăm chăm, đôi lông mày rậm nhíu lại:

– Ông Vĩnh, bác tôi không bao giờ nói cho ông biết ư?

– Biết gì cơ chứ, Marco?

– Thì chuyện của bà Natalia?

Tôi mỉm cười, nhớ lại những câu chuyện đã được nghe và ánh mắt say đắm lạ thường của ông cụ những khi nhắc đến tên người bạn thanh xuân. Tôi vỗ vai Marco, trả lời:

– Ông ấy hay kể cho tôi nghe về Natalia lắm chứ. Toàn là những chuyện . . . cổ tích tình ái cả. Nếu nói là biết, thì tôi chỉ biết được có thế thôi.

– Thế còn chuyện Natalia đã . . . qua đời? Ông có biết không?

Tôi bật kêu lên thảng thốt:

– Cái gì? Bao giờ? Marco nói sao? Sao lại qua đời?

Marco gật gù:

– Tôi cũng đoán vậy . . . Ông ơi, Natalia đã qua đời trong một trận bão lụt cách đây cả 46 năm rồi! Bà ấy bị mất tích vào hôm đầu tiên cơn bão ào tới, sau đó hai hôm thì người ta tìm thấy xác của bà tấp vào bờ và người ta đã đem an táng bà ở nghĩa trang trên đảo San Michele (3) rồi. Gia đình bà ta dọn đi khỏi Venice ngay sau đó. Ông Vĩnh, sao ông lại có vẻ hốt hoảng như vậy? Chắc ông có nghe nói đến trận lụt khủng khiếp vào tháng 11 năm 1966 chứ gì? Thì 36 năm trước, cha mẹ tôi kể lại là trận lụt kia cũng kinh hồn như thế nhưng, không gây nhiều tai hại bằng cái trận năm 66 thôi. Cha mẹ tôi kể là nó đã đến thật bất ngờ, không ai biết trước được. Cho đến ngay cả bây giờ, Venezia cũng còn hay bị "*acqua alta*" tức là nạn nước cao, ông biết chứ phải không?

Giọng nói đều đều của Marco đã đưa tôi bước vào một quá khứ nhiều hãi hùng hơn là mộng mị. Bất giác tôi nhìn quanh, có cảm giác như ông cụ vẫn còn quanh quẩn đâu đây, lạ quá. Và Natalia, bây giờ tôi mới hiểu . . . Hẳn là hai người đã gặp lại nhau. Đã say đắm nhìn nhau. Đã ngậm ngùi nuối tiếc cho quãng thời gian chờ đợi dài đằng đẵng. Bốn mươi sáu năm. Một đời người. Ông cụ tóc bạc của tôi đã thủy chung, suốt bốn mươi sáu năn trời, chờ đợi đến cái ngày được gặp lại người bạn chân tình yêu quí. Thì bây giờ, hẳn là ý đã toại. Hẳn là hai người đã gặp lại nhau, đã trùng phùng trong cái thế giới

tách biệt của riêng họ mà không ai khác được dự phần. Tôi thở ra thật mạnh, lắc đầu nhìn Marco, nửa đùa nửa thật:

– Marco ơi, tôi nghĩ là có lẽ . . . món quà đã được trao đến người nhận rồi. Chúng ta khỏi phải mất công tìm kiếm cô nàng búp bê Natalina làm chi nữa, phải không nào?

Marco trợn mắt, la lên nho nhỏ:

– Ông Vĩnh, ông lại sắp nói chuyện khùng đấy ư? Để chút nữa khi ông Sylvano trở về, tôi sẽ phải hỏi về con búp bê ấy cho ông. Bảo đảm là nó không có cánh bay đi đâu hết, và bà Natalia cũng không có trở về để nhận cái món quà 46 năm ấy như bác tôi đã rêu rao với ông đâu.

Chúng tôi trao đổi thêm vài ba câu chuyện vu vơ khác về Venice rồi hẹn gặp lại nhau vào buổi trưa nay tại Café Florian. Và cho đến khi theo Marco ra gần ngưỡng cửa, tôi mới bắt gặp một khung ảnh phóng lớn đặt thật trang trọng trên một chiếc bục chữ nhật cao ngang đến ngực. Bức hình chụp ông cụ Francesco đang cười rạng rỡ, giữa một bầu trời trắng xóa như tuyết. Chung quanh cụ, sau lưng cụ, là những người đeo mặt nạ và mặc xiêm y hóa trang thật kiêu kỳ lộng lẫy. Màu sắc tươi thắm, nổi bật trên một nền trắng mông mênh. Họ đang xúm xít bên ông cụ. Người đứng, giang tay, kẻ nghiêng đầu, nhún chân cúi chào. Trông như một màn kịch vui nhộn mà ông cụ đang thủ vai chính. Tôi quay qua Marco, hỏi:

– Hình chụp ông bác anh trong dịp *Carnival* phải không? Chưa bao giờ tôi thấy ông ấy cười tươi như thế.

Marco đứng khoanh tay, nhìn tôi lom khom dí mũi vào bức hình phóng lớn. Anh nói nhỏ:

– Ông nói đúng. Đây là bức ảnh cuối cùng của bác tôi do tôi chụp, hôm trao giải thưởng về nghệ thuật hóa trang. Những người đứng chung quanh bác tôi . . . có một số người vừa được giải, còn những người khác thì đa số là khách hàng mua mặt nạ hóa trang của bác tôi đấy ông ạ. Họ muốn chụp hình với bác tôi để làm kỷ niệm. Có những người từ những nơi xa xôi tít mù về dự, đâu phải lúc nào cũng được gặp để mà chụp hình với ông tác giả tạo hình tài ba đâu! Có lẽ bác tôi đã vui lắm. Ông nói đúng đấy, tôi cũng chưa bao giờ thấy bác tôi cười một nụ cười tươi và đẹp như thế.

Có lẽ Marco mải nói nên không nhận ra được nét sững sờ trên khuôn mặt

đăm chiêu của tôi.

Tôi bước những bước chậm rãi ra khỏi căn nhà búp bê xinh xắn, băng qua chiếc cầu bắc ngang con kênh quen thuộc mà chỉ ước được . . . lặn sâu xuống dòng nước loang loáng ánh nắng vàng rực dưới kia, như những vết chân chim, nhún nhẩy di động trên con đường lát đá cũ kỹ.

Có lẽ tôi đã nhìn lầm.

Nhưng, không, rõ ràng, rõ ràng lắm mà . . . Trên bức hình phóng lớn trang trọng, bên cạnh khuôn mặt và nụ cười rạng rỡ của ông cụ Francesco, tôi đã nhìn thấy một người mặc áo dạ hội màu hồng cánh sen tươi thắm, trên đầu có đội một chiếc nón cao hình viên chùy, với một giải lụa cùng màu gắn trên đỉnh nón thả dài xuống quá lưng. Hai cánh tay áo cũng dài và phất phơ như đôi cánh thiên thần; trên ngực áo có đính những hàng ngôi sao bằng kim tuyến lộng lẫy, đẹp kiêu kỳ như chiếc áo mà tôi đã thấy con búp bê Natalina mặc hôm nào . . . người ấy đang nghiêng đầu chào ông cụ, mái tóc nâu óng chảy mềm mại như suối trên một bờ vai. Khuôn mặt của người ấy núp sau một chiếc mặt nạ bằng sứ trắng muốt, có thắt hai giải lụa mỏng, cũng màu hồng, ở hai bên mang tai. Chiếc mặt nạ hao hao giống những chiếc mặt nạ hóa trang mà tôi đã thấy trong tiệm búp bê của ông cụ. Nhưng, sao tôi cũng thấy, ở trên má trái, có cái gì như một vết son tròn xoe. Cái gì . . . giống như một lúm đồng tiền ngày còn thơ.

*

Sau này, tôi đọc được thêm nhiều sách lạ, được nghe kể lại thêm về nhiều câu truyện lý thú nên mới biết thêm rằng, thường thường, khi chúng ta sắp sửa ra đi khỏi cái thế giới u mê này để bước vào một cõi giới nhiệm màu khác . . . thì thủy chung, sẽ có những người thân yêu "trở về" để đón chúng ta đi.

Và khi ấy, có lẽ, chúng ta sẽ không còn phải sợ hãi điều gì nữa cả. □

Chú thích:

(1) Tựa đề trích từ một câu thơ của Nguyễn Thế Hà: *Ai dừng phương này tay với trăm năm.*

(2) Venczia là tiếng người dân bản xứ dùng để gọi thành phố Venice.

(3) Theo Richard de Combray, *Venice, Frail Barrier*, New York,

Doubleday & Co. Inc., 1975, trang 72 & 73: Khi chết đi, người dân Venice được an táng trên một trong hai hòn đảo nhỏ là đảo Michel hoặc Lido. Cứ mỗi 13 năm, các ngôi mộ cũ sẽ bị khai quật lên; đất sẽ được cầy xới và làm mới lại để chôn những người vừa mới qua đời.

SỬ MẶC
xác đời

Bàn tay
rụng ngón giữa khuya
chợt
cơn mê lạc
đầm đìa nhục thân
mơn man
rờn rợn
cung tần
mùi hương thoắt đã
chín gần
môi
cong
đôi nương xưa
cũng rơi hồng
tiếng gầm thiên địa
xoáy trong hồn rời
bếp tàn
tro lạnh ai khơi
bừng cơn lửa hạ
xác đời
mê mê.

chị em

(Tiếp theo kỳ trước)

3.

Sáng hôm sau, Lương dẫn chị em cô đi thăm cánh rừng gần làng. Vùng quê quanh khu dinh điền nổi tiếng là an ninh, và cô yên tâm để hai em chạy nhẩy tung tăng. Lương đi bên cô, nói chuyện vu vơ. Trong khung cảnh thiên nhiên, anh không còn khép kín như ở nhà. Anh kể cho cô nghe về quê anh ngoài Bắc. Tất nhiên có sự tích ông Nguyễn Công Trứ vâng mệnh vua đi khai phá hai quận Kim Sơn và Tiền Hải. Anh kể anh có được đọc gia phả họ anh, với những câu truyện oai hùng của các thế hệ trước anh, đời này qua đời khác, đã lấn biển lập ruộng. Anh cũng kể cho cô những sự việc gần đây, khi đồng bào anh vào Nam lập nghiệp sau hiệp định Genève.

"Thuở ấy, cả vùng này còn hoang vu lắm cô Hoàng ạ," anh bảo cô. "Hươu nai còn thường tới phá mùa màng, và chính chỗ mỏm đá kia kìa, Thầy tôi đã hạ được cọp. Bây giờ thì cọp đi hết rồi, chỉ còn Bắc kỳ di cư thôi."

Kiêu hãnh, anh kết luận:

"Không ngờ thế hệ tôi lại được sống lại cái sự nghiệp của cố sơ. Ở đây không có biển để lấn, nhưng có rừng, và chúng tôi đã lấn rừng lập rẫy . . . "

Mất anh sáng ngời khi anh nhắc lại cái lịch sử xa xôi hàng thế kỷ trước của ông cha ngoài Bắc, cũng như cái lịch sử chỉ mấy năm trước đây thôi của gia đình anh. Lần đầu tiên cô thấy anh đẹp trai, không phải cái đẹp trai cổ điển như Bảo, mà cái gân guốc ban sơ của huyền thoại Nam Tiến. Rồi cô cười thầm là cô đã ví anh với Bảo, nghĩ đến anh trong diện lứa đôi. Bảo đã tốt nghiệp luật sư, đã mở văn phòng và làm chính trị. Anh ta bắt đầu quấy nhiễu cô với những lá thơ tình ướt át, và mẹ Bảo đã tìm mọi cớ để trở thành bạn thân tín của mẹ cô. Cô chỉ ừ một tiếng là cô trở thành vợ Bảo với sự hoan hỉ của hai gia đình. Nhưng bây giờ, cô thấy rõ Bảo không phải là người chồng lý tưởng cho cô. Đời sống Bảo cô đơn quá, cái cô đơn tự anh tạo ra. Thế giới

của Bảo là sự nghiệp của Bảo, vậy thôi. Xã hội xung quanh chỉ là môi trường cho Bảo dạt sự nghiệp đó, và cuộc sống của đồng loại không thấm thấu vào đời sống anh. Không, cô không muốn sống như vậy. Cô quyết định sẽ từ chối Bảo.

Miên man suy nghĩ, cô tới suối lúc nào không hay. Mặt trời đã đứng bóng. Ngang qua một tảng đá phẳng dưới tàn cây lớn, hai em cô kêu mỏi chân, đòi dừng lại nghỉ. Lương và cô cũng dừng lại, vừa lúc tiếng chuông lễ giấc trưa ngân nga đổ lên cánh đồng xanh để dội lại từ ngọn đồi trước mặt. Anh cúi đầu lắng nghe. Xúc động trước vẻ tôn kính của anh, bất giác cô cũng cúi đầu. Chuông dứt, anh bảo cô:

"Trưa rồi, các em chắc đã đói bụng. Mình về nhà ăn nhé."

Con Tâm và thằng Hải mè nheo đòi ở lại, lấy cớ là ăn sáng trễ, dọc đường lại còn được ăn ổi mua ở mấy vườn cây, nên chúng còn no.

"Hay là thế này nhé," anh đề nghị, "cô Hoàng ở lại trông em, tôi về lấy xôi gà mang ra. Bu tôi sáng nay đồ chõ xôi to lắm. Tôi đi đường tắt, không lâu đâu."

Nói rồi, anh vui vẻ bước về phía hạ lưu con suối, vừa đi vừa huýt sáo miệng, chẳng mấy chốc đã khuất sau khúc rẽ con đường mòn. Hai đứa em cô chạy nhảy tung tăng từ sáng đến giờ nên đã thấm mệt, nằm thiu thiu ngủ dưới gốc cây.

Cô lững thững đi dọc theo bờ suối, chẳng mấy chốc chỉ còn một mình giữa cảnh thiên nhiên. Cô ngồi xuống một phiến đá phẳng, bỏ giày, ngâm chân vào suối cho đỡ mỏi. Xung quanh cô là tĩnh mịch. Nước nguyên thủy từ núi chảy ra mát rượi, như tạo hóa dành riêng cho cô. Cô ngắm những bụi cây dại mọc ven bờ, lá thân chìm trong nước, nhô những cọng hoa tím gầy lên không khí.

Cô mơ màng nhìn theo mấy cánh chuồn bay là là mặt nước. Có tiếng chim hót thánh thót sát bên làm cô quay lại. Một con chim, cỡ chim sáo, đang đậu trên nhánh cây khô. Nó nghiêng đầu nhìn cô, ngạc nhiên hơn là sợ hãi. Rồi nó lại cất tiếng hót. Đuôi nó dài, đen, có vạch trắng, nhịp nhàng vểnh lên mỗi lần nó cúi cổ xuống hót một nốt cao. Trong lùm cây xa xa, có tiếng hót đáp lại. Chim gì nhỉ? Cô nghĩ. Hình như là chim chích chòe . . . Hay là chim chìa vôi? Chim ngưng hót bay đi, cô lại nghe được tiếng sỏi xê dịch dưới lòng suối,

lẫn vào tiếng nước chảy róc rách. Cô liên tưởng đến André Gide với cuốn truyện thật đẹp của ông với bối cảnh thôn dã. Cô lại nghĩ đến bản Giao Hưởng số 6 ba cô nhân chuyến công du bên Pháp mua về.

Rồi cô thấy hổ thẹn. Cô không biết cả đến hình dáng con chích chòe hay con chìa vôi, phải dựa vào truyện và nhạc ngoại quốc để thưởng lãm hương đồng cỏ nội của đất nước. Cô muốn làm chuyện gì đặc biệt để đền bù cho quê hương.

Nước suối mát như cám dỗ cô. Cô nhìn đồng hồ, mới mười hai rưỡi. Cô yên trí đã đi ngược lên thượng nguồn khá xa, cây cối lại rậm rạp, Lương có trở lại, chắc cô sẽ biết kịp. Cô cởi quần áo lội xuống tắm, trên mình chỉ còn bộ đồ lót mỏng. Cô cảm thấy một niềm vui tinh nghịch, nghĩ mình đang chia sẻ cảnh thiên nhiên với đồng bào di cư, với cha xứ, với Lương. Ngâm mình trong con suối mát, cô cảm thấy như đang được ôm ấp bởi cuộc sống thật của đất nước.

*

Có tiếng người vừa đi huýt sáo, từ thượng nguồn con suối tiến lại. Lương hiện ra sau lùm cây, tay xách lẵng đồ ăn, đang hăm hở bước tới phía cô. Thật là bất ngờ, lẽ ra anh phải tới từ hạ nguồn. Cô hốt hoảng nghĩ nước suối trong vắt không che giấu được gì, và cô từ từ lội dật lùi ra xa. Cô hốt hoảng dừng lại khi thấy anh vội vã đặt chiếc lẵng đồ ăn xuống đất, khoát tay rộng làm hiệu cho cô, miệng la lớn:

"Hoàng, Hoàng ơi! Đừng, dừng lội xa nữa . . . Hố nước ngầm đấy, chỗ ấy người ta chết đuối . . . Hoàng ơi, lên đi . . . "

Cô ghi nhận tình thế tiến thoái lưỡng nan, giữa hố nước sâu đằng sau, và người đàn ông phía trước. Cô ngần ngừ. Rồi bỗng như bị ma lực thúc đẩy, cô đứng thẳng dậy. Nước sâu đến bụng. Cô đứng một giây như vậy, hai tay khép nép hai bên hông, cúi đầu thẹn thùng nhìn ngực cô trong chiếc áo lót trắng mỏng dã gần như trong vắt vì thấm nước. Rồi bỗng hết sợ hết ngượng, cô lội vào bờ, vừa lội vừa ngẩng lên nhìn Lương. Anh đứng trân trối, nhìn lại. Khi nước suối nông lắm chỉ còn lên đến đầu gối, anh quay mặt đi. Giọng còn nghẹn, anh hỏi:

"Tâm và Hải đâu?"

"Chúng đang ngủ trưa dưới kia," cô chỉ xuống phía hạ lưu.

"Tôi xuống trước mang đồ ăn cho các em nhé."

Nói xong anh vội vã bỏ đi. Trước khi đi hẳn, anh quay lại nói với:

"Mà áo tắm Hoàng đẹp quá . . . "

Anh bỏ chữ *cô* thường lệ. Đi được mươi bước, anh lại quay lại:

"Hoàng thay quần áo mau rồi lên ăn. Xôi gà bu tôi thổi hôm nay ngon lắm . . . "

*

Khi cô nhập bọn, Lương đã dọn đồ ăn lên tấm đá phẳng. Lương và hai em cô ngồi quây quần xung quanh, trông như anh em ruột thịt. Cảnh thân ái làm cô thấy ấm trong lòng. Hơi ngượng ngùng, cô nhìn trộm Lương. Rồi cô thấy thinh thích, nghĩ chưa ai ngoài Lương ra được ngắm cô như vậy.

Cô nhìn quanh, thấy cảnh suối đẹp hơn lúc nãy. Niềm yêu đời nghe như đang xôn xao trong cô. Nước suối thánh thót hơn, chim hót líu lo hơn. Trong gió, mùi hương ngai ngái của hoa dại làm cô say hơn, và những hạt nắng lung linh trên tàn lá đẹp hơn. Giác quan cô bỗng bén nhậy hơn đã bắt được những nét thanh thoát của sự sống mà trước kia cô chưa hề bắt được.

Đêm hôm đó về Sàigòn, cô nằm trong giường trằn trọc. Trong đêm tối, cô thấy lại cảnh khu dinh điền. Và cô lại thấy anh xuất hiện sau lùm cây, tay xách giỏ đồ ăn. Tim cô đập nhanh, cô nghe máu nóng chạy dồn dập trong cơ thể. Thái dương cô bừng bừng như lên cơn sốt.

Cô thấy thẹn, nhưng cô không tiếc. Cô chỉ thấy phục Lương. Anh chẳng lớn tuổi hơn cô bao nhiêu mà đã tạo được cho mình một đời sống có ý nghĩa. Và cô thương anh, còn trẻ quá mà trên vai đã bao nhiêu gánh nặng. Từ cha mẹ anh cho đến cha xứ, cho đến tập thể giáo dân ở đây, ai cũng đặt kỳ vọng nơi anh, cũng xếp lên vai anh vô số những bổn phận lớn nhỏ. Suốt hai ngày ở Hố Bò, cô chỉ thấy họ nói những nhu cầu cần anh đáp ứng, mà chưa ai nói đến hạnh phúc của anh. Tựa hồ như phục vụ họ là hạnh phúc lớn nhất của đời anh.

Cô nghĩ đến cuộc sống đạm bạc của anh. Không phòng trà, không nhẩy đầm, không chưng diện, không xì phé, thật khác hẳn những sinh viên y khoa cô biết. Cô xót xa. Nghĩ đến nét hoan lạc của anh khi được ngắm cô nửa như

khỏa thân bên bờ suối, cô chỉ thấy thương. Trong đêm tối cô mỉm cười sung sướng, nghĩ một cách vô lý rằng sự việc tình cờ lại có ý nghĩa một món quà xinh xắn để đền bù cho cuộc sống khắc khổ của anh. Cô quyết định sẽ để tâm săn sóc anh như một người em gái. Hay hơn một người em gái, cô nghĩ tiếp, và cô cảm thấy ấm từ trong lòng ấm ra. Trong bóng đêm, cô đỏ mặt.

Đêm hè nóng mà da thịt cô còn nóng hơn. Cô nhìn bầu trời sao ngoài cửa sổ, và cô nhớ đến con suối Hố Bò. Bất giác cô thèm cái mát của nước lạnh một cách thôi thúc. Tung tấm chăn mỏng, cô lấy khăn áo đi tắm.

Nước lạnh từ bông sen dội xuống mát rượi, nhưng nó không làm nguội nổi niềm yêu đời tha thiết trong cô. Gương mặt sung sướng rạng rỡ của Lương khi được ngắm cô từ suối bước lên lại hiện ra trong trí cô. Chắc Lương đang ngủ say bên kia tấm vách gỗ. Bất giác cô cúi xuống hôn cánh tay trần của mình với tất cả đam mê. Rồi cô lại nghĩ đến mẹ, với những khe khắt kiêu kỳ của bà. "Trong gang tấc mà gấp mười quan san," cô buồn bã nghĩ thầm. Bao giờ Lương mới hiểu được tình cô?

Nhưng trời không phụ những người yêu nhau. Sáng hôm sau cô nhận được lá thư tình đầu tiên của Lương.

4.

"Chị nghĩ gì thế?"

Câu hỏi đột ngột của Tâm làm cô giật mình. Mắt vẫn nhìn xa lộ trước mặt, Tâm lại nói:

"Nghĩ đến chàng phải không? Em gặp lại anh ấy độ nửa năm trước, hôm em đem con bạn mới ở Việt Nam qua lên ty Y tế làm thủ tục. Anh ấy đã lấy lại bằng cấp bên này, và đang làm y sĩ cho quận, phụ trách việc kiểm tra sức khỏe cho những người mới sang. Anh chàng vẫn còn si chị lắm. Nói chuyện về chị mà quên cả khám bệnh. Anh nài nỉ em ăn trưa với anh ấy để nói chuyện tiếp về chị. Lúc về còn cho địa chỉ và số điện thoại."

"Vậy sao?"

Cô nói cho có nói, cho đỡ ngượng. Cô thoáng trách em vô tình. Lương thân như vậy, mà suốt bẩy tháng nay nó không liên lạc lại. Nó cũng không cho Lương biết là cô sắp qua Mỹ. Rồi cô lại trách mình lẩn thẩn. Chuyện thầm kín của cô, làm sao nó đoán được ý mà chiều. Tâm nói tiếp:

"Lẽ ra em thăm anh ấy thường hơn. Nhưng anh đã ly dị vợ, lại sống độc thân, nên em không tiện bắt liên lạc lại."

Nó giải thích thêm:

"Chồng em hay ghen lắm . . . "

Không thấm lời em, cô chỉ nghĩ đến thân thế hiện tại không ràng buộc của cô, của Lương. Thế là cả hai người, Lương và cô, lại tự do trở lại như thuở ban đầu, và không ai có quyền ghen với cô hay với Lương. Cô mỉm cười một mình, để rồi lúng túng ghi nhận cô đã không quan tâm đến nét chịu đựng mơ hồ khi Tâm vô tình nói về gia cảnh nó. Cô nhìn trộm em thấy nó vẫn chăm chú nhìn thẳng dằng trước qua kính xe. Mắt nó hơi cau lại, chắc tại cái ánh nắng chói chang từ mặt xa lộ hắt lên.

*

Về đến nhà, Tâm nhanh nhẹn xách va li vào căn phòng dành sẵn cho chị, chỉ nhà tắm, nút đèn, chỗ gắn điện thoại, máy bấm TV. Nó nói:

"Mới có bốn giờ chiều . . . Em gọi điện thoại mời anh ấy đến chơi nhé. Hay mình rủ anh ấy đi ăn tối nay đi." Cô ngần ngại. Tâm khuyên giải:

"Chuyện cũ đã hơn hai chục năm rồi, chị tha cho anh ấy đi . . . "

Em cô đã hiểu lầm cô. Không, cô không còn giận, không còn trách Lương. Cô ngại đến thăm anh bây giờ vì một lý do khác. Ngồi trên mép giường, cô vừa thấy mình trong chiếc gương tủ áo, má hốc hác, mắt mệt mỏi, quần áo xốc xếch, đầu bù tóc rối. Cô lấy tay vuốt lại mái tóc để che cái sẹo thái dương, thương tích của tai nạn xe hơi hai mươi năm trước. Hôm ấy cô lấy xe nhà lái như điên như dại, tiềm thức như muốn tìm tai nạn để tự vẫn. Tai nạn đến như cô mong muốn. Cô đâm vào một gốc cây trên đường lên cao nguyên. Cô không chết, nhưng bị hôn mê một thời gian dài mới bình phục. Bác sĩ bảo vết sẹo thái dương đã thương tổn đến một nhánh thần kinh nhỏ, nên mỗi khi mệt mỏi má trái cô xệ xuống. Cô biết những khi đó cô trông tang thương lắm.

Trong gương Tâm đang ái ngại nhìn cô. Nó đã đọc được những điều cô nghĩ. Từ trong gương, nó tươi cười:

"Chị xem chừng còn mệt. Chuyến bay liên tục mười mấy giờ liền, sức voi cũng mệt nữa là. Em làm xúp cho chị ăn nhé?"

"Chị ăn trên máy bay rồi, còn no. Chỉ hơi khó chịu về giờ giấc chênh lệch

thôi."

Nó đề nghị:

"Thế để em vắt cam cho chị uống nhé. Rồi chị đi tắm và ngủ một giấc cho khỏe. Chương trình tối nay, chị nghỉ mệt rồi mình sẽ tính."

Nó ra bếp bưng vào cho cô một ly nước cam. Nó soạn khăn tắm và áo ngủ cho cô đặt trên bàn phấn rồi bước ra khỏi phòng.

5.

Cô thức giấc khoảng gần sáng, đồng hồ điện tử đầu giường chỉ năm giờ. Phải một giây sau cô mới nhận định là mình ở đâu. Cô không nhớ mình đã mơ những gì, nhưng cô đoan chắc là những giấc mơ đẹp, vì cô thức giấc khoan khoái, nhẹ nhàng.

Rồi cô nhớ lại mọi việc. Chiều hôm trước, cô vừa tắm xong thì Tâm trở vào tươi cười bảo cô nhấc ống điện thoại ở đầu giường để nói chuyện với ba mẹ.

Giọng nói tráng kiện của ông cụ trên đường dây làm cô vui mừng. Ông cười lớn, trấn an cô là chưa phải lo cho ông, vì ông vẫn còn tự túc được. Sức khỏe ông vẫn tốt, áp huyết có lên chút ít với tuổi, *cholesterol* trong máu hơi cao, nhưng ngoài việc ăn uống kiêng khem, ông kể như không có bệnh tật gì quan trọng. Ông rất nhớ cô, nhưng khuyên cô cứ ở chơi với Tâm, vài tuần nữa sang miền đông cũng được. Nói chuyện với cha trên điện thoại, cô có cảm tưởng như bé em trở lại. Ít có người cha thông cảm như ông.

Cô chau mày nghĩ đến mẹ. Mấy chục năm rồi, bà vẫn không thay đổi. Hôm qua ở hai đầu dây viễn liên, cả hai mẹ con đã cùng khóc vì vui mừng. Nhưng cơn xúc động qua rồi, đâu lại hoàn đấy. "Người mình bên này xấu nhiều tốt ít con ạ, con phải coi chừng đấy nhé. Qua đây người ta đổi tính đổi nết, trí trá lắm . . . " Bà đã không quên dặn cô trước khi gác máy. Tuy bà không nêu đích danh, nhưng cô hiểu bà ám chỉ ai.

*

Cô nằm suy nghĩ về mối ác cảm của bà với Lương, thâm sâu cho đến bây giờ. Cô nhớ kể từ hôm ba chị em đi thăm Hố Bò trở về, bà bắt đầu lo ngại về Lương. Có lẽ bà tinh mà cũng có lẽ cảm tình của cô dành cho Lương lộ liễu

quá. Cô say mê kể chuyện cho ba mẹ về khu dinh điền, về cha xứ, về cảm tình của ông với đạo Phật và lòng yêu nước của giáo dân, về gia đình Lương, về tư thế chỉ đạo của cha anh mà mẹ cô vẫn gọi là ông đội Bảo Chính đoàn; về tương lai của Lương gắn bó với cuộc sống của mọi người ở đấy. Ba cô nghe chuyện thích thú, còn mẹ cô chỉ ngồi yên, gương mặt lạnh lùng.

Lá thư tình đầu tiên của Lương viết cho cô sau hôm thăm Hố Bò, cô hồi âm tức khắc, với những chữ "Em cũng yêu anh lắm". Rồi hai người viết thơ cho nhau thường xuyên hơn, dài hơn, tha thiết hơn. Biết mẹ không ưa Lương, cô cẩn thận không bao giờ có cử chỉ thân mật với Lương trước mặt mọi người. Ngoài chuyện cô xưng em với Lương thay vì xưng tên, cô nghĩ cô không làm gì để cho bà nghi.

Nhưng mẹ cô vẫn nghi ngờ. Bà canh gác cô ngặt hơn. Thỉnh thoảng bà bất thần đến Đại học Văn khoa đón cô. Nhiều khi đi học về, cô có cảm tưởng là căn phòng cô đã bị kín đáo lục soát. Nhưng cô yên chí, vì xấp thơ tình cô giấu kín sau kẹt tủ sách vẫn thoát khỏi sự khám phá của bà. Mẹ cô càng khó khăn thì cô càng cẩn thận. Càng không bắt được bằng chứng, mẹ cô càng nghi và càng ráo riết.

Sau cùng bà ra tay. Một bữa cơm tối, khi chị bếp dọn đến món tráng miệng, bà bất ngờ quay sang ông:

"Ba ạ, anh Lương có chuyện muốn thưa với ba."

Như sẵn hiểu ý bà, Lương thưa với ba cô ý định anh thôi việc. Mọi người sững sờ, nhưng với giải thích thỏa đáng của Lương, mọi chuyện cũng đâu vào đấy. Tuần sau Lương dọn vào bệnh viện ở. Ba cô cho bác tài lấy xe hơi giúp anh dọn nhà. Mẹ cô cho làm bữa cơm tiễn đưa thịnh soạn, sau đó cả nhà đi xem xi nê. Lúc chia tay, trước khi anh leo lên chiếc xe gắn máy cọc cạch, mẹ cô còn dặn với:

"Thỉnh thoảng anh Lương nhớ về thăm hai bác và các em nhé."

*

Lương dọn ra, cô như người mất hồn. Bàn ăn thiếu Lương, cơm nhai vào miệng bã như nhai cám. Đêm đêm, cô trằn trọc mất ngủ. Cô không có cách nào gặp Lương. Ngày nghỉ đi chơi đâu đều có gia đình, buổi học thì tài xế đưa đón từ cổng nhà đến cổng trường. Dường như bà vẫn hỏi hai em cô về chuyện

Lương có trở lại thăm cô những lần bà vắng nhà. Mạng lưới tình báo mẹ cô giăng xung quanh cô hoạt động 24 tiếng trên 24 tiếng.

Mãi về sau, nhờ lá thư Lương đến trường trao tận tay cô, Hoàng mới biết đầu đuôi việc anh dọn ra. Cô oán thù âm mưu thâm độc của mẹ. Hôm ấy, khi ba cô đã đi làm và ba chị em đã đi học, bà mời Lương ra phòng khách nói chuyện gia đình. Bà cho hay, hồi này ba cô nhiều khi phải vào bộ họp bất thường, nên bà cần phòng cho bác tài ngủ lại những hôm bác phải làm trễ. Còn hai em cô, nhờ Lương chỉ bảo mấy năm nay, chúng học hành rất tấn tới, chuyện học thêm ở nhà kể như không còn cấp bách nữa. Vả lại, con Tâm đã lớn, cần để thêm thì giờ tập đàn và nữ công nữ hạnh. Tuy nhiên nếu Lương còn cần tiền, bà sẽ không quản ngại tiếp tục thuê anh. "Chỗ người nhà cả, tôi sẽ gắng thu xếp. Ông nhà tôi hay thương người, chắc không để khó khăn cho cậu," bà bảo. Câu nói chủ tâm vụng về của bà đã chạm tự ái Lương. Anh thưa với bà là gần ra trường anh cũng khá bận học mấy khóa đặc biệt về giải phẫu, sửa soạn cho nhu cầu chiến trường của một quân y sĩ, và chính anh cũng có ý định thôi dậy . . .

Lương dọn đi rồi, Bảo lại đến thăm thường xuyên. Anh ta đã tốt nghiệp và đang tập sự tại văn phòng của một luật sư bạn với bố. Câu chuyện của anh nhạt nhẽo. Nào rạp Đại Nam có phim mới với cô đào Pháp Brigitte Bardot, Alliance Francaise sắp triển lãm tranh của họa sĩ Pháp, hay tẻ hơn nữa, những thành tích ngoài tòa án của anh ta. Biết cô yêu Lương, nhưng tự tin, anh nghĩ trước sau Hoàng cũng quên Lương, anh chàng sinh viên nhà quê có tham vọng quá khổ. Làm bộ đại lượng, anh thường khen trước mặt mọi người tấm lòng tốt của cô dành cho giai cấp nghèo khó.

Mẹ cô về phe với Bảo, gần như a tòng với Bảo để quấy rầy cô. Bà quan sát cô, và cô kín đáo quan sát lại. Bà tự tin. Bà hy vọng thời gian sẽ làm cô quên Lương, và bà sẽ chiến thắng toàn diện. Tình cờ một hôm cô nghe trộm được mẹ cô nói với ba cô, "Ba ạ, em nghĩ con Hoàng nó như con nít mọc răng, cái đau không tránh được, nhưng rồi đâu cũng vào đấy. Trước sau rồi cũng phải mở mắt ra."

Nhưng bà không tự tin hoàn toàn. Có lần bà nói với chồng, "Ba ạ, thằng này dễ nó có bùa. Em nghe nói dân Bắc, nhất là vùng Thổ Mán mạn ngược, họ thờ cúng ma cỏ đủ thứ." Ông giảng cho bà là Bùi Chu - Phát Diệm không

phải là vùng Thổ Mán. Và ông trấn an bà là nếu Hoàng có lấy một người chồng như Lương thì cũng là chuyện tốt thôi.

*

Mấy tháng trôi qua, sức khỏe cô suy sụp trông thấy. Cô biết bà bắt đầu lo. Còn cô, mỗi lần soi gương thấy dung nhan tiêu điều, cô lại sung sướng. Sức khỏe cô đã trở thành biểu đồ cho cuộc chiến giữa hai mẹ con. Nó tốt hơn là bà thắng cuộc, nó xấu đi là cô còn hy vọng bà sẽ hồi tâm.

Sau cùng sức khỏe cô phục hồi.

Cô yêu đời hơn, dễ chịu hơn với người thân. Ngay cả với Bảo cô cũng lịch sự nhỏ nhẹ. Mẹ cô vui mừng, nhưng bà lầm. Cô chưa quên Lương, mà thật ra còn thân với Lương hơn bao giờ hết. Số mệnh đã giúp cô qua lòng tốt của bác tài. Bác làm cho gia đình cô đã gần mười lăm năm, từ hồi cô mới học lớp mười một, đếm từ dưới lên trên, theo kiểu trường Pháp, tương đương với lớp năm tiểu học. Bác không ưa mẹ cô, và sở dĩ ở lâu với gia đình cô như vậy vì ba cô rộng rãi thương người, vẫn thỉnh thoảng kín đáo cho bác bổng này bổng nọ.

Một hôm lái xe chở cô đi học, bác nói:

"Cô Hoàng, cậu Lương là người tốt. Cô với cậu thật đẹp đôi."

Cô còn lặng yên chưa biết nói sao, bác đã nói tiếp:

"Bà khó quá, tội nghiệp cô dữ."

Từ băng sau, cô nhìn tấm kính chiếu hậu. Cô chỉ thấy chân thật toát ra từ đôi mắt ái ngại của người lão bộc. Bác hứa:

"Để hôm nào tôi đưa cô đi gặp cậu Lương nhé. Tôi biết chỗ cậu ở. Hôm giúp cậu dọn nhà vào bệnh viện, tôi có để tâm nhớ số phòng trong dãy lầu nội trú."

Cô mừng quá quên cả ngượng, gật đầu cảm ơn.

Với sự trợ giúp của bác tài, cô và Lương gặp nhau lại. Mới đầu, cô bỏ những giờ học không quan trọng để tới thăm Lương. Cô mua tranh mua hoa trang điểm căn phòng nội trú của anh. Lần đầu tiên trên đời, có một khoảng không gian tuy nhỏ bé nhưng riêng biệt cho cô và cho Lương. Cô tha hồ trò chuyện với Lương, ôn lại với anh kỷ niệm của những năm cũ tại gia đình cô hay phác họa những ước mơ mới khi hai người đã nên vợ nên chồng.

Cô đã tưởng như vậy là mãn nguyện.

Nhưng tình yêu luôn luôn động, và nỗi nhớ nhung sau những lần hẹn hò mỗi ngày mỗi trở nên da diết hơn. Nhu cầu gặp gỡ tăng dần với thời gian. Cô bỏ học nhiều hơn, và nhiều khi cả những giờ chính, cô cũng bỏ. Thời khóa biểu của cô ở trường Văn khoa không còn tùy thuộc nhu cầu giáo dục nữa, mà hoàn toàn lệ thuộc sổ gác của bệnh viện.

Một niềm yêu đời, đam mê và lộ liễu, thức tỉnh trong cô. Chưa bao giờ sức khỏe cô lại tốt đẹp như vậy. Cô hay cười một mình, hay soi gương. Má cô hồng, da cô mịn, mắt cô long lanh. Chân cô như có cánh, nhẹ như chân sáo. Cô nghĩ cuộc tình cô bí mật, mà gương mặt cô nhơn nhơn hạnh phúc như trêu ngươi người xung quanh, phô bày trắng trợn niềm hoan lạc của cô gái đang yêu.

(Còn tiếp)

LƯU HY LẠC

ngỡ mộng

Nghe người về giữa biên đình
Áo, cuồng phong lộng tượng hình uy nghiêm
rỏ từng giọt máu nơi tim
Đóa chung thủy rộ, dáy tiềm thức reo

Oằn vai thở hắt trên đèo
Nói cười tợ tiếng chim mèo động khua
Nghe người kinh kệ lên chùa
Dơi hoang đàn lượn chao đùa đêm, đêm
Ngọn nguồn giũ áo giặt khăn
Vắt ngang trời đất nguyên lần cắt, mây
Nghe ngoài cây đổ trùng vây
Ngỡ ban sơ giấc riêng tây gối kề

ghi nhận đó đây

Những tin vui!

Tháng bảy, mùa hè, mùa của du lịch đi lại thăm viếng. Mùa của những tin vui. Tin từ thân nhân nhà văn Thảo Trường cho biết sau 17 năm bị giam cầm trong các trại tập trung, nhà văn này vừa được trả tự do cách đây hai tháng. Nhà thơ Tô Thùy Yên cùng nhà thơ Vương Đức Lệ vẫn còn bị giam giữ.

Nhà văn nữ Lệ Hằng, lâu nay định cư tại Úc, Mỹ du lần đầu vừa để thăm gia đình vừa ra mắt một lượt hai tác phẩm, một tập truyện ngắn và một truyện dài dã sử lấy tên *Nghề Làm Vua*. Cuốn truyện dài này do nhà xuất bản Thanh Văn (đổi tên từ nhà xuất bản An Tiêm) ấn hành.

Giám đốc nhà xuất bản Thanh Văn, anh Châu Văn Thọ, báo tin làm lễ thành hôn cùng cô Nguyễn Thị Diệp ngày 19-7-92. Ngành xuất bản có tin vui, thì ngành văn cũng không chịu kém. Nhà văn nữ Trần Diệu Hằng gửi thiệp hồng cho bạn văn xa gần, báo tin đầu tháng tám sẽ lên xe hoa. Phu quân không phải ai xa lạ: Đào Trung Đạo, thường viết phê bình văn học trên các tạp chí Văn, Văn Học.

Các năm trước, mùa hè đến, sách ra ào ào. Năm nay, do ảnh hưởng kinh tế suy thoái chung, các nhà xuất bản chỉ dám in lai rai cho có mặt vậy thôi. Nhà xuất bản Văn Nghệ vừa phát hành hai cuốn, *Khổng Tử* của Nguyễn Hiến Lê, và *Truyện Miền Nam* tập I của Võ Phiến. Thanh Văn phát hành trong tháng 7 hai cuốn: *Tiệp Bút*, tập tiểu luận về thơ của Đỗ Quí Toàn, và *Nghề Làm Vua* của Lệ Hằng. Nhà xuất bản Xuân Thu cũng vừa cho ra mắt tác phẩm đầu tay của Nguyễn Thị Long An – phu nhân của nhà văn Nguyễn Văn Sâm – tập truyện *Bên Sông Vàm Cỏ*. Nhà thơ Nguyên Sa thì giữ đúng hẹn với

bạn đọc, cho in và phát hành tiếp trường thiên tiểu thuyết *Giấc Mơ*, tập 2.

Sách mùa hè mà đếm được trên đầu ngón tay. Buồn!

Đánh hôi!

Tin từ trong nước về sinh hoạt văn học cũng buồn. Như "vụ" Trần Quốc Vượng, nhà nghiên cứu sử. Năm ngoái Trần Quốc Vượng được đại học Cornell mời qua Mỹ chơi mười tháng. Được sống và viết thoải mái một thời gian, ông quên sợ, viết một số bài trên báo *Việt Kiều Yêu Nước* như bài "*Sai Lầm Lịch Sử và Sự Sửa Sai*" trên *Diễn Đàn Người Việt* (Canada), "*Nỗi Ám Ảnh của Quá Khứ*", "*Đọc Bộ Đất Mới 90, Vài Cảm Nghĩ*" trên "*Đất Mới*" (Canada)

Xa nhà hơi lâu, Trần Quốc Vượng tưởng bên nhà vẫn còn "cởi trói", nên đi chơi Mỹ quốc một vòng, cứ yên tâm xách va li về Hà Nội. Về nhà, hóa ra dây trói vẫn thắt chặt. Dấu hiệu ở đâu? Nhan nhản, chờn vờn cùng khắp. Ở không khí tẻ lạnh lấm lét của bạn bè, ở những lời xì xào sau lưng. Dây trói chặt hơn, thì những hiện tượng chờn vờn mung lung trở thành những cuộc đánh hôi để lập công.

Trường Giang, tổng biên tập tạp chí *Giáo Dục Và Thời Đại* khai pháo bằng những lời lẽ kém văn hóa như thế này: "Anh có biết rằng chính anh đã phải trả một cái giá khá đắt. Tôi không quan tâm mấy đến điều mà đã có người hỏi tôi là các cấp lãnh đạo đã xử lý anh như thế nào, mà tôi chỉ nghĩ nhiều đến sự mất mát thực sự trong lòng những người quen anh, biết anh. Bạn bè anh, ít ai muốn đến với anh hoặc tiếp đón anh thân thiết như trước. Một người bạn của anh đã phát biểu: 'Xưa nay bất kỳ đứa con nào ra đường chửi bố mẹ, dù bố mẹ có sai trái đi nữa, cũng đều phải coi là hư hỏng'".

Ô hay! Cái ông Trường Giang! Cách mạng bảo cán bộ là đầy tớ của dân, nay "cụ" dân Trần Quốc Vượng thấy đầy tớ sai trái, cụ chửi sơ sài vài câu, sao ông lại bảo cụ Vượng ra nước ngoài chửi cha chửi mẹ, xin mách bu cho cha mẹ xử lý cụ Vượng! Trường Giang đã khai pháo, thế là Phan Ngọc Liên, giáo sư đại học sư phạm Hà Nội, và Bùi Đình Nguyên (một giáo sư khác) nhảy vào đánh hôi, để lập công với Đảng và Nhà nước. Nghe nói giáo sư Vượng đã bị buộc về hưu non, và bị cô lập.

Khôn "bao" năm, dại một giờ!

Giá cụ Vượng khôn như Xuân Sách, gần bốn mươi năm chỉ làm thơ châm biếm truyền khẩu chứ không phổ biến bằng giấy mực, cụ Vượng đã thoát nạn. Nhưng thế nào là khôn? Nguyễn Tuân từng đáp: Biết sợ. Ông Trường Giang đáp: Biết đánh hôi và mách bu kịp thời. Xuân Sách học thuộc bài, tuy làm thơ châm biếm các quan, nhưng chỉ dám động tới các quan văn nghệ, không dám động các quan có súng. Thơ *Chân Dung Nhà Văn* của ông được truyền tụng rộng rãi, người bị vẽ chân dung tuy đau, nhưng không làm gì được. Chẳng hạn một đoạn chân dung Tố Hữu:

Từ ấy tìm tôi ngừng tiếng hát
Trông về Việt Bắc tít mù mây
Nhà càng lộng gió thơ càng nhạt
Máu ở chiến trường, hoa ở đây.

Chân dung Hoài Thanh:

Vị Nghệ thuật nửa cuộc đời
Nửa đời sau lại vị người ngồi trên
Thi nhân còn một chút duyên
Lại vò cho nát lại lèn cho đau . . .

Chân dung Chế Lan Viên:

Điêu tàn ư? Đâu chỉ có điêu tàn
Ta nghĩ tới vàng sao từ thuở ấy
Chim báo bão lựa chiều cơn gió dậy
Lựa ánh sáng trên đầu mà thay đổi sắc phù sa . . .

Chân dung Huy Cận:

Các vị La Hán chùa Tây Phương
Các vị gầy quá tôi thì béo
Năm xưa tôi hát vũ trụ ca
Bây giờ tôi hát đất nở hoa
Tôi hát chiến tranh như trẩy hội
Đừng nên xấu hổ khi nói dối
Việc gì mặt ủ với mày chau
Trời mỗi ngày lại sáng có sao đâu!

Nhưng Xuân Sách không giữ túi khôn tới già. Trên 60, ông chợt dại. Ông để cho nhà xuất bản Văn Học in *Chân Dung Nhà Văn*. Thế là rừng động. Dây rừng chằng chịt siết lại! Nhà xuất bản in 3000 cuốn tháng 3-92, mới bán được 600 cuốn thì Bộ Văn hoá Thông tin ra lệnh thu hồi tập thơ. Chữ nghĩa rắc rối thật!

"Động đất" hay "động đậy"!

Dĩ nhiên lúc nào chữ nghĩa cũng rối mù, một chuyện xảy ra đơn giản, nhưng khi thuật lại bằng chữ nghĩa thì ông nói gà bà nói vịt, độc giả không biết tin ai.

Như chuyện xảy ra quanh cuộc triển lãm hội họa và sách Võ Đình ở Montréal hôm 27 và 28-6-92.

Tờ *Người Việt* ở Cali cho đó là một cuộc "động đất văn nghệ", vì ban tổ chức, do đe dọa của một nhóm người giấu mặt, đã tìm cách cấm cửa không cho những nhà văn trong nhóm *Hợp Lưu* và *Trăm Con* tới tham dự triển lãm và đêm văn nghệ, làm cho những người cầm bút khác bất mãn, cũng tẩy chay không ai đến. Bản tin phản ảnh lối nhìn của những người cầm bút ở phương xa tới Montréal, cho việc vì khác tư tưởng mà tìm cách đe dọa quyền tự do đi lại, tự do xem tranh nghe nhạc là khôi hài đen, kém văn hoá. Nghe cũng có lý.

Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại do nhà văn Trang Châu làm chủ tịch (Trang Châu ở Montréal, cũng là một thành viên của ban tổ chức triển lãm) cho phổ biến một thông cáo nói rằng, " . . . Các nhân sự nòng cốt trong ban tổ chức ba buổi sinh hoạt đánh dấu 35 năm cầm bút của họa sĩ kiêm nhà văn Võ Đình đã bị áp lực từ nhiều phía để ngăn cản sự tham dự của một số anh chị em cầm bút đến từ Hoa Kỳ và Toronto, đặc biệt là các anh chị chủ trương hai tờ *Hợp Lưu* ở California và *Trăm Con* ở Toronto. Nhận thấy hành động này đi ngược với chủ trương và tinh thần bản Hiến chương của Văn Bút Quốc Tế, Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại cực lực phản đối mọi thế lực cưỡng bức sự tự do sinh hoạt, tự do phát biểu tư tưởng của giới cầm bút Việt Nam tại hải ngoại . . . " Ờ, các nhà văn Trang Châu và Võ Kỳ Điền của Văn Bút Hải Ngoại đều ở Montréal, hiểu rõ nguồn cơn, biết ai dọa cái gì, vì sao cấm, nay lên tiếng bằng thông cáo thì sự việc cũng nghiêm trọng đấy chứ. Động đất động trời lắm rồi!

Nhà báo Nguyễn Hữu Nghĩa tuy không ở Montréal lúc đó nhưng những người đồng chí thân thiết của anh như Trần Văn Dũng, Từ Uyên là "tai mắt" của Montréal, nên chắc chắn phải am tường mọi thứ. Bản tin Làng Văn gửi đi: " . . . Điều đáng lưu ý là nhân dịp này, một số khá đông những người cầm bút có lập trường chính trị không rõ rệt đã từ California và Toronto tụ tập về, như Khánh Trường, Nguyễn Mộng Giác, Trương Vũ, Nguyễn Trọng Khôi, Trần Sa . . . Nhiều nhân vật cộng đồng cũng như đồng bào độc giả chờ dợi sự hiện diện của những người cầm bút trên hầu có thể trực diện chất vấn cũng như bày tỏ thái độ về việc làm của những người này trong thời gian gần đây. Lo ngại không kiểm soát nổi phản ứng của quần chúng, ban tổ chức đã kín đáo thông báo và khuyên những người này nên tránh mặt . . . " Có lý, có tình lắm! Vì sợ nhân dân chất vấn, tỏ thái độ với những kẻ khả nghi, vì lo không kiểm soát nổi phản ứng của nhân dân, nên chỉ "khuyên" thôi, không hề cấm!

Vì nhà báo Nguyễn Hữu Nghĩa có ưu ái nêu đích danh chủ bút bổn báo, nên phóng viên tôi tới phỏng vấn nhà văn Nguyễn Mộng Giác:

Hỏi: *Nhà báo Nguyễn Hữu Nghĩa bảo anh có lập trường chính trị không rõ rệt. Ý kiến anh ra sao?*

Đáp: Anh Nguyễn Hữu Nghĩa là người đa tài, từng được độc giả *Làng Văn* bầu vào "*top ten*" đủ ngành: thơ Cung Vũ hay nhất; nhạc, ký Nguyễn Hữu Nghĩa hay nhất; bình luận chính trị của Dương Thượng Ngã "xịn" nhất. Anh ấy xuất sắc như thế, nói cái gì cũng phải đúng.

Hỏi: *Tiếng nói của Nguyễn Hữu Nghĩa hình như từ phía "nhiều nhân vật cộng đồng" và "đồng bào độc giả " Montréal?*

Đáp: Tôi không biết rõ, *no comment*!

Hỏi: *Anh "ba phải" như thế, ông Nghĩa phê "lập trường không rõ rệt" là đúng. Chán anh quá! Lập luận của ông Nghĩa, tôi thấy ngờ ngợ, quen lắm. Anh thấy thế nào?*

Đáp: Bài bản cán bộ thông tin văn hóa phường Cộng sản cố nhồi nhét, tẩy não anh em hạ sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa dấy mà!

Hỏi: *Thế vụ Montréal không phải "động đất" hay sao?*

Đáp: Động đất cái gì! "Động đậy" cho người ta khỏi quên, thế thôi!

Milan Kundera: Định nghĩa Bất Tử

Văn Học số trước, cũng trong phần *Ghi nhận đó đây*, có nhắc đến thái độ gần như hoàn toàn im lặng của nhà văn Tiệp Khắc Milan Kundera trước những biến động xảy ra trên quê hương ông. Nói Kundera không quan tâm đến quê hương, đất nước ông là một nhận định nông nổi, sai lầm. Ông bị chính quyền Cộng sản Tiệp trục xuất ra nước ngoài vì những hoạt động và bài viết chống chế độ của ông. Ngày nay đất nước có tự do, dân chủ, ông vẫn không màng gì đến chuyện trở về tham chính. Quan niệm này, chúng ta có thể tìm thấy trong tác phẩm mới nhất của ông, quyển *Bất Tử* xuất bản năm 1991 vừa qua. Trong tác phẩm quan trọng này, có đoạn ông viết: " . . . Những người sáng tạo (tạc tượng, làm thơ, viết nhạc) phải được kính trọng hơn những nhà cai trị (cai trị tôi tớ, công chức, hay cả một quốc gia); sự sáng tạo có ý nghĩa hơn quyền lực, nghệ thuật ý nghĩa hơn chính trị; các tác phẩm nghệ thuật, chứ không phải chiến tranh hay các buổi vui chơi vương giả, mới có giá trị bất tử . . . "

Milan Kundera là một trong những nhà văn có tầm vóc nhất của Tây phương trong giai đoạn Hậu Hiện đại.

Hậu Hiện đại?

Đọc sách báo văn học Tây phương những năm gần đây, người ta thấy từ "Hậu Hiện đại" được nhắc đến khá nhiều. Nhưng, Hậu Hiện đại là gì? Có nhiều người thắc mắc.

Với óc phân tích cố hữu, các nhà nghiên cứu văn học sử Tây phương phân chia quá trình Văn học và Nghệ thuật của họ thành nhiều thời kỳ: Gô-tíc, Phục hưng, Ba-rốc, Cổ điển, Lãng mạn và gần đây nhất, Hiện đại. Thời kỳ Hiện đại bắt đầu từ khoảng thập niên kỷ 10 của thế kỷ 20 này với những khai phá mới trong âm nhạc, hội họa và văn học. Picasso, Braque, Kandinsky, Chagall . . . trong hội họa; Stravinsky, Schoenberg . . . trong âm nhạc; và riêng ở lãnh vực văn học, ảnh hưởng của ba cây đại thụ Marcel Proust, James Joyce và Franz Kafka vẫn còn bao trùm cho đến ngày nay. Một trong những đặc tính của văn nghệ thời kỳ Hiện đại là . . . "phi". Kịch phi lý của Samuel Beckett, nhạc phi chủ âm của Pièrre Boulez, văn chương phi tiểu thuyết của nhóm tân tiểu thuyết Pháp . . . Phi mãi, hũ nút mãi, riết rồi người ta cũng chán, vì

thế khi bước vào thập niên kỷ 70, nhiều người quay ra bảo nhau thôi đừng phi nữa, phi nhiêu đó đủ rồi, hũ nút mãi thiên hạ không còn ai thèm để ý đến bọn mình nữa. Thế là có thời kỳ Hậu Hiện đại, đánh dấu bằng sự trở về . . . nguồn, trở về những giá trị bất biến của con người xưa nay. Sở dĩ có tên Hậu Hiện đại vì người ta chưa đồng ý với nhau về một tên gọi nghe sao cho ổn. Chẳng lẽ gọi là thời kỳ Phi lý? Nghe . . . phi lý lắm. Không được. Nhưng chẳng sao. Chuyện văn nghệ là chuyện muôn đời, còn khối thì giờ ra đấy để bàn cãi, tranh luận. Vội vã làm gì. Chuyện đặt tên cho một thời kỳ dài ba phần tư thế kỷ đâu phải chuyện chơi, lạng quạng hậu thế rủa cho mục xương. Trong khi chờ đợi, tạm thời bằng lòng với cái tên Hậu Hiện đại vậy. Khi thời kỳ Hiện đại có tên riêng rồi, Hậu Hiện đại sẽ được đôn lên làm . . . Hiện đại. Dĩ nhiên.

Văn học Tây phương đang ở thời kỳ Hậu Hiện đại, nhưng điều đó không có nghĩa là vào một buổi sáng đẹp trời nào đó, mọi người hè nhau vứt bỏ cái "phi" trong nghệ thuật của mình ra ngoài cửa sổ để tìm kiếm cái gì mới lạ khác. Nhiều người vẫn tiếp tục "phi" như không có gì đáng nói xảy ra. Điều đáng để ý là trong khi thế giới đang từ bỏ cái "phi" thì ở Việt Nam hiện nay có không ít người lại bắt đầu tập tễnh . . . "phi". Sau bao năm bị con ma hiện thực xã hội chủ nghĩa ám ảnh, bừng con mắt dậy thấy cái gì cũng mới, cũng lạ. Kể cũng đúng thôi.

Claude Simon: Triết học không đáng một đồng xu

Tuy bị nhiều người gán ghép vào nhóm tân tiểu thuyết gia, nhà văn Claude Simon của Pháp (Nobel văn chương 1985) vẫn thường lên tiếng là ông không dính dáng gì đến nền văn chương tân tiểu thuyết cả. Mới đây, trong bài phỏng vấn do tạp chí văn chương *The Paris Review* thực hiện, ông tái khẳng định lại điều đó. Ông cũng bảo tất cả những gì các nhà phê bình văn học phê phán về tác phẩm của ông – từ sự ám ảnh bởi triết học phi lý cho đến khuynh hướng nghiêng về chủ nghĩa hư vô – đều sai trật. Ông bảo ông là một nhà văn nghĩ gì viết nấy, chẳng có biểu tượng gì ráo trọi trong văn chương ông như mọi người vẫn thường tưởng tượng. Ông chỉ không chịu được văn chương thế kỷ 19 mà thôi, nhưng ông thú nhận chịu ảnh hưởng nặng từ Dostoyevsky, Conrad, Joyce, Proust và Faulkner.

Khi được hỏi nghĩ sao về Albert Camus và Sartre, ông bảo văn chương hai

người này hoàn toàn không có chút giá trị nào, nhất là Sartre. Ông bảo văn chương Sartre không lương thiện và đầy tà tâm hiểm độc! Khi được hỏi ông có tự xem mình là một triết gia không thì ông trả lời: "Dĩ nhiên không. Ngay khi còn học Trung học tôi đã không lấy một cua Triết nào. Một cách tổng quát, tôi không tin vào các triết gia. Plato đề nghị đuổi hết thi sĩ ra khỏi thành phố. Heidegger "vĩ đại" theo Đức Quốc xã, Lukács theo Cộng sản, còn J.P. Sartre từng viết: 'Kẻ nào chống Cộng, kẻ đó là con chó.'"

Ông cũng bảo tác phẩm ông chẳng hàm chứa thông điệp gì cả. Ai thích thì đọc, không thích cứ việc liệng đi.

Nhà văn thế giới, lại giật giải Nobel, nói gì chẳng được và khi nói ắt có nhiều người vểnh tai lắng nghe. Thử một nhà văn Việt Nam mở miệng tuyên bố những câu đại loại xem. Lãnh búa tạ ngay lập tức. Miệng kẻ sang có gang có thép mà.

Đính chính

Do sự sơ suất của tòa soạn, bài"Tu từ học... y khoa" của Trần Văn Tích đăng trên Văn Học số 72 & 73 có một lỗi ấn loát sau đây:

Trang 32, dòng 10 "tiêu điểm cổ thư " xin đọc là "hiệu điểm cổ thư".

Văn Học thành thật cáo lỗi cùng tác giả và độc giả.

Chung vui

Nhận được hồng thiệp báo tin lễ thành hôn của:

Anh Châu Văn Thọ
Và chị Nguyễn Thị Diệp

Hôn lễ cử hành ngày 19 tháng 7 năm 1992
tại Los Angeles, California
Ban chủ biên Văn Học và các văn thi hữu cộng tác thành thật chia vui cùng anh chị và chúc anh chị trăm năm hạnh phúc.

HỘP THƯ VĂN HỌC

Chị Lê Thị Thấm Vân: (San Jose, California): Địa chỉ của chị trong thư và ngoài phong bì khác nhau một con số 9. Không biết cái nào đúng, đành chọn một trong hai vậy. Chẳng hay báo đã đến tay chị chưa? Địa chỉ nào đúng, xin chị cho biết. Thân.

Anh Sĩ Liêm (Pháp): Chữ Bất tử của anh là bất kỳ tử mà cũng có nghĩa là sống hoài không chết. Mình cứ hy vọng nghĩa thứ hai đi. Có vậy mới vui hoài như anh nói được chứ. Chúc mừng đứa con tinh thần của anh sắp ra mắt bà con hải ngoại. Thân.

Anh Nguyễn Khắc Phú (Úc): Hy vọng báo không bị thất lạc sang . . . tận bên xứ Áo nữa! Nhưng nếu ông bưu điện Hoa Kỳ biết đọc tiếng Việt thì ổng cũng dám nhìn Úc ra Áo chứ chẳng chơi đâu. Mọi việc đành phó mặc vào tay mấy ổng vậy. Độc giả Văn Học bên Úc tuy ít nhưng họ rất yêu mến tờ báo. Cảm ơn anh đã thay mặt anh em bên đây đảm *đương* công việc liên lạc giao tiếp thường xuyên với họ.

Bác Sĩ
VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES
CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI
● bệnh nội khoa: tiểu đường - máu cao...
● bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở
NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM
giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)
ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM
thứ bảy: 9 AM - 1 PM
Tel: **(714) 641-0263**
Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

MỤC LỤC

- NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

"Bà Trưng quê ở Châu Phong". Biên khảo 1

- KHẾ IÊM

Thơ 21

- NGUYỄN MỘNG GIÁC

Bệnh hoang tưởng. Câu chuyện văn học 22

- CHÂN PHƯƠNG

Bài học của dòng sông. Tiểu luận 27

- MILAN KUDERA

Người đàn ông có ngón tay dài. Truyện dịch 34

- HOÀNG XUÂN SƠN

Thơ 37

- PHỎNG VẤN

Nói chuyện với Vũ Quỳnh N.H. 38

- VŨ QUỲNH N.H.

Mẹ con. Truyện ngắn 46

- DUY LAM

Thơ 55

- ĐINH TRỌNG HIẾU

Chợ Hôm. Bút ký 57

- NHƯ CHI

Thơ 64

- PHAN NI TẤN (N.D.)

Thơ 66

- NHƯỢC THỦY

Hoa Lavande. Truyện ngắn 67

- TRÚC CHI

Thơ 78

- YEVGENY YEVTUSHENKO *Thơ*.

PHẠM VIỆT CƯỜNG *dịch* 79

- BÙI DIỄM ÂU

Tay với trăm năm. Truyện ngắn 81
- SỬ MẶC

Thơ 97
- MAI KIM NGỌC

Chị em. Truyện dài 98
- LƯU HY LẠC

Thơ 108
- GHI NHẬN ĐÓ ĐÂY

..... 109

Chung vui

Nhận được hồng thiếp báo tin
anh chị Trương Vũ làm lễ thành hôn
cho Trưởng nữ là cô

TRƯƠNG LINH ĐÀI
đẹp duyên cùng cậu
NGUYỄN NGỌC HÙNG

Trưởng nam của ông bà Nguyễn Ngọc Hải.
Hôn lễ cử hành ngày 22-8-1992 tại Maryland.

Ban chủ biên Văn Học và các văn thi hữu
cộng tác xin chia vui cùng anh chị
và chúc hai cháu trăm năm hạnh phúc.

Đã phát hành khắp nơi

KHÚC NGUYỆT QUỲNH

Dĩa nhạc CD tuyệt tác gồm 12 ca khúc nghệ thuật
trình bày bởi tiếng hát

QUỲNH GIAO

● trên da tình yêu - LÊ UYÊN PHƯƠNG ● đêm nhớ trăng Saigon - PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG / thơ DU TỬ LÊ ● tình long lanh FRANCOISBAZIN / QUỲNH GIAO ● yêu - VĂN PHỤNG ● chiều rơi mênh mang - ENRIQUÉ GRANDOS / TRỊNH Y THƯ ● kỷ niệm - PHẠM DUY ● hội hoa đăng - DƯƠNG THIỆU TƯỚC ● hẹn một ngày về - LÊ HỮU MỤC ● mơ tiên - DƯƠNG THIỆU TƯỚC ● nhớ bạn - VŨ THÀNH ● xuân thì - PHẠM DUY ● khúc nguyệt quỳnh - MARGUERITE MONNOT / NGUYỄN XUÂN NGHĨA ●

liên lạc:
Quỳnh Giao
4960 Almaden Expwy # 191
San Jose, CA 95118
Trong nước Mỹ: $ 17.00 kể cả cước phí
Ngoài nước Mỹ: $ 19.00 kể cả cước phí

Tôi muốn mua_____ dĩa *Khúc Nguyệt Quỳnh*

Xin gửi về địa chỉ dưới đây:

_____

_____

_____

Đính kèm là chi phiếu $ _____

ANTIỆM

SÁCH ĐÃ IN

. ĐỌC KINH Đoản văn Vũ Khắc Khoan	$6.00
. HOÀNG TỬ BÉ Saint Exupéry Bùi Giáng dịch	$6.00
. MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC Gerard de Nerval Bùi Giáng dịch	$6.00
. NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG Hermann Hesse Trí Hải, Vĩnh Bách, Lan Nhã dịch	$15.00
. THƯ GỬI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI Rainer Maria Rilke Phạm Công Thiện dịch	$6.00
. SÔNG CÔN MÙA LŨ Trường thiên tiểu thuyết (4 tập) Nguyễn Mộng Giác	Tập 1: $18.00 Tập 2: $20.00 Tập 3: $20.00 Tập 4: $20.00
. LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM Biên khảo của Tạ Chí Đại Trường	$15.00
. THƠ TAGORE * Lời dâng * Tâm tình hiến dâng * Tặng vật Đỗ Khánh Hoan dịch	$8.00
. THÀNH PHỐ TRONG HỒI TƯỞNG Tùy bút Trần Hồng Châu	$8.00
. MỘT TRANG ĐỜI Tập truyện ngắn, Phan Thị Trọng Tuyến	$11.00
. ÂM NHẠC, NIỀM VUI TUỔI THƠ Nguyễn Thuyết Phong biên soạn	$8.00
. BẾN LỞ BẾN BỒI Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Hoàng Bắc	$10.00

SÁCH SẼ IN

. TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Tiệp bút của Đỗ Quý Toàn
. BỤI VÀ RÁC
Truyện dài của Nguyễn Xuân Hoàng

VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 – U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

SÁCH ĐÃ IN 1991

- VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ — 7.00MK
  Nguyên Giác Phan Tấn Hải
- TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ — 12.00MK
  Tác phẩm mới nhất của Dương Thu Hương
- VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN 45-90 — 16.00MK
  Biên khảo Nguyễn Hưng Quốc
- TRUYỆN THẬT NGẮN – *Võ Phiến* — 6.00MK
- NGỤ NGÔN – *Đoàn Nhật Tấn* — 11.00MK
- HỠI ƠI – *Thơ Ngu Yên* — 6.00MK
- SAO CÓ TIẾNG SÓNG... – *Võ Đình* — 13.00MK
- THƠ MIỀN NAM *tập I* – *Võ Phiến* — 6.00MK
  (viết về 8 nhà thơ miền Nam – Văn Học Miền Nam)
- KINH DỊCH (đạo của người quân tử) — 20.00MK
  Nguyễn Hiến Lê dịch, giải
- HỒI KÍ TẬP II (trọn bộ 3 cuốn đã in đủ) — 15.00MK
  Nguyễn Hiến Lê
- KHỔNG TỬ – *Nguyễn Hiến Lê* — 12.00MK

SẼ IN

- LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC
  Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch
- TIỂU THUYẾT I – *Võ Phiến*
  (cuốn chót của Võ Phiến toàn tập)
- TUẦN TỦ – *Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê*
- TRUYỆN *tập I* (Văn Học Miền Nam) – *Võ Phiến*

Ngoài nước Mỹ thêm 1MK cho sách 12MK. Trên 12MK thêm 2MK

Giá $3.50 MK